

MỤC LỤC

AFGHANISTAN.....	3
Điều hâu và cây khô.....	3
MIẾN ĐIỆN.....	7
Con cò đẹp! Con cò xinh!.....	7
INDONESIA.....	11
Quà tặng ông.....	11
NHẬT BẢN.....	15
Người hóa cáo.....	15
CỘNG HÒA TRIỀU TIÊN.....	22
Iu-ni và con bò.....	22
MALAYSIA.....	25
Những người hàng xóm Iạ.....	25
NEPAL.....	32
Cây sáo thần kỳ.....	32
PAKISTAN.....	38
Tu-nu và con lừa.....	38
SRI LANKA.....	43
Chiếc đèn to bằng cái nhà.....	43
THAILAND.....	50
Nhà vô địch chọi trứng.....	50
MIẾN ĐIỆN.....	55
Trận bóng đá.....	55
TRUNG QUỐC.....	59
Bờ biển Tiểu Bình.....	59

INDONESIA	69
Cuộc săn tê giác.....	69
IRAN.....	75
Chuyện Hê-li.....	75
NHẬT BẢN	85
Rừng Ke-niu	85
TRIỀU TIÊN.....	91
Đuổi chim sẻ.....	91
MALAYSIA	97
Chiếc bút chì đỏ	97
NEPAL.....	108
Mai-a và con dê nhỏ	108
PAKISTAN.....	113
Em sẽ sống mãi.....	113
VIỆT NAM.....	123
Con voi đông bão.....	123

AFGHANISTAN

DIỀU HÂU VÀ CÂY KHÔ

Ahazam Rahnaward Zaryab

Ở phố tôi, đã từ lâu, có một cây khô. Cách đó không xa là cửa hiệu nhỏ của ông thợ sửa giày. Hàng ngày, ông thường mở cửa hiệu từ rất sớm; và khi mặt trời lặn, ông đóng và khóa cửa bằng chiếc khóa to tướng. Trong phố còn có hai gã vô công rồi nghề. Tôi không biết tại sao họ không có việc làm, nhưng suốt ngày họ tuyệt nhiên không làm gì khác, ngoài việc ngồi tán gẫu trong hiệu giày, cứ hệt như họ là một phần đồ đạc trong cửa hiệu. Một hôm đi ngang qua hiệu giày, tôi thấy ông chủ hiệu không được vui vẻ và nhanh nhẩu như mọi ngày. Ông ngồi gục đầu, như chìm trong suy nghĩ. Hai gã rồi hơi nọ trông cũng buồn rầu, ngồi gục đầu ra dáng suy nghĩ. Tôi chợt nghĩ, có lẽ họ đang bắt chước ông thợ giày trong cái dáng mà người ta gọi là “tọa thiền” ngu ngốc. Tôi nghĩ chắc xảy ra chuyện không hay, nên tới cửa hiệu và nói với ông thợ giày:

“Có chuyện gì thế ông?” - Tôi hỏi.

Ông từ từ ngừng đầu nhìn tôi. Thường thì mắt ông ánh lên vẻ vui nhộn; nhưng lúc này tôi chỉ thấy trong đôi mắt ấy thấp thoáng nỗi buồn căm lạng. Cả hai gã nọ cũng nhìn tôi với vẻ mặt ngây ngô:

“Con diều hâu tôi thường nuôi bằng chim sẻ ấy, nó bay mất rồi”, - ông ta nói.

Nghe ông ta nói thế, lòng tôi tràn ngập niềm vui.

“Làm sao nó bay mất?” - Tôi hỏi, cảm thấy vui hơn khi nghĩ con chim đã được tự do. Chắc ông ta cũng thấy là tôi khoái chí, vì đột nhiên ông ta cười sằng sặc. Hai gã rồi mồm lập tức cười theo. Trong cách ông cười, có cái gì đó đầy thù hận.

“Sao ông lại cười?” - Tôi hỏi.

“Bởi vì, cái con điều chết tiệt ấy chẳng mấy nổi sẽ chết”, - ông ta nói.

“Tại sao nó chết?” - Tôi hỏi.

“Vì chân nó còn buộc một sợi dây dài”, - ông ta nói, và cái ánh tinh quái lại trở lại mắt ông: - “Nó mà đậu xuống cây nào, sợi dây sẽ cuốn ngay vào cành; thế là con chim sẽ bị cột chặt vào đó cho tới lúc chết”. - Ông ta lại cười sặc sụa và nói thêm:

“Sợi dây ấy chắc lắm. Chim nào mà kéo đứt nổi?” Nổi vui mừng trong tim tôi tắt ngấm. Lòng tôi đầy nỗi lo âu. Hai gã nọ cứ nhắc đi nhắc lại mãi câu của ông thợ giày:

“Dây ấy chắc lắm... Chim nào mà kéo đứt nổi... Chim nào mà kéo đứt nổi...”

“Nó đã bay đi, mang theo cái chết”, - ông thợ giày nói.

“Ông thật là độc ác”, - tôi nói.

Đôi mắt ông ta sáng lên:

“Tôi thường nuôi nó bằng chim sẻ còn sống”, - ông ta bảo. - “Nó giết và ăn chúng một cách ngon lành. Giờ nó bay mất. Tôi...”

Tôi bỏ đi, không đợi nghe hết câu ông nói. Những lời ông ta nói cứ vang mãi trong tai tôi: “Bởi vì chân nó còn buộc một sợi dây dài.

Sợi dây sẽ cuốn vào cành và thế là con chim sẽ bị cột ở đó cho đến lúc chết. Sợi dây ấy chắc lắm. Chim nào đứt đứt nổi!” Một đêm thật nặng nề. Tôi không sao chợp mắt nổi. Màn đêm u ám đè nặng trên ngực. Qua cửa sổ, tôi thấy đường phố đã yên ngủ. Đêm tối chỉ đem đến phiền muộn mà thôi! Tôi lại cố nhắm mắt. Đâu đó trong tôi, một ý nghĩ cứ lớn dần. Tôi cố xem ý nghĩ đó là gì, nhưng dù tôi cố gắng tới đâu đi nữa, nó vẫn không định hình được. Một sức mạnh nào đó đang kìm giữ và che giấu nó. ý nghĩ ấy tiếp tục vật lộn để tự giải thoát. Đêm dần qua. Người tôi hăm hập vì cơn sốt khó hiểu. Rồi đêm tối bắt đầu tan. Trong trạng thái nửa thức, nửa ngủ, tôi bỗng thấy thế giới này đầy dây dợ. Dây dài có, dây ngắn có. Cái phố tôi ở cũng chằng chịt dây dợ. Dây to, dây nhỏ đủ cả. Có điều tất cả những dây ấy đều rất chắc, không thể đứt được. Đột nhiên tôi thấy mỗi sợi dây đều buộc vào chân một người. Chân chẳng ai cũng có dây buộc. Chân tôi cũng vậy. Tôi tỉnh dậy, người run lấy bậy. Trời đã sáng. Tiếng người la hét từ phố vọng vào. Tôi

ra ngoài thì trông thấy đám đông tụ tập dưới gốc cây khô gần hiệu sửa giày. Ông thợ giày đang khoa chân múa tay, la hét âm ỉ. Thấy tôi, ông nhún nhảy đến gần, hét tương lên:

“Thấy chưa? Tôi đã nói rồi mà!”.

“Ông nói gì cơ?” - Tôi hỏi.

“Thôi được, cứ đến đây”, - ông ta nói. Túm tay tôi, ông ta lôi đến chỗ cây khô, chỉ lên cây và bảo: “Đấy! Nhìn xem!”.

Con điều hâu đang treo trên cành.

Sợi dây ở chân nó cột chặt vào cành. Trên mặt đất vương đầy những sợi lông con chim làm rụng trong cơn vật vã với cái chết. Nó đã chết cứng. Cái đầu rũ xuống, hai con mắt không còn sinh khí nhìn tôi trừng trừng. Tôi như nghe nó nói những lời cay đắng:

“Đến đây cùng đường rồi”.

“Thấy chưa?” - ông thợ giày nói - "Tôi chẳng đã bảo cậu rồi nó sẽ chết ư?".

Đám đông tiếp tục hò hét, chỉ trỏ con chim đã chết. Mắt họ sáng lên niềm vui và thỏa mãn ngu ngốc. Tôi nghĩ chắc họ đắc chí lắm.

“Hay quá, con chim chứ không phải mình chết treo ở đó”. Tôi nhìn xuống chân họ. Tất cả đều có dây buộc. Những sợi dây rất chắc. Ông thợ giày chân cũng có dây. Những sợi dây được tạo bởi những mắt xích tròn, mỗi mắt xích là một từ. Từ đó là

“Vị kỷ”. Tôi cười phá lên.

“Sao cậu cười?” - Họ hỏi tôi.

Thay vì trả lời họ, tôi càng cười to hơn, cho đến khi tiếng cười của tôi dường như tràn ngập đường phố.

“Sao cậu cười?” - ông thợ giày hét, giọng bực tức.

“Tất cả chân của các ông đều bị buộc dây”, - tôi trả lời.

Họ sợ hãi nhìn xuống chân, rồi hỏi:

“Đâu? Có dây nào đâu?”

Nhưng tôi không trả lời. Tôi nhìn xuống chân mình: nó cũng bị buộc một sợi dây, mà mỗi mắt xích nhỏ là một từ “Vị kỷ”...

“Vị kỷ”...

“Vị kỷ”. Thì ra ý nghĩ bị cầm tù trong tiềm thức của tôi cuối cùng rồi cũng thoát ra được và bộc lộ mình. Cái thế giới này đột nhiên trở nên buồn cười, và thế là tôi lại rũ ra cười. Rồi thì tất cả chúng tôi đều đang bị treo trên cái cây khô ấy, chân mỗi người bị cột chặt vào cành. Ông thợ giày treo ngay cạnh tôi, mặt giáp mặt - một khuôn mặt buồn rầu như đang nói:

“Đến đây là cùng đường rồi!” Hai gã vô công rồi nghề cũng đang bị treo lơ lửng gần đó; hai khuôn mặt mang vẻ buồn rầu tương tự - một sự bất chước ngu xuẩn. Tôi chợt nhìn thấy con chim đang treo trên một cành cây khác:

“Tại sao nó lại quay về nhỉ?” - Tôi tự hỏi. Nhưng rồi tôi nhìn thấy một sợi dây thứ hai buộc ở chân của nó. Sợi dây này kéo dài tới tận cửa hiệu sửa giày. Và, sợi dây được làm bằng những con chim sẽ còn sống!

MIỄN ĐIỆN

CON CÒ ĐẸP! CON CÒ XINH!

Gayetni

Tôi với đứa bạn đang chơi nặn hình những con bò nhỏ bằng đất sét. Đất sét này dẻo và mịn, vì chúng tôi lấy ở tận đồi Con Mối. Nó không bở như loại đất sét pha cát. Bây giờ là đầu mùa mưa; trời đang mưa phùn nhẹ. Vì vậy chúng tôi chơi nặn hình dưới tán lá của một cây to. Thế rồi có hai đứa lớn hơn từ phía bên kia làng qua chỗ chúng tôi đang chơi. Một đứa rất khỏe, có biệt hiệu là Kiu-di, nghĩa là “trâu mộng”. Nó mang theo một con cò còn sống ở trong áo.

“Cậu kiếm đâu được con cò thế?” - Bạn tôi hỏi thằng Kiu-di.

-"Bắn bằng súng cao-su à?"

“Ừ, tao hạ nó ở gần ao”, - Kiu-di trả lời.

“Tao cũng bắn trúng một con, nhưng nó lại bay mất”, - thằng khác nói.

“Lấy ra cho tớ xem một tý”, - tôi bảo Kiu-di.

Nó làm ra vẻ miễn cưỡng, nhưng rồi cũng lôi con chim từ trong áo ra. Chúng dùng sợi dây leo buộc chân con cò, để nó khỏi bay mất. Vừa cầm con chim trong tay, tôi đã thấy mê nó ngay. Nó mới đẹp làm sao! Lông nó trắng như sữa, còn mỏ và chân một màu xanh nhạt thật đáng yêu.

“Giá mình có con này mà nuôi thì tuyệt quá”, - tôi nghĩ bụng.

Tôi rất thích nuôi loài vật; hiện ở nhà, tôi đã có một con chó, một con mèo và một con gà mái ghe. Con gà đang ấp mười bốn quả trứng, nên tôi đang đợi khi trứng nở sẽ có nhiều gà con. Nhưng bây giờ, tôi không còn nghĩ được gì khác, ngoài chuyện khao khát có được con cò xinh đẹp này của thằng Kiu-di.

Thằng Trâu Mộng chỉ nhìn mặt tôi là nó biết ngay tôi đang nghĩ gì. Nó bảo:

“Mày có muốn nuôi nó không?”.

“Ồ, muốn quá đi chứ”, - tôi vội trả lời.

-"Cậu cho tớ nhé?"

“Được thôi! Mày lấy đi. Nhưng mày cũng phải trả cho tao cái gì chứ? Tao muốn mười điều thuốc lá”.

Bọn bạn cùng tổ tôi không đứa nào biết hút thuốc lá, nhưng thằng Kiu-di và bạn nó lớn hơn, nên bắt đầu lén hút.

“ồ, tớ muốn có con cò lắm, nhưng thuốc lá, tớ lại không có”, - tôi nói.

“Nhưng cô mày ở cùng nhà hút thuốc đấy thôi? Mày lấy của cô ấy mấy điều”.

“A, cô ấy chắc chẳng còn đâu. Còn lấy mà chưa hỏi thì tớ không dám. Không, tớ không thể làm thế được. Thôi, tớ đưa cậu ít tiền vậy!”

“Không được! Tao lấy tiền làm quái gì. Chúng tao cần thuốc lá. Nếu mày không có thuốc đổi, chúng tao sẽ tìm người khác”.

Nghe nó nói thế, tôi hoàn toàn thất vọng. Tôi có dám lấy trộm thuốc lá của cô tôi không? Không, làm thế là không tốt, và chắc chắn tôi sẽ bị ăn đòn.

“Thôi vậy, bọn tao đi đây”, - bạn thằng Kiu-di nói.

Sau đó thằng Kiu-di giằng con chim từ tay tôi. Con cò bắt đầu đập cánh liên hồi, tựa như nó không muốn rời tôi. Tim tôi đập mạnh. Tôi chỉ còn nghĩ được rằng dù thế nào, và bằng bất cứ cách nào, tôi cũng phải có con cò ấy.

“Cậu nghĩ tớ phải làm gì bây giờ?” - Tôi hỏi đứa bạn.

Nhưng nó chỉ lắc đầu và nói tự tôi phải quyết định lấy. Kiu-di và bạn nó đi xa dần, mang theo con chim vẫn đang còn đập đập đôi cánh như cầu cứu tôi. Bỗng nhiên tôi không còn chịu nổi nữa.

“Được rồi”, - tôi gọi to. - "Tớ đồng ý đổi. Mang con cò lại đây, tớ sẽ kiếm thuốc cho cậu!”.

Tôi về nhà, lên thẳng tủ của cô tôi. Hai tay còn bê bết đất, tôi lôi hộp thuốc ra và đếm lấy đúng mười điếu, làm cái hộp rộng hẳn. Sau đó tôi cẩn thận đặt về chỗ cũ và chạy lại chỗ bọn nó đang đợi.

“Này, cầm lấy”, - tôi bảo Kiu-di.

- "Đủ mười điếu đấy nhé".

Nó đưa cho tôi con chim, và thế là tôi trở thành người chủ đầy kiêu hãnh của con cò đẹp nhất trên đời! Tôi chia tay với đứa bạn, rồi mang con cò về nhà. Tôi lấy một cái hộp cũ, mấy thanh tre nhỏ làm thành cái lồng cho chim và cho nó một ít thức ăn. Sau đó, tôi ngồi và chỉ còn mỗi một việc là ngắm nghía con chim đáng yêu ấy cho đến tận chiều tối, khi tôi nghe tiếng mọi người đang làm bữa tối ở trong bếp. ăn xong, tôi lại đến chỗ con cò; nhưng chỉ một lúc sau tôi nghe thấy giọng bực bội của cô tôi.

“Ai lấy thuốc lá của tôi thế này?” - Cô tôi nói. Cô lần lượt hỏi từng người, trừ tôi. Cô biết tôi không hút thuốc, vì vậy chẳng bao giờ cô nghĩ là tôi lấy thuốc của cô. Chắc cô nghĩ em trai cô, tức là chú San Hung hiện đang ở cùng chúng tôi đã lấy thuốc của cô. Cô bảo trên hộp vẫn còn vết tay dính bùn, mà chắc là tay chú tôi dính bùn lúc đi câu hồi sáng. Và thế là cô bắt đầu xỉ vả chú, cứ như chú đã ăn cướp nhà băng không bằng.

“Nhưng em không lấy thuốc lá của chị!” - Chú một mực nói.

“Bất cứ khi nào mượn của chị cái gì, em đều hỏi chị cả. Vả lại em cũng còn khối thuốc cơ mà. Này, bao thuốc của em đây. Chị xem vẫn còn đầy nhé”.

“Nhưng chắc chắn là cậu lấy”, - cô tôi nói.

- "Mà còn ai vào đây nữa chứ?"

“Nhưng mà em không động đến thuốc của chị”.

"Cậu nói dối! Cậu là thằng ăn cắp; đúng thế đấy. Từ giờ đừng có mà hỏi xin, hay mượn tôi cái gì nữa nhé!"

Trong nhà này, chú San Hung đối với tôi cũng như người anh vậy. Nghe những lời mắng mỏ của cô, tôi càng thêm hổ thẹn. Chú tôi bị coi là thằng ăn cắp, kẻ dối trá vì một việc mà tôi đã làm. Thật tình tôi không nghĩ việc ấy lại xấu xa đến thế, nhưng đúng là tôi đã ăn cắp, và nếu tôi cứ yên lặng, thì lại còn là một đứa dối trá nữa! Im lặng chẳng phải là một loại dối trá đó sao? Cô tôi tiếp tục xỉ vả chú San Hung. Tôi có thể thấy là chú tôi mỗi lúc một tức hơn.

Mặt chú tím lại, tôi sợ chú sẽ nện chị gái chú mất. Nếu thế thì thật đáng sợ! Tôi chạy vào chỗ hai người, nói hấp tấp:

“Xin cô tha lỗi. Chính cháu đã lấy thuốc của cô”.

“Cháu nói sao?” - Cả chú và cô tôi cùng nói một lúc.

“Cháu muốn nuôi con cò, mà giá con cò những mười điều thuốc. Cháu thế nào cũng phải có con chim ấy”, - tôi nói, cố gắng để chú và cô tôi hiểu.

“Sao lại có chuyện như thế được chứ?” - Cô tôi hét toáng lên.

- "Trở thành kẻ ăn cắp chỉ vì một con cò già". Và chú tôi cũng mắng thêm: “Đúng là thằng ăn cắp”, - chú nói. - "Cháu không thấy xấu hổ à? ăn cắp chỉ vì một con cò già”.

“Không phải thế đâu”, - tôi nói. - "Con cò của cháu đẹp cực kỳ. Cháu cần phải có nó!”

Nhưng tôi thấy là cô và chú tôi không hiểu.

“Tại sao cháu không hỏi cô?” - Cô tôi nói.

“Cháu sợ cô không cho”.

“À. Kẻ nào không dám nói thật, kẻ đó vừa hèn, lại vừa dối trá”.

“Cháu hứa sẽ không bao giờ làm như vậy nữa”, - tôi nói.

“Thôi được”, - cô tôi vừa nói, vừa châm điếu thuốc còn lại và mỉm cười, - "Lần này thì cô tha thứ, nhưng đừng bao giờ làm như thế nữa, nhớ chưa? Nếu không cô sẽ phải gọi cháu là Nga-tét-pia, vì chắc lớn lên cháu cũng sẽ thành tay trộm cắp như nó”.

“Xin cô đừng gọi cháu thế. Cháu đã nói thật với cô, thì cháu không còn là thằng ăn cắp, đúng không? Cháu không giống Nga-tét-pia, đúng không?”

“Không, cháu không phải là thằng ăn cắp”, - cô tôi nói, vỗ vai tôi và cười.

- "Thôi nào, cho cô và chú San Hưng xem con cò của cháu đẹp thế nào nào”.

Và cô cười phá lên. Khi ba chúng tôi đến chỗ lồng nhốt con cò, một lần nữa tôi tự nhủ:

“Không, ta sẽ không bao giờ, không bao giờ giống như Nga-tét-pia”.

INDONESIA

QUÀ TẶNG ÔNG

Jusran Safano

Có một cậu bé tên là Ba-cơ-ri sống tại một làng hẻo lánh nằm sâu trong núi. Làng cậu hẻo lánh thật, nhưng được cái yên tĩnh và thanh bình. Một dòng nước xiết từ trên núi đổ xuống, chảy qua làng. Đêm đêm nằm ngủ, dân làng còn nghe tiếng róc rách của dòng nước trong suốt như pha lê. Và sáng sáng vào lúc mặt trời mọc, họ còn nghe một thứ tiếng khác, từ lâu đã trở thành một bộ phận trong cuộc sống của họ. Đó là tiếng của chiếc trống lớn trong nhà thờ Hồi giáo bên sông, và giọng nói ngân nga nhắc mọi người cầu kinh buổi sáng. Con người sáng sủa vẫn thức gọi dân làng ấy chính là ông của Ba-cơ-ri. Cậu có giọng nói to, khỏe, nghe như vang đến tận trời; cậu rất tận tâm với công việc, chưa hề quên một buổi nào. Vậy mà sáng hôm ấy, không nghe thấy tiếng cậu từ nhà thờ vọng tới. Ba-cơ-ri lấy làm lạ, bắt đầu lo lắng, không biết đã xảy ra chuyện gì. Ông nó ốm chăng? Lúc đầu, Ba-cơ-ri định không đến nhà thờ cầu nguyện, mà vẫn đến nhà ông xem có chuyện gì. Thế nhưng nó lại không muốn bắt đầu một ngày mà không cầu kinh buổi sớm. Vả lại, có thể sẽ có người ở nhà thờ cho biết chuyện gì đã xảy ra với ông. Trong nhà thờ, nó tìm ông khắp nơi mà không thấy. Mọi người cũng chẳng biết ông nó ở đâu.

“Ông ốm nằm nhà chăng?” - Nó tự hỏi.

Khi buổi cầu kinh bắt đầu, Ba-cơ-ri cố tập trung tư tưởng, xua đi mọi thứ trong đầu, để có thể toàn tâm cầu nguyện. Thế nhưng nó vẫn cứ lo lo.

Sau buổi lễ, nó đi về phía nhà người ông nhưng rồi nó dừng lại ngẫm nghĩ. Phải mang quà gì thăm ông chứ nhỉ? Bây giờ đang là vụ thu hoạch mun cang, loại hạt dẻ mà ông nó chả cho là ngon nhất đó sao?

“Đúng rồi, trước hết ta hãy đi nhặt hạt mun cang biểu ông đã”. Thế là nó vội vã đi trong xa mù buổi sớm, về hướng Đồi Hạt Dẻ, nơi có loại mun cang chắc mẩy nhất. Trời đang lạnh, nhưng khi đi nhà thờ, nó đã mặc chiếc sarong dày, nên bây giờ nó quấn vạt sarong quanh người và đi về phía núi. Trên đường đi, nó nghĩ ông nó sẽ ngạc nhiên sung sướng lắm, nếu nó lượm được thật nhiều hạt ở Đồi Hạt Dẻ. Vỏ hạt rất cứng, sau khi ăn hết phần nhân bên trong ông nó sẽ dùng vỏ hạt gọt, trở thành những chiếc nhẫn; việc này ông nó làm rất giỏi. Này nhé, nhẫn ông nó làm được nhiều làng bản biết tiếng, và ngay cả với giá năm mươi ru-pi, vẫn bán chạy như thường! Và nếu nó nhặt được nhiều hạt, đủ làm một trăm chiếc nhẫn, thử tính xem ông sẽ được bao nhiêu tiền? Chắc ông mừng đến hết cả ốm!

“Để xem nào”, - Ba-cơ-ri tự bảo.

- "Nếu ta nhân năm mươi ru-pi với một trăm chiếc nhẫn, ta sẽ được bao nhiêu?"

Nó cố tính trên đầu ngón tay, nhưng vẫn không thể tính ra được.

Bạn biết đấy, nó mới học đến lớp ba. Thôi, thì bao nhiêu cũng được, nhưng chắc là ông sẽ hài lòng. Ba-cơ-ri bắt đầu huýt sáo một điệu nhạc vui, rồi bỗng nhiên im bật. Ngộ những đứa khác trong làng đã đến Đồi Hạt Dẻ trước nó, và nhặt hết số hạt rụng đêm qua thì sao? Nghĩ vậy, nó rảo bước nhanh hơn. Nó đến chân Đồi Hạt Dẻ đúng lúc mặt trời vừa nhô lên khỏi chân trời, quét lên nền trời một màu đỏ rất đẹp. Nó chạy một mạch lên đồi, làm kinh động lũ chồn bay đang trên đường về tổ ngủ qua ngày. Lên tới đỉnh đồi, nó dừng lại thở. Nó sung sướng thấy mình là người đến đó sớm nhất; chưa thấy bóng dáng bọn trẻ khác. Dưới vạt cây mun cang, mặt đất phủ đầy hạt. Đêm qua gió mạnh nên hạt rơi nhiều hơn mọi ngày. Ba-cơ-ri vừa vui vẻ hát thầm, vừa bắt đầu lượm hạt. Nó dùng chiếc sarong làm túi đựng. Đó là sarong diện nhất của nó, nhưng nó tự bảo sẽ giặt lại cẩn thận khi về nhà. Bỗng nó nghe thấy tiếng cười. Có ai đó đang lên đồi. Chắc là bọn trẻ trong làng, nó tự bảo. Bọn chúng mà biết mình đến sớm thế, không rủ bọn nó đi cùng, và mình đã gom hết cả số hạt rụng, chắc chúng sẽ tức lắm và có thể lấy hết số hạt của mình nữa. Và nếu chúng không nện cho mình một trận vì tội tham lam thì đã là may lắm. Cách tốt nhất bây giờ là nấp kín trước khi bọn kia thấy. Chạy vội vào rìa vạt mun cang, nó bò vào một bụi rậm và nấp kín trong đó. Nó ngồi

im trong bụi, cầu mong bọn kia đừng thấy nó. Nó im lặng đến gần nghẹt thở. Một lúc sau, nó thấy năm đứa đang đi theo sườn đồi. Bọn chúng đều lớn hơn nó. Bọn trẻ dừng lại cạnh vạt cây, nhìn ngó xung quanh, bối rối.

“Bọn mình đến quá muộn rồi”, - một đứa tiu ngửu nói.

“Chẳng còn lại lấy một hạt”, - đứa khác nói.

“Thật xúi quẩy”, - đứa thứ ba nói. - "Mất công đi cả đoạn đường dài".

“Có người đã tới đây sớm hơn”, - thằng cao nhất nói. Hầu như cùng lúc bọn chúng kêu to:

“Ba-cơ-ri! Đúng là nó đã đến đây trước”. Và một đứa thêm:

“Mà nó thì bao giờ cũng dậy trước khi mặt trời mọc để đến nhà thờ”. Từ trong bụi nấp, Ba-cơ-ri nghe thấy hết. Nó càng sợ và càng cầu nguyện gấp hơn.

“Nhìn kia”, - một đứa nói, chỉ vào chỗ sương còn ướt dưới một cái cây.

- "Vết chân nó còn in rõ ở kia. Chắc nó vừa mang chỗ hạt nhặt được rời khỏi đây xong".

“Nhanh lên”, - đứa khác nói. - "Nếu bọn mình đi nhanh thì có thể đuổi kịp và lấy chỗ hạt của nó". Đứa lớn nhất nhìn xuống, dáng suy nghĩ. Cuối cùng nó nói:

“Không được! Như thế không công bằng. Chẳng phải là nó đã dậy sớm đến nhà thờ, rồi tới đây trước chúng ta, trong khi bọn mình vẫn còn ngủ say tít trên giường đó sao? Thôi, tớ nghĩ nó được quyền hưởng số hạt đó, còn chúng mình thì không. Nếu muốn nhặt được hạt, bọn mình nên dậy sớm, chứ không nên lấy hạt của nó. Bọn mình cũng nên đến nhà thờ vào lúc mặt trời mọc”. Những đứa kia nhìn nó, vẻ ngượng ngùng. Tất nhiên, chúng biết là nó nói đúng. Nếu chúng không quá lười, chắc chúng cũng lượm được hạt. Không nói với nhau lời nào, chúng bắt đầu quay về, chậm chạp bước xuống đồi. Từ trong bụi, Ba-cơ-ri theo dõi câu chuyện. Nó rất cảm động. Nó thầm cảm ơn Chúa đã nghe thấu lời cầu nguyện của nó, nên bọn kia đã không nhìn thấy nó. Nhưng nó cũng ái ngại trước vẻ mặt buồn thiu của bọn chúng. Đột nhiên nó đứng dậy, gọi tương lên và chạy theo bọn kia. Mấy đứa dừng lại, quay về phía

Ba-cơ-ri. Chúng kinh ngạc thấy nó chạy lại chỗ chúng. Đến nơi, Ba-cơ-ri nói:

"Tớ xin lỗi đã nhặt hết cả hạt. Đây, các cậu cầm lấy phần này. Dù sao chúng mình cũng là bạn bè, cần phải chia sẻ ngọt bùi chứ!" Năm đứa đứng đó, hết nhìn Ba-cơ-ri, rồi lại nhìn nhau. Cuối cùng đứa cao nhất nói:

"Thôi, Ba-cơ-ri, cảm ơn cậu. Chỗ hạt đó là của cậu, vì cậu đã dậy sớm đến lượm".

"Đừng nói vớ vẩn", - Ba-cơ-ri vừa trả lời vừa nắm tay bạn nó.

- "Tớ thực lòng muốn các cậu cầm lấy. Tớ định mang chỗ hạt này đến cho ông tớ, bởi vì không thấy ông tớ gọi mọi người cầu kinh sáng nay, nên tớ nghĩ là ông tớ bị mệt, phần tớ ngần này cũng đủ làm ông vui lắm rồi".

"à, phải rồi", - một đứa nói.

- "Sáng tớ thấy ông cậu nói chuyện với người hàng xóm; nghe ông nói ông bị cảm lạnh, nhưng chắc sau vài ngày lại có thể đến nhà thờ được".

"Thế thì ta sẽ làm thế này nhé", - đứa cao nhất nói.

"Ba-cơ-ri chia hạt của nó cho bọn mình; rồi tất cả bọn mình đem hạt tới tặng ông của Ba-cơ-ri. Thế là ông sẽ mau lành bệnh và khỏe mạnh, và chúng ta sẽ lại được nghe tiếng của ông vang khắp làng, nhắc chúng ta cầu kinh buổi sớm". Bọn trẻ quyết định như thế. Trời đẹp và trong. Mấy đứa khoác vai nhau xuống đồi trong nắng, vừa hát vui vẻ, vừa đi về phía nhà ông của Ba-cơ-ri.

NHẬT BẢN

NGƯỜI HÓA CÁO

Nankichi Niimi

Có bảy cậu bé đang đi trên con đường làng dưới ánh trăng. Một vài đứa còn rất bé, mới vừa đi học được khoảng một năm; những đứa khác lớn hơn một chút. Chúng đang trên đường đến đêm hội của một ngôi đền ở thị trấn gần đó, cách làng khoảng một dặm. Mặt trăng đang ở cao trên bầu trời, nên những cái bóng của mấy đứa trên mặt đất trông lùn tịt. Chúng rất thích thú. Những cái bóng của chúng, cái đầu thì to, cái chân mới ngắn chớ! Chúng đều cười. Mấy đứa còn thử thay đổi hình dạng cái bóng bằng cách chạy lên trước mấy bước. Vào đêm trăng sáng, bọn trẻ thường tưởng tượng ra đủ chuyện kỳ quặc và lý thú. Con đường chạy qua một ngọn đồi nhỏ, hơi dốc một chút. Khi tới đỉnh đồi, chúng đã có thể nghe văng vẳng tiếng sáo đêm hội theo làn gió nhẹ của đêm xuân vọng tới. Nghe tiếng sáo, chân chúng bước nhanh hơn, và một cậu bé bắt đầu tụt lại.

"Nhanh lên! Bun-rô-cu, nhanh lên", - bọn chúng gọi. Thực ra cậu bé có tên là Bun-rô-cu cũng đang cố hết sức để theo kịp những đứa khác. Ngay cả dưới ánh trăng, ta cũng có thể thấy cậu trắng trẻo, người gầy nhỏ và đôi mắt rất to.

"Em đi nhanh hết sức rồi đấy", - cậu đáp lại, giọng rên rĩ.

- "Chỉ tại đôi guốc này này. Guốc của mẹ, không phải của em". Quả vậy, đôi chân khảng khiu của cậu đang đi đôi guốc người lớn, quá to so với bàn chân nhỏ tí tẹo. Khi đến thị trấn, việc đầu tiên là chúng vào một cửa hàng bán guốc nằm trên đường phố chính. Mẹ Bun-rô-cu đã bảo chúng mua hộ bà một đôi guốc mới cho nó. Iô-ôi-nô-ri, đứa lớn nhất bọn nói với vợ ông chủ hiệu, tay đặt lên vai Bun-rô-cu:

"Bà ơi, đây là con trai bác Sê-rô-cu thợ đóng thùng. Nó cần một đôi guốc đi vừa chân. Mẹ nó bảo sẽ gửi tiền bà sau". Những

đưa khác đẩy Bun-rô-cu lên trước, để bà vợ ông chủ hiệu thấy mặt nó. Cậu con trai nhỏ của bác thợ đóng thùng thẳng người đứng yên, đôi mắt to thỉnh thoảng lại chớp chớp. Bà già cười, lấy từ trên giá xuống mấy đôi guốc mà bà nghĩ sẽ vừa chân cậu bé. Giống như một người cha, Iô-ôi-nô-ri ngồi xổm, cầm từng chiếc guốc ướm thử vào chân Bun-rô-cu. Bun-rô-cu đứng không cựa quậy và không nói gì. Là con một của bác thợ đóng thùng, nó được nuông chiều quá, và người khác thường làm mọi việc cho nó. Cuối cùng chúng cũng chọn được một đôi. Vừa đúng lúc Bun-rô-cu rút chân khỏi guốc, một bà rất già, lưng còng bước vào hiệu. Nhìn thấy cậu bé với đôi guốc mới, bà ta thâm thì, nửa như tự nói với mình, nửa như cho bọn trẻ nghe:

“Chà, chà. Bà không biết cháu là con cái nhà ai, nhưng nếu cháu xỏ chân vào đôi guốc mới lần đầu tiên vào ban đêm, chắc chắn cháu sẽ bị cáo bắt mất hồn”. Mọi người lặng đi một lúc; lũ trẻ giương mắt nhìn bà già trôn trôn, tựa như chúng đang khiếp sợ. Rồi Iô-ôi-nô-ri kêu to:

“Không, không phải thế đâu”.

“Đó chỉ là mê tín”, - một đứa khác kêu lên. Bọn trẻ gật đầu đồng tình, nhưng trên nét mặt vẫn lộ vẻ lo lắng.

“Thôi được, để đấy cho bà. Bà sẽ giải lời nguyên cho cháu”, - vợ ông chủ hiệu nói. Rồi bà làm động tác đánh diêm và đốt phía dưới hai chiếc guốc mới của Bun-rô-cu.

- "Nếu là đốt thật, ta sẽ thấy hai vệt muội đen đen bám vào guốc, làm cho nó không còn là guốc mới tinh nữa. Bây giờ, lời nguyên đã được giải. Mọi chuyện ổn cả. Chẳng còn cáo cây nào bắt mất hồn cháu nữa". Sau đó, bọn trẻ rời hiệu guốc, lên đường tới khu đèn. ở đó đã dựng một sân khấu ngoài trời. Một số thiếu nữ đang biểu diễn điệu múa của các nàng tiên. Bọn trẻ đứng phía dưới, theo dõi các vũ nữ hai tay hai quạt xoay nhanh không thể tưởng được. Thỉnh thoảng bọn trẻ lại mút kẹo đang cầm trên tay, nhưng mắt vẫn không rời các vũ nữ. Mặt các cô đều đánh một lớp phấn trắng dày, nên phải mất một lúc, bọn chúng mới nhận ra được một cô là Tô-ne-cô làm ở nhà tắm công cộng trong làng.

“Kia kia”, - bọn trẻ cười khúc khích, thâm thì với nhau: - "Chị Tô-ne-cô đấy". Xem múa được một lúc thì chúng thôi, và lách vào góc tối của khu đèn để xem đốt pháo và bắn pháo hoa. Sau đó bắt đầu biểu diễn múa rối trên một cái bè có đèn lồng chiếu sáng.

Bọn trẻ len lỏi qua đám đông, lên tận hàng trên cùng, ngay trước sân khấu nổi, trông giống như cái ban-công. Một con rối đang nhảy nhót trên sân khấu. Bọn trẻ đứng nhìn. Con rối không ra người lớn, cũng không hẳn trẻ con, còn đôi mắt đen của nó lại sáng đến nỗi khó mà tin được rằng đó không phải là mắt người thực. Thỉnh thoảng con rối lại chớp mắt. Tất nhiên, bọn trẻ biết có người đứng đằng sau điều khiển con rối chớp mắt nhưng chúng vẫn thấy sợ mỗi khi đôi mắt ấy chớp chớp. Rồi con rối bỗng há miệng, cái lưỡi dài thè ra, xong lại ngậm ngay lại trước khi bọn trẻ kịp kêu ré lên vì bất ngờ. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi đó, chúng kịp thấy mồm con rối đỏ lôm. Chúng cũng biết đó là do con người làm ra, giá vào ban ngày, chắc chúng đã cười khoái chí. Nhưng lúc này, không đứa nào cười. Dưới ánh đèn lồng, lộ nhố những bóng người bí ẩn, một con rối biết chớp mắt, thè cái lưỡi đỏ loét ra khỏi cái mồm đỏ lôm lôm. Trông nó y như thật, nên bọn trẻ đâm ra sợ. Bọn chúng vẫn nhớ tới đôi guốc mới của Bun-rô-cu và lời bà già nói:

“Nếu ban đêm cháu đi đôi guốc mới, cháu sẽ bị cáo bắt mất hồn”. Chúng cũng thấy là đã ở đám hội quá lâu. Tiếng pháo đã im, người dự hội thưa dần. Bọn trẻ cũng nhớ là đường về nhà chúng còn xa, lại phải qua đồi và những cánh đồng vắng vẻ. Chúng ra về. Trăng vẫn còn cao trên bầu trời. Nhưng nỗi hào hứng lúc đầu đã mất, nên ánh trăng không còn làm chúng vui thích nữa. Chúng bước đi lặng lẽ, tựa như mỗi đứa đều đang bận rộn nhìn vào cái thế giới bên trong của chúng. Khi tới đỉnh đồi, một đứa khum tay, ghé mồm nói thầm vào tai đứa đi cạnh. Thằng này thì thầm với đứa thứ ba; cứ thế tất cả bọn chúng đều biết bí mật, trừ Bun-rô-cu. Bọn chúng thì thầm với nhau thế này:

“Vợ ông chủ hiệu không giải được lời nguyên đầu, vì bà chỉ làm ra vẻ như là đánh diêm thôi”. Bọn trẻ tiếp tục đi, họa hoàn mới dám thở mạnh, và không nói một lời. Chúng đang nghĩ đến một điều. Bị cáo bắt mất hồn thực sự nghĩa là thế nào? Có phải con cáo ở trong Bun-rô-cu? Hay đầu óc Bun-rô-cu biến thành đầu óc cáo, trong khi người nó vẫn y nguyên? Nếu đúng như thế, thì có lẽ con cáo đã chiếm được Bun-rô-cu rồi. Nhưng làm sao biết được, nếu Bun-rô-cu không nói ra?...

Lúc này chúng đang xuống dốc. Con đường chạy qua một cánh đồng cỏ thấp. Bọn trẻ đi nhanh hơn, và đều đang nghĩ về chuyện Bun-rô-cu và con cáo. Con đường đi ngang qua một cái ao, xung quanh có mấy cây mận. Đúng lúc qua đó, một đứa trong bọn

ho nhẹ một cái. Đêm yên tĩnh, nên chúng nghe thấy rất rõ. Chúng nhìn nhau ngờ vực. Mọi vật đều yên ắng, và chúng dần dần nhận ra là Bun-rô-cu vừa ho. Bun-rô-cu ho! Điều đó nghĩa là thế nào? Càng nghĩ chúng càng tin đó không phải là tiếng ho, mà là tiếng kêu của con cáo thì đúng hơn.

“A-hèm”, -Bun-rô-cu lại ho. Và lần này thì chúng nghĩ, không còn nghi ngờ gì nữa, chắc chắn có một con cáo đang ở trong bọn chúng. Sợ quá chúng càng bước nhanh hơn.

Nhà Bun-rô-cu ở trong một vườn cam đỏ, trong một lũng nhỏ cách xa các nhà khác. Muốn tới đó phải men theo một con đường hẹp, từ đường chính tách ra, chỗ gần cái cọn nước. Thường thường bọn trẻ vẫn phải đưa Bun-rô-cu về đến tận cổng nhà nó, bởi vì chúng biết Bun-rô-cu vốn được nuông chiều, nên chẳng tự làm được việc gì. Mẹ nó thường cho bọn trẻ cam và kẹo, bảo chúng giúp đỡ cậu con nhỏ của bà. Chẳng hạn như tối hôm nay, chúng phải cất công đến tận nhà đón Bun-rô-cu, rồi mới đi đến hội. Lúc này bọn trẻ đã tới chỗ cái cọn nước. Chúng có thể nhìn thấy con đường dốc vào nhà Bun-rô-cu đâm qua đám cỏ cao và biến mất. Không đứa nào dám nhúc nhích, cứ như đã quên khuấy đi là chúng vẫn thường đưa Bun-rô-cu về tận nhà. Nhưng thực ra chúng đâu có quên, mà là chúng sợ. Chúng sợ cậu bé Bun-rô-cu. Cuối cùng, một mình Bun-rô-cu rẽ xuống đường về nhà. Nhưng nó vẫn ngoái lại nhìn, há vọng rằng ít ra Iô-ôi-nô-ri cũng cùng đi với nó. Nhưng ngay cả Iô-ôi-nô-ri cũng không động đậy. Chỉ còn một mình, Bun-rô-cu men theo con đường nhỏ vào thung lũng sáng ánh trăng. Nó có thể nghe thấy tiếng kêu như bị ghen của lũ nhái ở gần đó. Bây giờ, khi đã về gần đến nhà, nó không còn ám ức về chuyện mấy đứa lớn không cùng đi với nó nữa. Trước đây chúng vẫn thường làm thế. Đây là lần đầu tiên chúng không đưa nó về. Tuy Bun-rô-cu không phải đứa lanh lợi, nhưng ít ra nó cũng đủ nhạy cảm để hiểu chuyện gì đã xảy ra. Nó biết bọn kia thì thầm với nhau chuyện gì, và nghĩ thế nào khi nó ho. Bun-rô-cu nhớ lại, trên đường đi xem hội bọn kia đã tử tế giúp nó như thế nào. Nhưng sau khi nó xỏ chân vào đôi guốc mới, bọn chúng bắt đầu xa lánh nó.

“Chúng nghĩ cáo đã bắt mất hồn mình, vì thế chúng mới không còn thích mình nữa”, -nó nghĩ. Nó cảm thấy đau lắm. Ngay cả Iô-ôi-nô-ri lớn hơn nó nhiều và bao giờ cũng tốt với nó, mà đêm nay cũng hành động rất lạ. Thường thì người bảo trợ này nhận ra ngay khi Bun-rô-cu cảm thấy lạnh và thường cho nó mượn cái áo

khoác mặc cho ấm. Nhưng tối nay, Iô-ôi-nô-ri không hề đưa áo cho nó mượn, ngay cả khi Bun-rô-cu ho lần thứ hai. Lúc này nó đã về tới cổng sau ở cuối hàng rào. Khi đẩy cánh cổng gỗ nhỏ, nó thấy bóng nó trên mặt đất. Đầu óc nó bỗng ngờ vực:

“Có thể con cáo đã lấy mất hồn mình. Nếu thế không biết bố mẹ mình sẽ đối xử với mình thế nào?”

“Bố nó đi dự cuộc họp của những người đóng thùng và chắc sẽ về muộn. Vì vậy mẹ Bun-rô-cu và nó quyết định đi ngủ, chứ không đợi bố nó về. Mặc dù đã bắt đầu đi học, Bun-rô-cu vẫn ngủ với mẹ. Quả thật vì là con một, nó được nuông chiều và chẳng tự làm được việc gì. Sau khi đã lên giường, mẹ nó bảo:

“Nào, kể mẹ nghe về đêm hội đi con”, mẹ nó bao giờ cũng muốn biết tất cả những gì Bun-rô-cu đã làm. Khi nó đi học về, mẹ nó muốn biết tất cả những gì đã xảy ra ở đó. Và khi nó đi xem phim, mẹ nó muốn biết đầy đủ chuyện phim mà nó xem. Bun-rô-cu nói năng không được gãy gọn. Nó thường kể từng đoạn một, đang đoạn nọ lại xọ sang đoạn kia. Nhưng bao giờ mẹ nó cũng chăm chú nghe và có vẻ rất hài lòng với chuyện nó kể lại.

“Một trong những nàng tiên ấy là chị Tô-ne-cô làm ở nhà tắm công cộng mẹ ạ”, - Bun-rô-cu nói.

“Thế à?”, - mẹ nó cười vui vẻ.

- "Những người khác là ai con có biết không?"

Bun-rô-cu mở to mắt như thể đang cố nhớ. Nhưng rồi nó nói một câu chẳng liên quan gì tới chuyện đêm hội.

“Mẹ ơi, có phải cáo sẽ lấy mất hồn của người nào đi đôi guốc mới lần đầu tiên vào ban đêm không, hả mẹ?” Bị hỏi bất ngờ, mẹ nó bối rối mất một lúc. Lúc đầu bà không hiểu Bun-rô-cu nói gì. Nhưng sau bà đoán chắc con bà có chuyện gì đó.

“Ai bảo con thế?” - Mẹ nó hỏi.

Bun-rô-cu lại nhắc lại câu hỏi, giọng nghiêm trang:

-"Có đúng thế không, mẹ?"

“Không, tất nhiên là không đúng. Đó là chuyện từ đời nào ấy, lâu lắm rồi. Khi đó người ta tin vào những chuyện như vậy”.

“Thế là chuyện bịa, hả mẹ?”

“Ừ, chuyện bịa đấy mà”.

“Mẹ chắc chứ?”

“Chắc, con ạ”. Bun-rô-cu im lặng một lúc. Hai con mắt to của nó liếc qua, liếc lại một hai lần. Cuối cùng nó hỏi:

“Nhưng nếu đúng là có chuyện như thế, thì mẹ sẽ làm gì?”

“Nhưng đúng chuyện gì hả con?” - Mẹ nó hỏi.

“Tức là con cáo lấy mất hồn của con, con biến thành con cáo, thì mẹ sẽ làm gì?” Mẹ nó cười phá lên.

“Nói đi, mẹ trả lời con đi”. Nó bối rối lấy tay lắc lắc mẹ nó.

“À, à”, - mẹ nó nói, có vẻ đang nghĩ ngợi: - "Nếu con biến thành cáo, tất nhiên là bố mẹ không thể để con ở nhà được nữa". Nghe mẹ nói, Bun-rô-cu buồn thiu.

“Thế thì con sẽ đi đâu?”, - nó hỏi.

“Có lẽ là lên núi Ca-ra-xu-nê”, - mẹ nó trả lời.

“Người ta bảo cáo vẫn thường sống ở đó”.

“Nhưng lúc ấy bố mẹ sẽ làm gì?” Nét mặt bà mẹ trở nên rất nghiêm trang; đó là cách người lớn thường làm khi họ muốn trêu chọc trẻ:

“Bố mẹ sẽ bàn kỹ với nhau, và có lẽ sẽ bảo:

“Bây giờ Bun-rô-cu yêu quý của chúng ta đã hóa thành cáo, chúng ta chẳng còn niềm vui nào trên cõi đời này nữa. Thôi, chúng ta không làm người, mà cũng hóa thành cáo luôn”.

“Bố mẹ cũng hóa thành cáo à?”

“Ừ, bố mẹ sẽ mua hai đôi guốc mới, và tối mai sẽ đi vào. Bằng cách đó, bố mẹ cũng sẽ hóa thành cáo. Rồi cả ba chúng ta cùng đến núi Ca-ra-xu-nê”.

Mắt Bun-rô-cu càng mở to hơn.

“Có phải là ở phía tây, chỗ các ngọn núi cao không, hả mẹ?”

“Ừ, ở quận Si-ma-nê, tây nam Na-ra-oa”.

“Ở sâu trong núi, hả mẹ?”

“Ừ. Ở đó phủ đầy thông”.

“Thế có thợ săn không?”

“Con định nói là thợ săn có súng hả? Tất nhiên là có, bởi vì ở đó không có người, mà lại có rất nhiều thú”.

“Nếu thợ săn họ bắn mình thì làm sao?”

“Chúng ta sẽ trốn vào hang sâu, chui vào một góc nằm im. Thế là thợ săn không nhìn thấy chúng ta”.

“Nhưng khi tuyết rơi, không có đủ thức ăn, chúng ta sẽ phải ra ngoài kiếm ăn; lúc đó chó săn sẽ tìm thấy chúng ta”.

“Thì chúng ta sẽ chạy thoát thân”.

“Bố mẹ thì không sao, bởi vì bố mẹ lớn nên có thể chạy nhanh. Còn con chỉ là cáo con, con sẽ bị rớt lại đằng sau”.

“Bố mẹ sẽ nắm hai chân con lôi theo”.

“Trong khi chó săn đuổi sát phía sau?” Mẹ nó im lặng. lát sau, bà nói, cái giọng chọc gheo không còn nữa:

“À, thế thì mẹ sẽ tập tễnh chạy chậm chậm sau con”.

“Tại sao lại thế?” - Cậu bé hỏi.

“Vì bằng cách đó, chó sẽ chỉ cắn mẹ. Nó sẽ ngoạm mẹ vào mồm, cho đến khi thợ săn đến trời mẹ lại. Thế là cha và con sẽ đủ thời gian chạy thoát”.

Bun-rô-cu kinh hoảng. Nó tròn xoe mắt nhìn mẹ.

“Đừng, mẹ. Đừng làm thế”, - nó kêu: - “Thế thì con và bố sẽ mất mẹ”.

“Nhưng không còn cách nào khác, con ạ”, - mẹ nó lặng lẽ nói.

- “Mẹ sẽ tập tễnh sau con, chậm dần, chậm dần”.

“Mẹ không được làm thế! Không được! Không được!” - Bun-rô-cu hét lên, lăn lộn ở trên giường, làm rơi cả gối xuống đất. Sau đó nó ôm chặt mẹ nó một lát, nước mắt đầm đìa. Người mẹ cũng rơi nước mắt. Bà lên lau nước mắt bằng ống tay áo ngủ. Với tay lấy chiếc gối nhỏ, bà nhẹ nhàng đặt dưới đầu Bun-rô-cu.

CỘNG HÒA TRIỀU TIÊN**IU-NI VÀ CON BÒ****Oyong-su**

Phần lớn mọi người thích bò, nhưng Iu-ni thì không. Ngược lại, em thích ngựa hơn. Không làm sao thích bò được. Bò thường chậm chạp, trong khi ngựa có thể cười, dễ dãi, và cũng có thể kéo xe. Bò rất khó chơi, vì nó có sừng; hơn nữa con bò lúc nào cũng đang nhai cái gì đó, hết như một kẻ phàm ăn. Nhưng ngoài những lý do trên, một hôm đã xảy ra một chuyện khiến Iu-ni từ đó càng ghét bò hơn. Cái xóm nhỏ nơi em đang ở có khoảng chục nóc nhà; đầu xóm, có một khoảng đất trống mà dân làng dùng làm sân đập lúa. Quanh làng là những ngã đường dốc thoải, và những cánh đồng lúa. Xa xa là dãy núi cao sừng sững. Vì thế, việc bọn trẻ trong làng coi sân đập lúa là sân chơi của chúng cũng là chuyện tất nhiên. Dạo ấy là đầu mùa xuân; đó là thời gian bắt đầu cày ruộng. ở cạnh sân đập lúa, dưới gốc một cây liễu có buộc một con bò. Con bò này lông vàng sẫm, chỉ trừ hai con mắt, bụng và bốn móng đen. Những cánh liễu rủ đang chuyển màu xanh.

Sau khi ăn trưa và đánh một giấc dài thoải mái, Iu-ni cầm quả bóng cũ, đã gần rách ra sân đập lúa chơi. Em giật mình thấy con bò to lớn, vẻ hung dữ. Em kêu thét lên, hai mắt mở tròn xoe như hai cái đĩa. Em đứng im một lúc lâu, mắt dán vào con bò, theo dõi từng cử động của nó. Thỉnh thoảng con bò lại vẩy đuôi để đuổi ruồi. Mặc dù con bò hình như đang mơ màng nhìn những cây lê trở đầy hoa ở bên kia thung lũng, nhưng dáng chừng nó chẳng suy nghĩ gì, trong khi mồm thì cứ nhai bồm bồm. Khi đã bớt sợ, em đâm ra tò mò. Từng bước một, em lại gần con bò. Đột nhiên, con bò quay đầu lại phía Iu-ni. Cậu bé đứng sững, giấu quả bóng sau lưng, tin chắc là con bò định cướp của em. Thế nhưng con bò chỉ liếm lưng mấy cái, ve vẩy đuôi, mắt lim dim rồi lại bắt đầu nhai. Vẫn nắm chặt quả bóng sau lưng, Iu-ni bắt đầu tự hỏi:

“Tại sao ngựa không có sừng nhỉ? Nếu bò và ngựa choảng nhau, không biết con nào sẽ thắng?” Dù nghĩ cách nào, em cũng tin là bò sẽ thắng, vì nó có sừng. Iu-ni thích ngựa, cho nên em không thể không lấy làm tiếc: rõ ràng bò sẽ thắng trận. Iu-ni vẫn không thể hiểu tại sao con bò lúc nào cũng như đang ăn cái gì. Mặc dù em đã đến rất gần để theo dõi, nhưng chưa bao giờ thấy bò cho gì vào mồm thế mà cứ nhai, nhai mãi. Lúc này em đã bớt tò mò. Em bắt đầu không còn để ý tới con bò nữa, mà quay ra chơi bóng bằng cách tung bóng và bắt. Sau đó em đập bóng trên nền đường rải đá, nhưng lần này bắt trượt, quả bóng lăn thẳng vào dưới bụng con bò. Mãi chạy theo bóng, Iu-ni bỗng thấy em chỉ còn cách con bò có mấy bước. Em không biết phải làm gì. Con bò, hai mắt lim dim và mồm nhai cỏ, có vẻ không thấy quả bóng, hoặc chẳng để ý tới cậu bé đang ở đó. Iu-ni tin là con bò không biết có quả bóng lăn vào phía dưới bụng nó. Iu-ni quyết định nhặt lại quả bóng trước khi con bò biết chuyện. Dán mắt vào con bò, em nhích dần vào phía dưới bụng nó. Em nín thở, quỳ xuống. Nhưng ngay khi em vừa định nhặt quả bóng thì bỗng nhiên con bò hắt đầu, làm những cái nhạc đeo trên trán bò kêu vang. Cùng lúc, nó ve vẩy đuôi. Từ phía dưới bụng con bò, Iu-ni chạy vọt ra, ngã chổng vó. Sau đó em ngửa người, hai tay nắm chặt chống xuống đất, giậm chân và hét:

“Đồ ngu! Đồ ngu!”

Con bò vẩy tai một hai cái như thể tỏ ra không để ý và lại tiếp tục nhai. Iu-ni tức lắm. Em ngồi, chân vắt chéo, cầm tỳ trên tay tự hỏi:

“Làm sao lấy lại quả bóng bây giờ? Đâu phải bóng của nó, mà nó không để mình lấy? Mình có nên đi lấy cái que không? Nhưng nhớ lúc mình đi tìm, con bò giấu mất bóng của mình thì sao?” Càng nghĩ, em càng cáu và nôn nóng. Iu-ni liếc nhìn con bò. Nó đang ngủ. Mắt nó nhắm chặt, nhưng lạ chưa, mồm vẫn tiếp tục nhai. Iu-ni thấy không nên bỏ lỡ dịp lấy lại quả bóng. Em nhìn con bò. Rõ ràng con vật đang ngủ. Em quỳ xuống, vớ tay ra. Bất chợt con bò quật đuôi đúng ngay vào má Iu-ni. Em đau đớn thét lên, tay đưa lên má và lom côm bò ra khỏi bụng con bò. Em thở hổn hển, má đau rát, miệng méo xệch, em biết nếu em mở miệng bây giờ là sẽ khóc òa lên ngay. Thế mà có lúc em đã khoác lác là có thể đánh thắng hổ? Có lần em vừa bị ngã rách khuỷu tay, máu chảy ròng ròng, nhưng không thể khóc. Nhưng lần này thì khác. Em sợ

run bắn cả người. Tuy sợ xanh mắt, nhưng em không khóc. Từ chỗ sợ, em dần dần đâm cáu. Em tức tối nhìn con bò, như thể sắp điên cuồng tấn công con vật. Sau đó em hét, giọng méo mào:

“Đồ ngu! Mày định không trả tao quả bóng chắc?” Con bò vẫn chỉ tiếp tục nhai.

“Đồ ngu bóng của tao chứ!”

-Em nói trong tiếng nấc. Iu-ni nắm tay, lần cuối cùng cố dọa con bò. Nhưng cho dù cố đến đâu, em cũng biết rằng không thể chống chọi lại được đôi sừng kia. Giá con bò không có đôi sừng, thì em cũng dám choảng nhau với nó lắm đấy. Tựa như rất bực mình, con bò thè lưỡi liếm mũi, thở phì phì; sau đó nó lại nhắm mắt. Vết lằn đỏ trên má Iu-ni trông giống con giun. Lấy tay xoa xoa chỗ đau, em thét to:

“Tao đi gọi bố tao, rồi mày sẽ biết! Bố tao sẽ cho mày biết tay”. Iu-ni lại nhìn con bò, môi giấu ra. Sau đó em quay về nhà. Tới nơi, em thấy bố mẹ đã đi vắng. Chị giúp việc đang nhóm lửa nấu nồi kiêu mạch ở trong bếp. Em nằn nì mãi cho đến khi chị chịu cùng đi với em tìm quả bóng. Nhưng khi hai chị em đến sân đập lúa, thì con bò đã đeo ách kéo cày ngoài cánh đồng đầy nước. Chủ bò đi sau cái cày thúc giục. Trên sân đập lúa chống trơn, còn quả bóng không thấy đâu cả.

MALAYSIA

NHỮNG NGƯỜI HÀNG XÓM LẠ

Mail Ahmad

Khi gia đình Da-lê-la dọn về khu nhà Ta-man Sen-tô-sa, em liền kết bạn với Mỹ Linh ở nhà bên cạnh. Hai đứa cùng học một lớp, thường ngày vẫn đi học, về học cùng nhau; những lúc rỗi rãi, chúng còn cùng chơi với nhau. Tình bạn giữa hai đứa vẫn mặn mà, cho đến cái đêm mẹ Mỹ Linh mang về nhà một con chó.

“Này, con! Mẹ mang về cho con một chú cún. Quà sinh nhật của bố mẹ tặng con đấy”.

“Bố mẹ cho con?”

Cô bé kêu lên vui sướng. Ôm con chó con vào lòng, em nựng:

“Ôi, em đẹp quá! Chị sẽ gọi em là Giô-han nhé. Đúng rồi Giô-han”.

Nhưng ở nhà bên cạnh, mẹ Da-lê-la bứt dứt không yên khi biết chuyện con chó. Theo tôn giáo của gia đình Da-lê-la, chó là loài vật bẩn thỉu, không được nuôi trong nhà. Bà ướm chuyện đó với chồng, nhưng ông tỏ ra không quan tâm.

“Ôi dào, miễn là con chó không vào nhà mình, thì cũng được chứ sao”, - ông nói.

“Chả lẽ ông không nghe nó rên rỉ và sủa suốt ngày đêm hay sao?”

“À, có lẽ nó chưa quen chỗ ở mới và nhớ mẹ nó, cho nên mới sủa”.

Lời giải thích của ông chẳng làm yên lòng bà. Và bà sợ rằng Da-lê-la sẽ chơi đùa với con chó. Cuối cùng, bà quyết định cấm không cho Da-lê-la qua chơi nhà Mỹ Linh.

“Nhưng tại sao con lại không được qua bên ấy, hả mẹ?”, - nó hỏi.

“Vì có con chó, con ạ!”

“Con chó thì làm sao? Con có chơi với nó đâu?”

“Mẹ biết thế. Nhưng con cũng biết, theo tôn giáo của chúng ta, ngay cả việc chạm vào mình con chó cũng bị cấm”.

Da-lê-la buồn quá không biết trả lời thế nào. Nhưng sau đó, nó vẫn bí mật sang chơi nhà Mỹ Linh. Một buổi tối, Da-lê-la chạy vội về nhà và ra ngay đằng sau. Mẹ nó sinh nghi, liền theo ra, và thấy cô bé đang rửa đầu gối, kỳ cọ rất mạnh.

“Làm sao thế, Da-lê-la?” - Bà hỏi, làm ra vẻ ngạc nhiên.

“À, Giô-han liếm đầu gối con, mẹ ạ”.

Nghe thấy thế, bà mẹ giận quá.

“Mẹ đã bảo con không được sang nhà Mỹ Linh cơ mà? Tại sao con không nghe lời mẹ?”

“Con xin lỗi mẹ. Xin mẹ đừng giận. Đây này, con đã rửa đầu gối rồi”, - nó nói và đứng dậy.

“Mẹ có thể thấy việc đó. Nhưng từ nay con sẽ không được sang nhà Mỹ Linh nữa rõ chưa?”

“Kìa, mẹ! Mỹ Linh là bạn thân nhất của con”.

Đúng lúc đó Mỹ Linh xuất hiện:

“Dạ, xin bác chớ bực mình. Giô-han mới chỉ thử đùa với Da-lê-la thôi ạ”.

Nhưng mẹ Da-lê-la càng giận hơn.

“Ái chà! Chơi với con chó cơ đấy. Cả hai cô đều biết thế là trái với tôn giáo của chúng tôi. Nếu con chó chạm vào người, thì phải rửa chỗ đó một lần bằng nước hòa đất sét, và sáu lần nước lã”.

“Nhưng Giô-han sạch lắm”, - Mỹ Linh cãi. - “Cháu ngày nào cũng tắm cho nó. Nó không bẩn tý nào. Bác nhìn mà xem”, - nó vừa nói, vừa chỉ vào Giô-han lúc đó đã đến đằng sau.

“Bác biết thân mình nó sạch, Mỹ Linh ạ. Nhưng với các bác, thì nó vẫn là con vật không sạch sẽ. Thế đấy cháu ạ”.

Mỹ Linh không biết làm thế nào để bảo vệ Giô-han. Mà cô cũng thật sự chẳng hiểu mẹ Da-lê-la định nói gì. Chỉ có điều, cô không thích người khác buộc tội Giô-han là không sạch sẽ. Đột nhiên, con chó bắt đầu chạy quanh sân, vẫy đuôi và vui vẻ sủa vang.

“Kìa, kìa! Đem con chó ra khỏi đây ngay! Đừng để nó vào nhà”. - Mẹ Da-lê-la quát lên với vẻ ghê tởm.

Mỹ Linh không thể tin được điều cô vừa nghe. Nó làm cô bé sợ. Không nói một lời, cô chạy khỏi vườn, Giô-han theo sát đằng sau. Về nhà, cô kể cho mẹ nghe chuyện vừa xảy ra.

“Mỹ Linh! Con biết những người theo giáo phái ấy không được chơi đùa với chó mà”, - mẹ nó an ủi.

“Nhưng sao bác ấy buộc tội Giô-han của con là không sạch sẽ? Con giữ nó rất sạch”, - Mỹ Linh cãi, nước mắt đầm đìa.

Mẹ cô không nói gì. Mặc dù bị mẹ cấm, Da-lê-la vẫn tiếp tục sang chơi nhà Mỹ Linh. Hai đứa có vẻ chẳng bận tâm về chuyện mới xảy ra, bởi vì với chúng, tình bạn của chúng quan trọng hơn nhiều. Da-lê-la cũng biết Mỹ Linh yêu Giô-han vô cùng. Giô-han tiếp tục làm phiền xóm giềng. Ban đêm nó cứ học lên, đuổi cắn mèo âm ỉ cả phố xá. Một chiều chủ nhật, Mỹ Linh sang nhà Da-lê-la chơi. Trong khi hai đứa đang ngồi, Giô-han theo sang và đứng gần cổng trước. Cô-reng, con mèo của Da-lê-la ra khỏi nhà, đến chỗ hai đứa ngồi. Bỗng Giô-han chạy bổ vào trong sân, lao thẳng tới con mèo. Cô-reng nhảy dựng lên vì sợ, chạy vào nhà; Giô-han đuổi theo đằng sau. Vào trong nhà, Cô-reng định nhảy lên cái vô tuyến, nhưng khi nhảy, đã va phải lọ hoa; mẹ Da-lê-la chạy vội vào phòng.

“Trời ơi, cái lọ hoa đẹp của tôi sao thế này”, bà hét, không tin vào mắt mình nữa.

Giô-han đứng trong phòng, găm gù. Thấy con chó, bà mẹ Da-lê-la nhặt cái chổi đánh nó. Con chó chạy ra khỏi nhà kêu ăng ẳng vì đau. Mỹ Linh đứng nhìn, tuyệt vọng, nước mắt lưng tròng. Không nói gì nó chạy theo Giô-han ra khỏi sân. Da-lê-la quá sửng sốt, không biết làm gì. Em biết mẹ em rất giận, sẽ không cho em gặp Mỹ Linh nữa. Tất cả chỉ vì Giô-han! Đêm hôm đó, khi bố Mỹ Linh đi làm về, ông thấy con gái đang khóc. Cô bé nức nở kể cho bố nghe chuyện xảy ra.

“À, nếu Giô-han đuổi theo con mèo vào nhà, rồi lại làm vỡ lọ hoa, thì bác ấy tức giận là đúng rồi”, - ông bố cô nói.

“Chúng ta phải làm gì bây giờ?” - Mẹ Mỹ Linh hỏi.

“Tôi cũng chẳng biết. Tôi nghĩ nó đừng nên gặp Da-lê-la một thời gian”, - ông trả lời miễn cưỡng.

Mỹ Linh sững sốt. Lời cha cô nói làm cô hoàn toàn bất ngờ. Cô chạy về phòng, bối rối và buồn rầu về tất cả những gì đã xảy ra. Đêm đó, Da-lê-la không sao ngủ được. Cứ nghĩ mãi là chỉ vì Giô-han mà tình bạn của em và Mỹ Linh bị sút mẻ.

“Có lẽ mình phải bảo Mỹ Linh quảng con chó đi”, - nó nghĩ.

Nhưng không được! Em biết không thể bảo bạn làm thế, vì Mỹ Linh rất quý con chó. Da-lê-la không muốn mất Mỹ Linh, nhưng em biết, bạn em cũng không muốn mất Giô-han. Trong khi đó, mấy tuần tiếp theo, Giô-han vẫn tiếp tục sủa, càng ngày nghe càng lạ. Lúc đầu là rên ư ử, rồi gầm gừ sủa và cuối cùng rít lên. Tiếng nó sủa nghe rờn rợn, rất sợ! Mỹ Linh lo Giô-han ốm, nhưng bố cô cả quyết là con chó chẳng sao cả. Đêm này qua đêm khác, tiếng sủa và tiếng hú quái lạ của Giô-han cứ tiếp tục mãi. Xóm giềng cảm thấy không yên tâm, vì họ cho đó là điềm xấu. Người ta xì xào là điều ấy có nghĩa hoặc con chó, hoặc chủ của nó sẽ gặp rủi ro. Nghe thấy thế, Mỹ Linh lại càng buồn hơn. Vào thời gian ấy, Mỹ Linh và Da-lê-la không gặp nhau nữa. Mặc dù vẫn nhìn thấy nhau ở trường, chúng chẳng bao giờ nói chuyện với nhau, và khi về nhà, mỗi đứa đi một đường. Nhưng cuối cùng, một hôm, Da-lê-la thu hết can đảm để nói chuyện với bạn. Em tiến lại chỗ Mỹ Linh và nói:

“Cậu không muốn chơi với tớ nữa à?”

“Ồ, có chứ. Nhưng cậu biết là chúng ta không được phép gặp nhau nữa”.

“Chung quá cũng chỉ tại Giô-han”.

“Tớ biết, nhưng làm sao được?”

“Thế này nhé...”

“Thế nào?” ...

“Cậu không giận nếu tớ nói ra chứ?”

“Tất nhiên là không. Chúng ta là bạn bè mà”.

“Thế thì thế này, Mỹ Linh ạ. Tôi nghĩ, cậu nên buộc Giô-han lại”.

“Xích nó lại?”

“Ừ, lấy dây cột nó trong sân ấy. Rồi chúng mình lại sẽ được gặp nhau”.

“Nhưng tớ không nghĩ là nó sẽ thích thế. Nó thường được tự do chạy rong thỏa thích. Nếu tớ buộc nó lại, nó càng sửa nhiều hơn”.

“Thì đã sao, nếu chúng mình lại được gặp nhau?”

“Nhưng chắc không ăn thua đâu. Nó lại càng làm xóm giềng bực mình hơn. Họ có thể giết nó mất”.

“Đừng nói vớ vẩn. Họ giết thế nào được. Tớ chắc là, sau một thời gian bị xích, nó cũng sẽ quen đi. Mấy lại nó vẫn sửa liên tục lúc không bị xích đó thôi”.

Mỹ Linh nghĩ một lúc. Cuối cùng nó nói:

“Thôi được, tối nay tớ thử xích nó lại xem sao”.

Hai đứa cùng cười, nắm tay nhau trở về nhà. Tối hôm đó, Mỹ Linh buộc Giô-han ở cổng. Nhưng con chó sửa liên hồi. Nghe chó sửa, cô bé buồn rầu, cứ ra vào nhìn nó, xoa đầu, xoa lưng con chó mãi:

“Đừng khóc nữa em. Chị làm thế này tốt cho em mà thôi. Chẳng ai cầm chổi đánh em được nữa. Mà chị và Da-lê-la lại có thể chơi với nhau”.

Nhưng Giô-han chỉ rên ư ử và liếm mặt cô bé. Cô bé vừa làm nó yên được một lúc, thì nó lại sửa, càng to hơn trước. Thế là Mỹ Linh lại chạy ra với con chó. Bố mẹ cô lặng lẽ nhìn, lo lắng không biết nói gì. Đêm đã khuya. Mỹ Linh đã năm lần chạy ra vỗ về con chó. Vừa mệt, vừa bực, cuối cùng cô quyết định thả con chó ra.

“Thôi được! Bây giờ chị thả em ra. Nhưng em phải hứa với chị là giữ yên lặng và không chạy đi đâu nhé!”

Con chó kêu ư ử, tựa như nó hiểu những gì Mỹ Linh nói. Rồi nó hú lên và nhìn ra đường.

“Này sao thế hả? Im nào! Chị sẽ thả em ra, nhưng đừng chạy lung tung đấy”.

Cô nói và thả con chó ra. Nhưng khi cô vào trong nhà, con chó vẫn ngồi đó và nhìn mãi ra đường. Đêm hoàn toàn yên tĩnh, trừ vài tiếng nhái kêu ngoài xa. Trời bỗng đổ mưa. Mỹ Linh dần dần trôi vào giấc ngủ chập chờn. Cô mơ thấy cô cùng Da-lê-la và Giô-han, cả ba đứa đang đi, đi mãi. Chúng tới một khe sâu, nhìn xuống chỉ thấy tối đen và sâu hun hút, chứ không thấy gì khác. Thế rồi, bỗng nhiên Giô-han trượt chân và rơi vào cái miệng đen ngòm của vực sâu ấy. Mỹ Linh giật mình, hét toáng lên. Cô nhảy khỏi giường và chạy bỏ ra sân. Mới hửng sáng. Không thấy Giô-han đâu. Cô lại hét lên, và bố mẹ cô chạy ra. Cả ba người tìm kiếm quanh vườn, nhưng không thấy con chó đâu cả. Mỹ Linh tìm ở khu vực xung quanh, vừa đi vừa gọi âm lên:

“Giô-han! Giô-han”, nhưng vẫn không thấy nó. Cô buồn rầu quay về, ngồi ở chỗ Giô-han thường ngủ dưới cổng. Cô lẩm bẩm một mình:

“Giá mình đừng xích nó thì đâu đến nỗi. Nó không muốn bị xích cổ. Chính vì thế mà nó bỏ đi mất”.

Mẹ cô an ủi:

“Thôi đừng buồn, con ạ. Bố mẹ sẽ kiếm cho con con khác”.

“Nhưng nó đâu bằng được Giô-han. Con không muốn con chó nào khác. Con sẽ đi tìm Giô-han. Con biết nó không chết đâu”.

Hàng phố nhanh chóng biết chuyện xảy ra. Khi biết tin, Da-lê-la lập tức sang nhà bạn. Vừa thấy Da-lê-la, Mỹ Linh quàng tay ôm bạn khóc nức nở.

“Thôi đừng khóc, Mỹ Linh”, - Da-lê-la nói, nhưng em cũng cảm thấy rất buồn.

“Ôi, tớ biết là nó chết rồi”.

“Không đâu. Nó vẫn còn sống. Chúng mình sẽ cùng đi tìm nó”.

“Tớ biết nó chết mất rồi. Tối qua tớ mơ thấy nó bị ngã xuống vực sâu và biến mất”.

“Thôi đừng vớ vẩn. Chúng mình hãy đi tìm nó. Có thể nó ra chỗ bờ suối chúng mình vẫn câu cá”.

Thế là hai cô bé đi ra đường. Buổi sáng trời lạnh; sương long lanh trên ngọn cỏ. Mặt trời đang từ từ mọc ở đằng đông. Vì là ngày chủ nhật, nên đường ít người qua lại. Khi đến gần dòng suối cạnh

đường, hai đứa thấy vật gì đó đang nổi trên mặt nước. Tim Mỹ Linh đập nhanh. Nó bỏ Da-lê-la, chạy vượt lên trước. Đến bờ suối, nó nhìn thấy đó là xác Giô-han. Minh nó đầy vết thương tím bầm. Hình như nó bị xe cán chết và vất xuống suối. Mỹ Linh gần như ngất xỉu. Gần trưa hôm đó, Da-lê-la giúp bạn chôn Giô-han ở sau nhà Mỹ Linh. Hai cô bé trồng một bụi cây nhỏ ở phía đầu mộ. Sau đó, Mỹ Linh quỳ cạnh mộ, thì thầm, giọng run run:

“Nghỉ yên, em nhé. Cái cây này sẽ nhắc em luôn nhớ đến chị. Chị sẽ chăm nom, tưới bón cho nó lớn khỏe. Ngủ ngoan, nghe em. Chị sẽ luôn coi sóc mộ em”.

Da-lê-la, cũng quỳ bên cạnh bạn, rất cảm động trước những lời bạn nó nói. Cả hai đứa đều khóc. Chúng lặng lẽ đứng lên, nắm tay nhau, quay mặt và rời khỏi chỗ đó. Khi hai đứa vòng về trước nhà Mỹ Linh, chúng thấy mẹ Da-lê-la bước vào cổng, tay xách một cái làn nhỏ. Lúc đầu, Da-lê-la lo mẹ nó sẽ bực khi thấy nó ở nhà Mỹ Linh. Nhưng mẹ nó đã đến chỗ hai đứa, đặt tay lên vai Mỹ Linh và dịu dàng nói:

“Bác lấy làm tiếc là con chó của cháu bị chết. Bác biết cháu quý nó lắm. Nhưng bác xin cháu hiểu tại sao bác không chó Da-lê-la đến đây khi cháu có con chó. Bác hi vọng bây giờ hai đứa có thể tiếp tục chơi với nhau. Dù biết là không gì có thể thay thế con chó của cháu, bác vẫn mang cho cháu cái này mà chơi ở nhà”.

Nói xong, mẹ Da-lê-la đưa cho Mỹ Linh cái làn. Nhìn vào trong làn cô bé thấy một chú mèo con trắng muốt, hai mắt mở thao láo.

“Ôi, con mèo đẹp quá”, - Mỹ Linh kêu lên. Bế con mèo tròn trĩnh như quả bóng lông trắng lên, và xoa xoa nó vào má mình, cô bé nói:

“Chị biết là Giô-han sẽ không bao giờ tị với em. Chắc nó sẽ vui vì chị đã tìm được bạn mới. Em sẽ giúp chị cùng chăm chút cho cây nhỏ của nó nhé”.

Nước mắt lưng tròng, nó quay lại phía mẹ Da-lê-la.

“Cháu cảm ơn bác. Cảm ơn bác. Cháu sẽ quý con mèo này như đã quý Giô-han. Và Da-lê-la cùng cháu sẽ mãi mãi chơi thân với nhau”.

NEPAL**CÂY SÁO THẦN KỲ****Madhav Ghimire**

Mặt trời đang lặn khi Xu-cu-ma đang đi ngược con đường đất vào một làng nhỏ. Cậu bé khoảng mười một tuổi. Xa xa là dãy Hi-ma-lay-a hùng vĩ, những đỉnh núi cao chót vót vẫn còn tắm trong ráng chiều đỏ ối. Xu-cu-ma chỉ có một mình, cũng chẳng quen ai trong làng. Thế nhưng, cậu vẫn há vọng sẽ tìm được người cho ngủ nhờ qua đêm. Đàng xa, một cô bé đang cất tiếng gọi mẹ, khiến cậu chạnh nghĩ đến bà mẹ đã quá cố của cậu. Lòng đầy thương nhớ, cậu rút cây sáo và đưa lên môi. Cậu cảm thấy mỗi khi thổi một bài, cậu cũng như đang cất tiếng gọi mẹ, giống như cô bé đang gọi mẹ ở đàng xa kia.

Khi cậu đang thổi sáo, thì có một bà đứng tuổi đi trên đường phía sau cậu; vai bà mang bó củ nặng. Bà là vợ ông trưởng làng. Bà dừng bước, yên lặng lắng nghe điệu nhạc cậu bé thổi. Linh cảm có người, Xu-cu-ma quay nhìn bà. Khi mắt họ gặp nhau, cả hai đều thấy hình như họ đã biết nhau từ lâu. Người đàn bà hỏi:

“Này, con đi đâu thế?”

“Con từ nơi xa tới đây, mẹ ạ. Con đang tìm chỗ ngủ qua đêm”, - cậu bé trả lời. Họ xưng mẹ con với nhau chỉ vì tử tế, hay còn có cái gì sâu đậm hơn chẳng? Người đàn bà hình như ngạc nhiên. Mặc dù cậu bé không quen ai trong làng, và xem ra cũng không biết đi đâu, thế mà cậu đứng thổi sáo một cách vui vẻ như bất cứ đứa trẻ vô lo nghĩ nào.

“Con hãy đi với mẹ”, - bà nói.

-"Em con đang gọi mẹ đấy. Khi nghe tiếng sáo của con, lòng mẹ như thấy con đang cất tiếng gọi mẹ bằng khúc nhạc. Nào, đi con, chúng ta về nhà thôi".

Cậu bé cất sáo, theo người phụ nữ về nhà. Mới năm tuổi, Xu-cu-ma đã mất mẹ. Cậu chỉ còn nhớ, mẹ cậu có đôi mắt sáng và chuôi hạt màu xanh luôn đeo ở cổ. Cậu tin là mẹ cậu vẫn sống trong trái tim cậu. Chiếc sáo cậu mang theo là quà của ông bố tặng. Sau khi mẹ cậu mất, tối tối trước khi đi ngủ, bố cậu thường mang sáo ra thổi. Chính âm điệu trầm bổng của cây sáo đã ru cậu bé vào giấc ngủ. Một tối, khi bố cậu đang ngồi thổi sáo, Xu-cu-ma hỏi:

“Mẹ đâu, bố? Tại sao con không còn gặp mẹ nữa?”

Người bố đặt cây sáo xuống, mắt đượm buồn.

“Mẹ con bây giờ đang sống trong ngôi nhà của Phật. Dù mẹ ở mãi tí trên trời, mẹ vẫn sống trong tim cha con mình, con ạ”.

Rồi Xu-cu-ma hỏi:

“Có bao giờ bố gặp mẹ ở trong tim không?”

Ông nhìn xuống cậu bé, trả lời:

“Có, con ạ. Mỗi khi thổi sáo là bố lại gặp mẹ”.

“Bố ơi, con rất muốn gặp mẹ! Bố hãy làm cho con một cây sáo, để con cũng thấy mẹ vẫn ở cùng con, mỗi khi con thổi sáo”.

Ngay sau đó, bố Xu-cu-ma cẩn thận làm cho cậu bé một cây sáo và dạy cậu cách thổi sáo. Bố cậu cũng dạy cậu biết thưởng thức vẻ đẹp của đêm trăng, và bài hát do tiếng mưa rơi tạo thành. Bố cậu thường bảo:

“Cần phải vui, và thổi sáo một cách vui vẻ, vì điều đó sẽ làm mẹ con vui sướng khi nghe tiếng sáo của con”.

Xu-cu-ma dành tất cả thời gian tập thổi sáo. Một hôm, lúc cậu lên chín, bố cậu bảo:

“Con ạ, bây giờ con thổi sáo giỏi hơn bố rồi đấy. Nhưng bố muốn nói với con điều mà trước đây bố chưa nói với con. Mọi người ai cũng có thể cảm nhận, tận trong tim họ, làn điệu du dương của cây sáo, cho dù họ là loại người nào. Mỗi khi thổi sáo, con phải thổi với tất cả tình thương yêu trong trái tim con; thế là, mọi người sẽ nhận ra tình thương yêu của con qua tiếng sáo. Và con sẽ có thể tìm được người mẹ thực sự của con”.

Sau đó ít ngày, bố Xu-cu-ma qua đời. Buồn rầu và đơn độc, cậu bé cất sáo, trong sáu tháng trời, không hề động đến nó.

Suốt trong thời gian ấy cậu cứ khóc thầm một mình. Vì không còn chỗ nương tựa, nên cuối cùng người ta đưa cậu tới ở với người chú. Ở đó, cậu mới lại cầm đến cây sáo, không phải để làm mọi người xung quanh chú ý đến, mà chỉ để tỏ lòng thương yêu của cậu đối với họ, và để được nhận tình thương yêu của họ đối với cậu. Nhưng Xu-cu-ma không chịu yên phận. Một hôm cậu lấy cây sáo, rời nhà ông chú, bắt đầu một chuyến đi vô định. Trên đường đi, cậu thường thổi sáo; và những người gặp trên đường thường vây xung quanh, lắng nghe tiếng sáo; đôi khi còn nhảy theo điệu nhạc. Nhưng cậu vẫn chỉ có một mình, vì không ai thương yêu cậu được như bố mẹ thân yêu. Mọi người phần lớn chỉ quan tâm đến bản thân, cùng những việc riêng của họ, chứ đâu có thời gian quan tâm đến Xu-cu-ma sau khi thổi sáo xong. Chẳng ai có thời gian dành cho cậu, mãi cho đến buổi chiều cậu gặp vợ người trưởng làng và bà đã gọi cậu là con. Cậu như tìm thấy người mẹ thực sự trong người đàn bà ấy. Khi hai người bước vào sân, cậu nhìn thấy một cô bé đang đi trong vườn. Đó là Xay-a-pa-tri, con gái người đàn bà, mà trước đó cô vừa gọi. Bà hát đầu về phía Xu-cu-ma và bảo:

“Con này, mẹ dẫn một cậu bé ngoan về ở với chúng ta, à không phải, mẹ muốn nói là dẫn anh con về nhà”. Hai đứa đứng đó, thẹn thùng không nói một lời. Nhưng cả hai đều sung sướng. Xay-a-pa-tri không có anh trai, thì nay có Xu-cu-ma, còn Xu-cu-ma thì có cô em gái. Sau đó họ vào nhà. Khi Xu-cu-ma ngồi nhìn bà mẹ chuẩn bị bữa tối trong ánh đèn đêm ấm áp, cậu lại cảm thấy niềm hạnh phúc mà đời cậu đã mất. Một lúc sau, ông trưởng làng trở về. Ông không nói gì chỉ tò mò liếc nhìn Xu-cu-ma, khiến cậu cảm thấy không thoải mái và buồn. Bà vợ nói với chồng:

“Tôi gặp nó trên đường. Nó thổi sáo rất hay”. Suốt bữa ăn, ông ta không nói gì với cậu bé. Sau khi dọn xong bát đĩa, Xu-cu-ma lấy sáo và bắt đầu thổi nhẹ nhàng. Cả gia đình ngồi im lặng, say sưa nghe tiếng sáo. Hai ông bà cảm thấy tiếng sáo trầm bổng, du dương ấy đang khơi dậy điều gì đó thân thuộc trong trái tim họ. Xay-a-pa-tri thì cảm thấy người anh trai mới của cô như đang qua điệu sáo nói chuyện với gia đình cô. Khi cậu bé thổi xong và đi ngủ, bà mẹ dịu dàng vuốt ve mặt nó, hôn lên má nó và bảo:

“Ngủ ngon, con trai của mẹ”.

Sáng hôm sau, Xu-cu-ma dậy sớm sửa soạn lên đường. Nhưng bà mẹ ngăn cậu lại và nói:

“Mẹ là mẹ của con. Mẹ sẽ không để con bỏ nhà đi đâu”.

Và, thế là Xu-cu-ma ở lại với gia đình. Xay-a-pa-tri rất quý Xu-cu-ma, nhưng cô cảm thấy còn nhiều điều ở cậu bé mà cô không hiểu được. Cô thường thắc mắc tại sao cậu bé lúc nào trông cũng nghiêm trang thế. Ban ngày, cô thường dẫn cậu đi khắp làng, giới thiệu cậu với bạn bè của cô. Một hôm, hai đứa xuống chơi con suối gần đó. Xu-cu-ma lặng lẽ ngồi trên một tảng đá, trân trân nhìn dòng nước. Không nén nổi tò mò, Xay-a-pa-tri hỏi:

“Anh đang nghĩ gì thế?”

“Em còn mẹ, và mẹ yêu em vì em là con gái mẹ. Còn mẹ anh đã mất. Chỉ còn cách duy nhất để anh gặp mẹ là thổi sáo”. Xay-a-pa-tri sững sốt trước câu trả lời của cậu.

“Nhưng mẹ em cũng là mẹ anh cơ mà? Em không phải là em gái anh sao?” - Cô bé hỏi.

Ngập ngừng, cậu trả lời:

“Đúng, em là em gái của anh; mẹ là mẹ của anh, nhưng...”

“Nhưng thế nào hả anh?”

“Em được cha em yêu, còn anh thì không còn cha”.

“Nhưng cha em cũng là cha anh đó thôi?”

“Không phải. Bởi vì anh vẫn chưa cảm hóa được trái tim của cha em”.

“À, thế thì tối nay em sẽ nói cho cha em phải yêu anh hơn nữa”.

“Em đừng làm thế. Rồi đâu sẽ vào đấy thôi. Anh sẽ cảm hóa được trái tim của cha bằng cách thổi sáo”.

Đêm đó, sau khi hai đứa trẻ đã đi ngủ, ông chồng nói nhỏ với vợ:

“Trẻ mồ côi thường không chịu lệ thuộc vào ai đâu. Chúng không bao giờ ở lâu một chỗ. Xu-cu-ma cũng sẽ vậy thôi. Sẽ có ngày nó khăn gói ra đi. Còn bây giờ, có lẽ nó tạm ở đây rong chơi, sống nhờ vào lòng tốt của mình. Rồi nó sẽ ảnh hưởng xấu đến Xay-a-pa-tri của mình”...

Bà vợ ngạc nhiên trước lời nói của chồng.

“Cái ông này! Nó không còn bố mẹ, chính vì thế chúng ta phải là bố mẹ nó. Chúng ta sẽ là cha, là mẹ của nó. Ôi, có nhiều lúc tôi không tin là ông lại có thể nói những điều nhân tâm đến thế”. Câu chuyện chấm dứt ở đó, và hai ông bà đi ngủ. Cuộc sống trong gia đình vẫn tiếp tục như cũ. Mùa xuân đã đến, những cây đỗ quâên trong làng nở đầy hoa. Thiếu nữ trong làng tụ tập nhảy điệu Ga-tu theo tập quán của mùa xuân. Một tối mùa xuân, Xu-cu-ma ngồi bên cửa sổ, ngắm trăng đêm rằm. Những đám mây trôi và ánh trăng bàng bạc như đang xin cậu cho nghe một làn điệu đặc biệt. Nhật cây sáo lên, cậu hứng chí sáng tác một bài.

Nhưng khi chơi xong, người cậu tràn ngập nỗi buồn. Mặc dù hết sức cố gắng, cậu vẫn không có được lòng thương yêu của cha Xay-a-pa-tri. Việc ấy xem như không thể làm nổi. Cậu nghĩ: mình nên đi thì tốt hơn là cứ thế này mãi. Sáng hôm sau, trước lúc mặt trời mọc, cậu lặng lẽ rời khỏi nhà, trong khi những người khác trong gia đình còn đang nằm ngủ. Ra đến bên ngoài, cậu dừng lại, quay mặt về nhà, thăm từ biệt Xay-a-pa-tri và mẹ cô bé. Sau đó cậu lên đường. Lúc mặt trời mọc, cậu tới những đồi phủ đầy thông cách xa làng. Có lúc, cậu tưởng tượng nghe tiếng Xay-a-pa-tri gọi tên cậu. Lúc ấy cậu nghĩ, đáng ra cậu phải đợi để từ biệt cô bé. Nhưng bây giờ không thể quay lại được nữa; thế là cậu lại đi tiếp. Suốt ngày cậu lên đồi, xuống thung lũng. Khi mặt trời lặn, cậu đến được đỉnh núi. Ở đó có ngôi đền thờ Phật bà, cậu quyết định sẽ nghỉ ở đó qua đêm. Vào trong đền cậu mới cảm thấy buồn và trống trải. Trong đầu cậu nảy ra một làn điệu, nhưng đó là điệu nhạc rất buồn. Cậu cảm thấy, khi cậu bỏ Xay-a-pa-tri và bà mẹ ra đi, một lần nữa cậu lại không có gia đình. Cậu muốn sáng tác một bài tặng Xay-a-pa-tri, để nói với cô bé rằng cậu yêu cô biết bao, nhưng trong trái tim cậu lại chỉ có tiếng khóc than tuyệt vọng. Cậu ngồi đó khóc thầm. Khi cậu thức dậy, ánh mặt trời buổi sớm đang tràn qua khe cửa sổ của ngôi đền. Nhìn lên, cậu thấy pho tượng Phật bà, tay giơ ra chào cậu. Đầu Phật bà bao bọc trong ánh hào quang, và một vòng hoa đeo trên cổ. Cậu cảm thấy Xay-a-pa-tri và bà mẹ như đang hiện ra trong pho tượng - Tựa như họ đang định ôm hôn cậu bằng bàn tay Phật bà. Cậu bỗng thấy phân vân. Liệu cậu nên tiếp tục đi hay quay về với Xay-a-pa-tri và gia đình? Cậu từ từ ra khỏi đền, đến ngồi dưới một gốc cây to. Cả ngày hôm ấy, cậu ngồi ở đấy, cố quyết định xem nên làm gì. Tối hôm đó, cậu vẫn ngủ trong ngôi đền, mơ thấy Xay-a-pa-tri. Trong mơ, cô bé đang đứng trước mặt, vẫy tay gọi cậu theo. Cậu vào định nói, thì cô bé đặt tay lên

môi cậu ra hiệu im lặng. Khi tỉnh dậy, cậu hiểu cần phải làm gì. Cậu sẽ quay về nhà. Từ cái ngày cậu lần đầu đến làng, đi theo vợ ông trưởng làng về nhà, tính ra đã được một năm. Lần đầu tiên cậu thấy Xay-a-pa-tri khi cô bé đang đứng trước mô đất có cây tun-ôi-moc. Lúc ấy trên mô đất có thắp một ngọn đèn. Tối nay, khi cậu quay trở về, cũng lại có ngọn đèn đang thắp sáng mô đất ấy. Nhưng ở trong sân, nhiều người làng đang đi lại quanh quẩn, mặt người nào trông cũng buồn rười rượi. Xu-cu-ma lặng lẽ vào nhà. Trong nhà, Xay-a-pa-tri đang nằm trong lòng mẹ. Ngược lên nhìn thấy cậu, bà mẹ khóc nức nở:

“Con ơi, hãy nhìn em con làm sao đây này. Mọi người bảo em con sẽ khỏi, nhưng mà mẹ cũng chẳng biết thế nào”.

Xu-cu-ma từ từ lại gần, nước mắt chảy dài trên mặt. Cậu đưa tay vuốt nhẹ má em gái.

“Ngay đêm con bỏ đi, em con bỗng nằm liệt vì sốt rất cao. Từ hôm qua đến giờ em con cứ lịm đi như thế này đấy. Mẹ nghĩ linh hồn đã rời bỏ thân xác nó để đi tìm con. Thì giờ đây con đã về. Con hãy làm gì cho em tỉnh lại đi, con”.

Xu-cu-ma ngồi đó bất động, bàn tay vẫn để trên má Xay-a-pa-tri. Sau đó, cậu lấy cây sáo và bắt đầu thổi nhẹ nhàng. Khi tiếng sáo bay lượn trong phòng, mi mắt Xay-a-pa-tri bắt đầu động đậy. Bố cô bé vừa vào phòng mang theo một cốc nước và đặt vào môi cô. Cô bé từ từ mở mắt. Nhìn thấy Xu-cu-ma, cô thì thầm:

“Ôi, anh trai của em. Anh đã quay về”.

Đặt sáo xuống, Xu-cu-ma trả lời:

“Ừ, anh đã trở lại đây, em gái ạ. Anh của em đây này”.

Người cha bỗng lại đứng cạnh Xu-cu-ma. Mắt đăm lệ, ông ôm ghì cậu bé vào ngực:

“Con chính là con trai của bố. Bố sẽ không bao giờ để con đi như thế nữa”.

Bà mẹ ngồi, mừng rơi nước mắt. Xay-a-pa-tri và Xu-cu-ma nhìn nhau, mỉm cười. Câu chuyện này, như lời một người trong làng nói, thì thật giống chuyện về Ga-tu, một trong những điệu nhảy cúng thần nổi tiếng ở Nê-pan.

PAKISTAN**TU-NU VÀ CON LỬA****Anwar Enayetullah**

Tu-nu và cậu em trai Sáp-đa là hai đứa trẻ rất hiếu động. Chúng sống trong một thị trấn vùng đồi núi khá đẹp. ở đó, cha chúng là một quan chức cao cấp của Bộ Nông nghiệp. Mọi người đều gọi ông là “ngài tiến sĩ” để tỏ lòng kính trọng địa vị của ông. Bà mẹ là một người tận tụy với gia đình, và đầy kiên nhẫn, mà quả thật bà rất cần cái đó, bởi vì hai đứa con của bà, nhất là Tu-nu, hay bày những trò tinh nghịch. Bọn trẻ có hai con vật nuôi mà chúng yêu thích: con chó Đức có tên là Hồ Xám, Tu-nu đi đâu nó cũng đi theo; và một con dê nuôi trong chuồng. Tu-nu nghịch như con trai, em thích chơi ở ngoài trời. Em đặc biệt thích cái bể tắm trong vườn, nơi cha em dạy hai chị em tập bơi. Nhưng mẹ em thì lại muốn em dịu dàng, dễ bảo kiểu con gái hơn.

“Đời thừa nhà ai con gái lại cứ chạy rong suốt thế?” - Bà thường nói.

- "Bộ ông nghĩ nó là con trai hay sao?"

“Đúng đấy”, - ông bố thường nói, cười dễ dãi.

- "Gia đình mình ngược hết cả. Lẽ ra Tu-nu phải là con trai, còn Sáp-đa là con gái mới phải".

“Ông cứ chiều nó thế, hèn gì nó chẳng hư”, - mẹ nó thường nói vậy. Một chủ nhật, cha nó rời nhà đi săn từ sáng sớm. Bấy giờ đang là mùa vịt trời, nên ở cái hồ gần đây đầy vịt. Trời đẹp, và đứa em họ cùng tuổi với Sáp-đa đang ở thăm chúng. Vì thế, sau khi ăn sáng, bọn trẻ quyết định chơi ở ngoài vườn. Chúng trải một tấm thảm nhỏ dưới gốc một cây có tán lá to, mang theo mấy cuốn tranh tô màu, và một hộp bút màu Mec-ca-nô. Tu-nu bắt đầu tô màu con chim, nhưng ta có thể thấy em chú ý tới bộ đồ xếp nhà hơn.

Em cứ nhìn xem bọn con trai xếp hình gì, và góp ý với chúng sửa chỗ này, chỗ nọ. Chúng mới chơi được một lát, thì nghe thấy tiếng lửa hí ở ngoài cổng. Như vậy tức là bác thợ giặt đã đến. Sáng chủ nhật nào bác cũng mang đồ đã giặt sạch của nhà em đến, chất cao trên lưng con lừa của bác. Bọn trẻ nhảy vọt dậy, chạy ào ra mở cổng cho bác. Bụng to, đầu hói, đôi tay vụng về, thô kệch, bác thợ giặt là nguồn cảm hứng của bọn trẻ. Chúng thích trêu chọc bác. Khi con lừa theo chủ bước vào cổng, Sáp-đa quay bảo chị:

“Chị đi gọi mẹ, bác thợ giặt đến rồi”.

“Em đi mà gọi”, - Tu-nu trả lời.

“Em không thấy chị đang bận à?”.

Và để tỏ ra là đang bận thật, em quay về với việc tô màu con chim trong sách.

“Thôi được rồi”, - em nó nói.

Sáp-đa và thằng em họ vào nhà, nhưng thấy bà mẹ đã sang nhà hàng xóm. Chúng liền đi tìm, để Tu-nu ngồi một mình trong vườn. Lúc này Tu-nu đã chán chuyện tô màu. Em vứt cuốn sách trên thảm, mò ra chơi cùng con Hồ Xám, lúc đó đang chăm chú theo dõi con sóc nhảy nhót trên cây gần đấy. Sau đó em thử bắt chuyện với bác thợ giặt. Bác nói bằng tiếng địa phương nghe rất buồn cười, khiến bọn trẻ thường nhại trêu bác, vì thế bác thường im lặng không nói. Một lát sau, bác buộc con lừa vào gốc cây, rồi mang đống đồ đã giặt sạch rất to đi qua hiên vào nhà. Nhìn quanh quẩn xem có gì làm không, Tu-nu tình cờ thấy con lừa. Mắt em vụt sáng lên. Không có ai ở đó cả. Ngay cả ông thợ làm vườn già cũng không thấy; có lẽ ông đang nằm nghỉ trong cái nhà nhỏ để dụng cụ. Em nhẹ nhàng cởi dây buộc con lừa, kéo nó vòng về sân sau định nhảy lên cười. Nhưng đúng lúc ấy, em nghe thấy tiếng mẹ. Hoảng quá, em tìm nơi giấu con lừa. Em biết bác thợ giặt thế nào cũng sẽ tìm loạn lên, nhưng rồi bác cũng phải bỏ cuộc, và về nhà. Lúc ấy em tự bảo, mình sẽ có vô khối thời gian, tha hồ mà cười lừa.

Vì thường đến nhà này hàng tuần, nên con lừa quen với bọn trẻ và những trò đùa nghịch của chúng. Hôm nay, cô bé xinh xắn này lại đối xử rất dịu dàng với nó, nên nó nghĩ chắc cô bé đưa nó lại chuồng và sẽ cho nó thức ăn ngon mà chúng vẫn cho con dê của chúng ăn. Vì thế, con lừa vui vẻ đi theo Tu-nu. Tội nghiệp con vật, nó đâu biết những chuyện sắp xảy ra với nó. Tu-nu dẫn con lừa đi

lòng vòng mà vẫn không tìm được chỗ giấu an toàn. Thời gian gấp lắm rồi. Bất chợt có thể có người nhìn thấy em và con lừa. Đúng lúc đó, em nhìn thấy cái cửa ngoài của phòng tắm giành cho khách ở góc sân bên kia. Đúng rồi, giấu con lừa ở đó sẽ rất an toàn. Không ai lại nghĩ đến chuyện tìm con lừa ở phòng tắm của khách. Vội vã vượt qua sân, em lặng lẽ mở cửa đẩy con lừa vào trong và vội vàng chốt cửa từ bên ngoài, rồi chạy về chỗ để thảm cạnh gốc cây. Hai đứa kia chưa về. Em thở phào nhẹ nhõm, xem như không có chuyện gì, em lại tiếp tục tô màu tranh con chim. Khi hai đứa quay lại, mặt Tu-nu tỉnh như không. Bỗng nhiên ai đó kêu thét lên. Đó là bác thợ giặt. Bác vừa ở trong nhà bước ra, tay còn ôm một đồng to tương quần áo tắm về giặt và không thấy con lừa đâu. Vất bọc quần áo xuống thêm nhà, bác ta chạy khắp chốn tìm con lừa. Nhưng vô ích.

Tất nhiên Tu-nu thì là không hề biết con lừa ở đâu. Em nói em thấy con lừa kéo tuột dây buộc và đi về phía rừng. Bác thợ giặt, miệng vẫn đang kêu khổ về chuyện con lừa, vội vàng chạy về phía rừng. Nhà vừa yên được một lúc, thì lại có một ông khách đến thăm không cáo trước. Đó là ông A-li bạn cũ của cha em. Mỗi khi đến thăm, ông thường ở trong phòng dành cho khách. Người ông cao, gầy, râu ngắn đã điểm bạc, nhưng không để ria, và đầu đã bắt đầu hói. Chuyến viếng thăm của ông làm cả nhà bận tíu tít. Bà mẹ vui vẻ đón tiếp ông, và dẫn ông vào phòng khách tốt nhất tức là cái phòng ở cuối sân. Tu-nu mỗi lúc một lo lắng. Ngay khi thấy ông A-li đến em đã linh cảm chuyện chẳng lành. Nhưng làm thế nào được? Một mặt thì mẹ và những người giúp việc đang ở trong phòng khách, bận rộn sắp xếp dọn dẹp; mặt khác em không sao lẫn trốn được Sáp-đa và thằng em họ. Em chỉ còn mỗi một việc là há vọng, và cầu Chúa phù hộ là ông A-li sẽ không dùng phòng tắm ngay, cho đến khi em có thời gian lôi con lừa đi. Về phía con lừa, nó nằm yên trí trong góc nhà tắm tối om, mơ màng nghĩ tới bữa ăn ngon mà nó cho là Tu-nu sắp mang đến cho nó. Ông A-li là người rất sạch sẽ. Mỗi ngày ông tắm hai lần, còn hôm nay sau một chuyến đi mệt mỏi, ông lại càng muốn tắm. Vì vậy, ông lấy bộ quần áo sạch, cởi giày, xỏ chân vào guốc và đi thẳng vào nhà tắm. Ông vào phòng tắm nhỏ tối bằng cửa phía trong nhà, ăn thông sang phòng ngủ, rồi chốt cửa lại. Trong phòng tắm thật tối, nhưng ông biết cách sắp xếp trong đó nên chẳng buồn bật đèn. Ông đặt bộ quần áo sạch trên giá và tới chỗ bồn tắm. Nhưng đột nhiên, trong

ánh sáng mờ mờ, ông thấy một cảnh tượng mà ông không thể tin được. Tội nghiệp ông A-li, tim ông như ngừng đập.

Trong khi đó, con lừa vẫn đang tiếp tục mơ màng. Khi nghe tiếng người ở phòng bên cạnh, nó vui mừng tự bảo:

“Đấy, họ đang chuẩn bị thức ăn cho mình đấy!” cho đến khi cánh cửa mở ra, nó lại thấy một gã cao, gầy, chân đi guốc. Chẳng có cỏ tươi, chẳng có thóc và cũng chẳng cả cỏ khô. Đến lúc này, con lừa không chịu được nữa. Vừa nhìn thấy ông A-li đầu hói, con vật đã chịu đựng quá lâu không còn tự kiềm chế được nữa. Nó đứng vụt dậy, kêu be be âm ỉ. Vì tối, ông A-li không biết chính xác là con gì đang đe dọa ông. Ông chỉ biết đó là một con vật to lớn, xấu xí có tiếng kêu quái dị. Quá khiếp đảm, ông A-li kêu cứu âm lên. Bỏ cả guốc, ông chạy ra cửa, nhưng trong lúc cuống cuồng, ông lại chạy tới cái cửa mà Tu-nu đã chốt ở bên ngoài. Vật lộn với cánh cửa, ông vẫn không sao mở ra được. Làm thế quái nào mà cái cửa lại chốt ở phía ngoài, trong khi ông vừa mới cài then ở bên trong? Ông sợ nhũn người. Chắc phải có bàn tay của thần linh hoặc ma quỷ đây! Tiếng la hoảng của ông A-li, cùng tiếng be be như phát cuồng của con lừa làm mọi người, từ bà mẹ, lũ trẻ, tới người giúp việc chạy nháo nhào. Ông A-li làm sao thế không biết? Chỉ có Tu-nu là biết chuyện rắc rối trong nhà tắm. Ông A-li tin là có con sói đang tấn công ông. Ông nghe thấy tiếng xô lăn loảng xoảng. Rồi cái gáo tắm bay vù về phía ông. Chắc chắn không phải là con sói thường, mà là quỷ dữ hiện hình. Nhảy qua một cái xô khác ông cố tránh con quái vật đang tấn công ông, trong khi mồm kêu cứu đến lạc cả giọng. Những người giúp việc vào phòng ngủ, cố gắng phá cửa nhà tắm, trong khi bà mẹ đứng ở ngoài vịn vịn hai tay. Con Hồ Xám chạy đến sửa âm ỉ. Lần đầu tiên bà mẹ không quát con chó im, mà chỉ bảo:

“Đúng đấy, Hồ Xám. Vào bên trong xem có chuyện gì”. Và chính Hồ Xám đã giúp giải quyết được vấn đề. Thay vì chạy vào phòng ngủ, nó vòng ra chỗ cửa ngoài sân mà Tu-nu đã đóng chốt. ở đó nó cànng sửa dữ dội hơn. Nghe thấy những tiếng ồn ào, một bên là đám người đập cửa rầm rầm, và bên kia con quái vật to lớn phun nước bọt phì phì, ông A-li nghĩ lại có thêm quỷ dữ đến giúp đồng bọn giết ông. Tiếng la hoảng của ông càng to, làm tiếng huyên náo càng khủng khiếp hơn nữa. Tu-nu vừa sợ, lại vừa bực. Bực vì Hồ Xám đã làm nó lộ tẩy. Mẹ nó nhận ra chỗ con chó sửa, nên vội vàng tháo chốt cửa nhà tắm. Cửa vừa mở, ông A-li đâm bổ

ra ngoài, người nhẽ nhại mồ hôi, sợ đến há cả mồm. Sát ngay sau ông là con lừa của bác thợ giặt. Cả hai phóng thẳng ra vườn với một tốc độ đến rợn người, giẫm bừa lên cây trồng, và đổ những chậu hoa. Con lừa vẫn tiếp tục phóng đi, tin rằng chỉ có về làng nó càng nhanh càng tốt, thì mới thoát khỏi lão điên khùng này. Những người giúp việc đuổi kịp ông A-li ở trong vườn, khi ông dừng lại vì kiệt sức. Phải mất rất nhiều thời gian họ mới làm ông tin là mọi chuyện đã ổn cả. Họ cứ giải thích mãi, đó chỉ là con lừa của bác thợ giặt nằm trong nhà tắm khi ông vào đấy. Nhưng làm thế nào con lừa lại chui vào đó được? Ông A-li cả quyết là con lừa chắc phải chui qua tường, vì cả hai cửa nhà tắm đều đóng chốt. Ông vẫn còn tin rằng quỷ dữ đã biến thành con lừa tấn công ông trong nhà tắm. ở trong nhà, bà mẹ gắng hỏi bọn trẻ. Bà nhanh chóng hiểu ra ai đã bày trò tinh nghịch này, và chỉ có mỗi một lần ấy là bà không giữ được kiên nhẫn. Chắc chắn Tu-nu sẽ bị một trận đòn mà nó sẽ còn nhớ lâu, cũng lâu như ông A-li sẽ nhớ mãi chuyện bị quỷ dữ tấn công

SRI LANKA

CHIẾC ĐÈN TO BẰNG CÁI NHÀ

Sybil Wettasinghe

Lễ Vê-sắc vào tháng năm, đúng khi trăng tròn sáng nhất, rực rỡ cả bầu trời. Đây là lễ cúng Phật, nên ai cũng cảm thấy phấn chấn, kéo nhau về trước đèn thờ Phật. Họ mang theo những đồ cúng tế như cháo gạo nấu với sữa, và những thẻ hương dài. Họ còn mang theo những bó hoa, và khi đặt chúng lên bàn thờ, họ cùng nhau tụng mãi câu kinh của Phật:

“Cũng như hoa đẹp rồi sẽ phải tàn, cuộc đời chúng ta cũng sẽ kết thúc. Cũng như những bông hoa đẹp này...” Một số người kỷ niệm ngày đầu của lễ Phật bằng cách ngồi tĩnh tâm và nhịn ăn từ chiều hôm trước đến lúc mặt trời mọc của ngày hôm sau. Những người khác thì nghe sư sãi giảng kinh của Đức Phật. Lại còn có những người phân phát đồ bố thí cho những người ít may mắn hơn họ, để người nghèo cũng có được những giây phút vui sướng hiếm hoi trong ngày lễ Vê-sắc. Ngày đầu lễ hội, vào lúc mặt trời lặn, rất nhiều đèn đủ các màu bắt đầu nhấp nháy trong mọi nhà. Những chiếc đèn lồng này được thắp sáng để kỷ niệm lễ hội Vê-sắc, tưởng nhớ ba sự kiện trong cuộc đời của Phật tổ: ngày Hoàng tử Sít-đa-tha ra đời, ngày Ngài đắc đạo thành Phật, và ngày Ngài tịnh và về cõi Niết bàn hay còn gọi là cõi Vĩnh hằng. Vì vậy mọi người tưởng niệm ngài với lòng thành kính sâu sắc: họ mừng ngày Ngài ra đời, họ tôn vinh tên tuổi của Ngài, và cố gắng theo bước chân Ngài! Và thế là, có một cậu bé cũng đang làm đèn chuẩn bị cho ngày hội Vê-sắc. Cậu đã đổi một quả bí trong vườn rau của bà lấy một ít nan tre. Bây giờ cậu đang bận rộn làm cái khung đèn hình thoi. Cậu muốn làm một chiếc đèn thật to, to như những cái đèn năm ngoái cậu thấy trong thành phố khi bà cháu cậu cùng mấy người hàng xóm đến đó xem hội rước đèn. Có mấy chiếc đèn lồng to bằng cái nhà, nên cậu không sao quên được.

Chỉ còn hai mươi ngày nữa là tới lễ Vô-sắc, cho nên tất cả dân làng, già cũng như trẻ, bận rộn chuẩn bị. Các gia đình hợp thành những nhóm lớn, làm những chùm đèn lồng thấp sáng vào đêm hội Vô-sắc trông rất đẹp. Bọn trẻ đứa nào cũng muốn đèn nhà mình phải là đèn đẹp nhất trong làng. Vì thế chúng hào hứng cùng các anh, các chị làm quên cả nghỉ. Nhưng cậu bé muốn làm chiếc đèn to bằng cái nhà thì lại phải làm một mình. Cậu chẳng có anh. Cũng chẳng có chị giúp đỡ. Cậu chỉ có người bà già nua cùng ở với cậu trong ngôi nhà tranh vách đất. Bà thương cậu lắm. Cậu đến ở với bà từ lúc còn bé tí tẹo. Bà đã nuôi dạy cậu với tất cả tình thương yêu, chăm sóc trên đời. Bây giờ bà vẫn còn gọi cậu là Pa-ti-ya, có nghĩa là "bé con". Bà sống bằng cách bán rau trồng ở mảnh vườn sau nhà. Đó là một công việc mệt nhọc, nên bà rất mừng khi Pa-ti-ya khôn lớn, đủ sức giúp bà. Nay cậu mới mười tuổi, nhưng làm việc như một người đàn ông thực thụ, nào cuốc đất, nhổ cỏ, nào tưới rau, nhặt phân. Cậu cũng đi học. Cậu muốn học các phép tính để tính toán giúp bà và thường đọc sách cho bà nghe. Chủ nhật nào cũng vậy, hai bà cháu cậu dậy từ sáng sớm để đi chợ phiên mua bán: bán rau hai bà cháu trồng và mua sắm đồ ăn thức uống cho cuộc sống hàng ngày. Họ là hai con người hạnh phúc, người bà già nua luôn chân luôn tay, và Pa-ti-ya bé nhỏ sống động của bà. Ngày này qua ngày khác, bao giờ bà cũng làm suốt cả ngày. Chính Pa-ti-ya là người làm cho công việc của hai bà cháu thêm thú vị. Cậu làm chiếc công để đuổi chim trong vườn và dựng bù nhìn trên hàng rào. Cậu 151 152 Prev Page 4 Next còn vun mấy luống hoa ở sân trước. Cậu cũng làm điều và súng gỗ để chơi. Bà mỉm cười khi có cháu ngồi làm bên cạnh. Bà thường gọi cậu là người đàn ông bé nhỏ cần cù của bà. Và khi bà thấy cậu bắt đầu làm cái đèn khổng lồ cho lễ Vô-sắc, bà cười bảo:

"Ái chà, to bằng cái nhà ấy chứ! Bà cháu mình có thể ở trong ấy được đấy nhỉ?" Chiều nào Pa-ti-ya cũng làm đèn, và trẻ con hàng xóm kéo đến xem. Rồi tin về chiếc đèn vĩ đại của cậu nhanh chóng bay xa và bọn trẻ từ khắp nơi đổ tới xem tác phẩm của Pa-ti-ya.

"Đèn to thế làm sao mà treo được? - Chúng hỏi cậu.

"Tớ đâu có định treo", - Pa-ti-ya trả lời một cách tự tin.

- "Tớ để nó luôn ở đây".

Cái khung đèn bằng tre ở ngay chiếc cổng bé tí tẹo đắp bằng đất của ngôi nhà. Nó cứ lớn dần, cho đến khi choán hết cả cổng, khiến hai bà cháu, muốn vào nhà bằng cửa chính là phải bò qua cái khung đèn. Cuối cùng, trước lễ Vô-sắc sáu ngày, Pa-ti-ya cũng làm xong cái khung. Ngôi lại ngắm nghía, cậu bỗng giật mình nghĩ:

“Làm sao có đủ giấy mà dán cái đèn khổng lồ này?”. Lo lắng về chuyện này, cậu đi xem các bạn làm đèn đến đâu. Phần lớn đèn của bọn chúng đã gần xong. Những chiếc đèn ở trong nhà trông cứ như các bà đã diện xong bộ cánh đang đợi đi đám cưới! Và cậu nghĩ tới cái khung đèn vẫn còn trơ xương của cậu ở nhà, choán hết cả cổng trước. Cậu buồn rầu ra về. Cái khung đèn vẫn đứng đó, trông như một bà ăn mày nghèo khổ, nhưng giá như cho bà mặc quần lành áo tốt, thì trông cũng sẽ đẹp lắm. Trời đã về trưa. Cậu vào bếp tìm bà. Bà đang thổi lửa nấu cơm; bột cơm bắt đầu phì ra ở kẽ vung nồi.

“Cháu ngu quá, bà ạ”, - cậu bắt đầu.

“Sao thế, kho cáu của bà?”, - bà quay lại nhìn cháu hỏi.

Nước mắt chảy vòng quanh, cậu nói:

“Chúng ta sẽ không có đủ giấy dán đèn”.

“Ồ, có chứ”, - bà nói.

- "Sẽ có vô khối giấy, cháu đừng sợ”.

Pa-ti-ya tròn xoe cả mắt. Thế rồi bà giải thích điều bà vừa nói:

“Ngày mai thứ bảy, bà cháu ta sẽ đào khoai lang. Chủ nhật ta đem ra chợ bán. Và rồi...”, - bà dừng lại, và mặt Pa-ti-ya sáng lên.

Cậu toét miệng cười, nước mắt vẫn còn long lanh trên má.

- "Và rồi bà cháu ta mang về nhà hẳn chiếc cầu vòng!" - Bà ngân nga.

Thế rồi hôm thứ bảy, hai bà cháu bới được rất nhiều khoai. Chủ nhật họ bán số khoai đó lại được giá. Ra khỏi chợ, Pa-ti-ya dào dạt niềm vui. Cậu đã tưởng tượng ngay chuyện dán đắp cái đèn của cậu khi thấp sáng vào đêm lễ Vô-sắc. Nhìn bà, cậu thấy nụ cười thấp thoáng trên nét mặt bà. Các hiệu tạp hóa đang bày các mặt hàng đặc biệt, đủ các màu sắc phục vụ lễ Vô-sắc: các loại

giấy màu sáng và giấy trang kim, xúc-xích giấy để trang trí, mũ và mặt nạ bằng giấy, cờ vải, cờ giấy và hàng chông đèn lồng hình thúng. Pa-ti-ya hãnh diện bước vào một cửa hiệu và mua đủ thứ cậu cần để trang trí đèn lồng. Sau đó hai bà cháu về nhà. Ngay sau bữa cơm trưa, bà nằm chợp mắt một lát. Hôm đó là một ngày rất mệt đối với bà. Pa-ti-ya mang những tờ giấy màu mới và phẳng lì ra. Rồi cậu lấy cái kéo cũ của bà. Thế nhưng cậu lại không dám cắt nhất đầu tiên: sợ cắt hỏng! Cậu biết, nếu cắt hỏng tờ giấy, bà cháu cậu không đủ tiền mua thêm. Chỉ còn bốn ngày nữa là đến lễ Vô-sắc, nên cậu càng lo lắng. Sau khi ngủ dậy sắp sửa bắt tay vào công việc hàng ngày, bà cậu nhận thấy cái đèn chưa tiến triển được chút nào.

“Cháu phải nhanh lên, Pa-ti-ya ạ”, - bà nói. - “Không còn nhiều thời gian nữa đâu cháu”.

Cuối cùng, Pa-ti-ya nói cho bà biết nỗi lo của mình. Bà cũng thừa nhận là họ không thể mua thêm giấy. Bà nghĩ một lúc, rồi đồng ý sẽ giúp cậu cắt giấy dán lên. Nhưng trước hết bà phải lau chùi, quét dọn nhà cửa, đánh bát đĩa bằng xà phòng trộn gio, giặt chiếu bằng bàn chải xơ dừa, giặt giũ chăn màn quần áo và nấu thêm đồ ăn, xong bà có thể ngồi tĩnh tâm cả ngày đầu lễ hội Vô-sắc. Mãi đến tận hôm trước ngày lễ, bà mới có thể giúp cháu. Nhưng họ bắt đầu làm ngay từ sáng sớm. Công việc này khó hơn họ tưởng. Bà thì đã lâu quá không làm đèn nên quên, còn Pa-ti-ya thì chưa học. Nhưng Pa-ti-ya còn nhớ kiểu cách những chiếc đèn trên phố, còn bà nhớ lại loại đèn của bà lúc thiếu thời, cách đây khoảng hơn nửa thế kỷ. Bà hồi tưởng lại rất rõ: cắt hoa như thế nào cho dễ, làm sao để cắt những “cái đuôi” dài có nếp gấp cho đẹp nhất. Hai bà cháu mãi miết làm. Cái cổng nhỏ không đủ chỗ cho chiếc đèn và hai người, vì thế bà phải chui vào ngồi trong đèn để cắt giấy. Pa-ti-ya đứng trên chiếc ghế ở ngoài, dán giấy vào khung đèn. Lúc sẩm tối, đèn vẫn chưa xong. Bà vào nhà chuẩn bị bữa tối, trong khi Pa-ti-ya càng cố gắng quýt hơn.

“Mai đã là lễ hội Vô-sắc rồi”, - nó nhủ thầm, - “mà bà thì sẽ ngồi niệm Phật cả ngày ở trong đèn”.

Sau bữa tối, hai bà cháu làm mãi đến khuya mà vẫn chưa xong. Pa-ti-ya cố tự an ủi bằng ý nghĩ là ngày hôm sau, cậu vẫn có thể tự mình dán giấy vào đèn, và cho dù không đủ thời gian mà trang trí, đèn của cậu vẫn cứ đẹp như thường. Tuy nhiên, buổi tối đi ngủ, cậu vẫn cứ cảm thấy lòng dạ không yên. Hãy tưởng tượng

xem cậu ngạc nhiên đến mức nào, khi sáng hôm sau, bà không đi ra đèn trước khi mặt trời mọc, như bà vẫn thường làm mỗi kỳ lễ hội Vô-sắc. Pa-ti-ya nhắc bà:

“Mọi người đang trên đường đến đèn rồi bà ạ”.

“Bà có nghe thấy, cháu ạ”, - bà cậu nói.

- Nhưng năm nay bà không đi một mình. Hai bà cháu ta sẽ cùng đi”.

“Nhưng bà phải ngồi niệm Phật cơ mà?”

Bà không trả lời; hai tay nhăn nheo của bà ôm đầu cháu vào lòng và bà nói:

“Một người bà tốt là người bao giờ cũng phải làm bốn phận của mình”.

Mọi vật tắm trong ánh nắng nhạt của mặt trời mới mọc. Pa-ti-ya và bà bắt đầu cùng đi tới đèn. Họ hòa vào dòng người mang hoa, cháo và hương. Tới đèn, họ nhập vào đoàn người đang lễ Phật. Rồi họ thành tâm cầu nguyện, và sau đó về nhà. Một ngày tươi vui làm sao! Nỗ hào hứng như hòa trong không khí. Chỗ nào người ta cũng đang trang trí cho lễ hội Vô-sắc, với những chiếc đèn nhẹ nhẹ đung đưa trong gió. Tiếng giấy sột soạt như thầm thì làm cho Pa-ti-ya thèm thùng nhìn những chiếc đèn của mọi người đã dán xong. Bà rảo bước nhanh hơn, và vừa về đến nhà, hai bà cháu vội giục nhau ăn sáng cho xong. Sau đó, bà lại vào ngồi trong khung đèn đang dán dở, và hai bà cháu lại tiếp tục công việc.

Đến trưa, chiếc đèn trông đã thấy đẹp. Những người qua đường chỉ thấy mỗi mình Pa-ti-ya đang làm, và họ khen cậu bé thật sáng dạ nên mới làm đèn được một mình. ở trong đèn, bà ngồi cắt hoa và các mảnh giấy dán đèn. Pa-ti-ya với tay qua khoảng trống ở đỉnh đèn lấy hoa giấy ra, và dán vào đèn theo cách thức mà cậu cho là đẹp nhất. Chiếc đèn hai bà cháu cậu đang làm dán giấy trắng, xanh đỏ, xen kẽ với giấy bạc trắng, xanh, và đỏ. Sau khi ăn vội bữa trưa, họ lại tiếp tục làm. Bà ngồi làm nhanh nhẹn và lặng lẽ, trong khi Pa-ti-ya thỉnh thoảng lại nghêu ngao hát. Tay họ thoăn thoắt, cắt giấy, phết hồ và dán vào đèn. Bà chỉ có ý nghĩ duy nhất là làm sao cho xong, để đèn có thể thắp sáng vào lúc sắm tối. Bà cắt một dải giấy dài, gập lại, cắt thành một hình mới lạ, trông rất đẹp, và Pa-ti-ya lấy ra, dán lên đèn. Hai bà cháu làm mãi cho đến lúc tắt mặt trời. Một lát sau trời tối. Nhưng đêm nay trời

đâu có tối. Để tô điểm cho bóng đêm, sẽ có biết bao loại đèn thấp sáng lên ở mọi hướng. Tiếng chuông ngoài chùa ngân nga, cùng tiếng trống vừa mới cất lên. Đó là lúc lễ tối bắt đầu. Pa-ti-ya nhìn ra xung quanh và thấy những đốm sáng các màu từ mọi nhà tuôn ra. Những chiếc đèn từ từ di động đi mọi hướng, rồi thành những đám rước quen thuộc, sáng rực cả lên. Mảnh giấy cuối cùng đã dán xong. Pa-ti-ya đứng dậy. Mặt nó rạng rỡ niềm vui.

"Xoẹt, xoẹt" tiếng kéo của bà vẫn tiếp tục ở bên trong đèn. Bà vẫn đang cắt giấy.

"Thôi, bà ơi, đủ rồi", - Pa-ti-ya vui vẻ gọi. - "Đèn xong rồi, bà ạ".

"Đội ơn Đức Phật..." bà nói. Rồi bà yên lặng. Một lúc sau, bà rên rĩ.

"Những Pa-ti-ya này. Bà làm sao ra được? Cháu dán kín bà trong này rồi".

Trong lúc hứng chí, Pa-ti-ya quả đã dán kín chỗ hổng cuối cùng, là chỗ đáng ra phải để lại cho bà ra.

"Ôi, bà ơi. Giờ làm thế nào? Chúng ta không thể xé giấy được đâu". - Pa-ti-ya khẩn khoản.

"À, thôi đừng lo, cháu yêu quý của bà", bà cậu từ trong đèn nói vọng ra. "Thế nào rồi cũng có cách giải quyết. Đưa cho bà bao diêm để bà thắp nến lên nào".

Pa-ti-ya lấy bao diêm. Cậu có thể thắp đèn bằng cách với tay qua lỗ hổng ở đỉnh đèn. Nhưng vì bà cậu còn ở trong, nên cậu ném bao diêm vào cho bà, và bà cậu thắp từng ngọn nến một, cho đến khi chiếc đèn sáng lên một màu dịu dịu.

"Thích không, cháu?" - Bà nó gọi. Nhưng trước khi Pa-ti-ya kịp trả lời, bà lại nói: "Bà cũng vui lắm cháu ạ, vì vẫn còn thời gian cho bà làm cái việc mà bà vẫn làm vào đêm hội Vô-sắc".

Rồi bà đọc những lời của Đức Phật:

"Nếu từ bỏ một thú vui nhỏ nào đó mà một người khôn ngoan lại có được niềm vui lớn hơn, thì hãy từ bỏ thú vui nhỏ, để có được niềm vui lớn hơn". Pa-ti-ya không hiểu hết ý tứ câu nói đó nhưng nó biết bà nó đang vui, một niềm vui tràn trề mà nó không hiểu. Lúc này một chiếc đĩa vàng đang nhô lên ở nền trời phía đông. Mặt trăng tròn treo cao dần trên bầu trời để cùng tham dự đêm

hội cúng Phật. Hình như nữ hoàng của trời đêm đã bỏ quên vương miện đính đầy đá quý ở mặt đất. Và viên kim cương to nhất của vương miện đã lặn vào chiếc cổng nhỏ bằng đất, nơi có một cậu bé đang đứng ngắm vẻ đẹp của nó. Ở một phía của đèn lồng là bóng của một bà già đang lặng lẽ ngồi tụng niệm. Chắc chắn đây là chiếc đèn đẹp nhất của lễ hội Vê-sắc. Quá nửa đêm đó, vẫn còn nhiều người làng, ở gần cũng như ở xa ghé qua ngắm chiếc đèn. Và họ im lặng đứng ngắm một cảnh đẹp mắt, chiếc đèn sáng, in hình người đang ngồi niệm Phật ở bên trong. Trên đầu, mặt trăng đang tỏa sáng. Những đám mây nhẹ nhàng lướt qua mặt trăng. Cảnh thật thanh bình. Rồi ánh sáng của chiếc đèn lụi dần. Các cây nến đã cháy hết. Nhẹ nhàng, hết sức nhẹ nhàng người bà xé một mảnh bên cạnh chiếc đèn và bước ra ngoài. Pa-ti-ya đang nằm ngủ ở đó, ngay cạnh chiếc đèn, mặt đầy mãn nguyện. Có lẽ ngay cả trong giấc mơ, cậu vẫn có thể thấy chiếc đèn lồng ấy to như cái nhà.

THAILAND

NHÀ VÔ ĐỊCH CHƠI TRÚNG

Manop Kaewsanit

Lúc xế chiều bà mẹ bảo:

“Giu-cơ, con không đi dự hội tối nay à?”

“Có chứ, mẹ. Hội đèn cả năm mới có một lần mà”.

“Mà hội năm nay lại rất đặc biệt đấy, con ạ”, - bà mẹ nói.

“Có nhiều trò vui lắm: chiếu phim, đồng ca, hát dân ca, và cả múa rối nữa. Chà, không có đủ thời gian mà xem hết”.

“Hội đèn kéo dài bao lâu, hả mẹ?”

“Mẹ nghĩ khoảng ba ngày”, - bà mẹ nói.

- "Còn con đang làm gì mà tắt bật thế?"

“Con lược trứng chuẩn bị cho cuộc thi chơi trứng trong ngày hội mẹ ạ”. Chưa gì Giu-cơ đã nghĩ tới cảnh tượng ngày hội. Khu đèn trông sống động hẳn lên. Những đoàn người rất đông sẽ đến, không chỉ từ làng cậu, mà còn từ các làng lân cận. Họ mặc những bộ quần áo đẹp nhất và đeo đồ trang sức như vòng cổ, hoa tai và các loại đồ vàng bạc khác. Hội đèn là một dịp tốt để khoe của. Nói chung, người ta đâu có nhiều dịp như vậy. Bọn con trai thường mang trứng vịt lấy từ nhà, hoặc mua đem đến hội đèn để dự cuộc thi chơi trứng. Chẳng bao lâu, trời bắt đầu tối. Cẩn thận nhét quả trứng lược vào túi, Giu-cơ đến chỗ mấy đứa bạn là Xa-eng, Cun và Gioóc. Rồi cả bốn đứa đi dự hội đèn. Chúng đi quanh khu đèn một lúc, thích thú nhìn cảnh tượng nhộn nhịp. Chúng đứng lại xem múa Ma-nô-ra lúc ấy vừa mới bắt đầu.

Các vũ nữ thường múa rất dẻo, và buổi diễn của họ bao giờ cũng thu hút được nhiều người; phần lớn họ mang theo chiếu cói đến trải ngay trước sân khấu và ngồi xem. Xem múa được một lúc, bốn đứa kéo nhau đi xem múa rối. Người xem ở đây phần nhiều là

các cụ già, nên bọn trẻ cũng không ở xem lâu. Hình như bọn chúng, ngoài việc xem kịch, xem múa, còn nghĩ đến chuyện gì khác nữa, nên chúng cứ đi lòng vòng mãi. Lúc này chúng đến một quầy bán trứng vịt luộc. Đó là chỗ chúng vẫn luôn để ý tìm. Rất nhiều trẻ con đang đứng vây quanh những bát đựng trứng đã luộc kỹ, chờ đến lượt mua. Bọn chúng đói bụng chẳng? Không phải: chúng mua trứng không phải để ăn, mà để chơi, một kiểu thi của bọn trẻ đánh cuộc không phải bằng tiền, mà bằng trứng luộc. Hai đứa chơi, mỗi đứa cầm một quả trứng và đập vào nhau. Thường là một quả sẽ bị vỡ, còn quả kia cứng hơn sẽ không sao. Đứa nào trứng không bị vỡ sẽ được lấy quả vỡ của đứa kia. Nhiều khi cả hai quả cùng đập, như thế là hòa, trứng của đứa nào đứa ấy vẫn giữ.

"Nào, chúng mình mua trứng và bắt đầu chơi đi", - Gioóc nói.

"Bao nhiêu một quả, hả cô?"

- Cun hỏi người bán.

"Mỗi quả chỉ có một bạt", - người phụ nữ trả lời. Bọn trẻ cố chọn những quả trứng vỏ dày nhất và cứng nhất. Chúng kiểm tra rất kỹ trước khi chọn, và cuối cùng mỗi đứa mua một quả được coi là tốt nhất. Đứa nào cũng mua, trừ Giu-cơ đã mang từ nhà đi.

"Nào, Giu-cơ", - Gioóc nói.

- "Tớ muốn thử quả trứng đó xem sao!"

"Được thôi. Nhưng trứng của ai đặt phía dưới?"

"Tớ", - Gioóc bảo. Rồi cậu ta cẩn thận cầm quả trứng, hướng phía đầu tròn lên trên, chia về phía Giu-cơ. Giu-cơ nắm chắc quả trứng của mình, hướng đầu quả trứng to quay xuống dưới.

"Bắt đầu này", - cậu hô và giơ quả trứng lên cao. Xong cậu nhằm đầu quả trứng của Gioóc, đập xuống rất mạnh. Nghe tiếng quả trứng vỡ "rắc" một cái. Bọn trẻ thấy ngay là quả của Giu-cơ bị vỡ.

"Hoan hô", - Gioóc kêu to, vẫy vẫy quả trứng của mình trên cao. Cậu ta thắng cuộc và nhận giải thưởng quả trứng vỡ của Giu-cơ. Quay lại phía các bạn, cậu ta nói:

"Ai dám chơi với tớ nữa nào?"

"Tớ, - Xa-eng kêu lên, giơ cao quả trứng đã chọn.

“Nhìn đây. Có thấy vỏ trứng của tớ xanh biếc không? Thế tức là nó cực kỳ cứng. Chắc chắn tớ sẽ đập vỡ quả của cậu”.

“Được rồi! Hãy chờ xem. Trứng của cậu ở dưới”, - Gioóc nói.

Thế là Xa-eng chìa quả trứng ra. Gioóc cười, lắc lắc quả trứng của mình và đập mạnh vào quả trứng của Xa-eng.

“Rắc”, lần này thì trứng của Gioóc vỡ.

“Ha ha”, - Xa-eng cười đắc chí, lấy trứng của Gioóc. “Tớ đã bảo trứng của tớ cứng hơn mà”.

Giu-cơ mua một quả trứng khác ở quầy, và bốn đứa tiếp tục chơi. Thua, được cũng không nhiều lắm, nhưng chúng cứ mua mãi trứng mới, nên dần dần đứa nọ cũng thắng được đứa kia khá nhiều lần. Cuối cùng, tập trung toàn bộ số trứng đó lại, chúng đến quầy bán đồ ăn, và cùng chén một bữa ngon lành gồm có cơm, ca-ri và trứng luộc. Trước khi đưa nào về nhà đứa ấy, bọn chúng hẹn nhau tối hôm sau sẽ mang trứng luộc sẵn từ nhà tới để chơi. Sáng tối hôm sau, Giu-cơ nhóm lửa ở sân luộc trứng. Cậu mê mãi làm đến nỗi ông bố phải hỏi:

“Giu-cơ, con làm gì thế?”

“Con luộc trứng để tối nay thi bố ạ”.

Bố cậu tủm tỉm cười, nhớ lại thời còn trẻ ông cũng rất mê chơi trò này. Ông yêu Giu-cơ lắm; ông luôn chăm chút con, chỉ bảo con những gì ông biết với tất cả tình yêu thương của mình. Mong muốn lớn nhất của ông là Giu-cơ lớn lên, trở thành người tốt. Cho nên lúc này ông đầy há vọng là Giu-cơ tối nay sẽ thắng cuộc. Ông hỏi:

“Con có nghĩ là con có thể thắng không?”.

“Con không dám chắc, bố ạ. Tối qua, ngay quả đầu con đã thua”.

“Bố bảo con cách làm thế nào để thắng nhé?”

“Làm thế nào, hả bố?”

“Ngày bố còn nhỏ, bố cũng thường chơi trò này. Mỗi khi có hội làng, bọn bố thường mang trứng luộc theo. Những lúc ấy thật là vui vì bọn bố thường chơi với đám con trai các làng khác. Có khi trong một buổi tối, bố thắng được hàng tá trứng”.

“Chắc bố có bí quyết gì”, - Giu-cơ phấn chấn nó. “Bố nói đi, làm cách nào hả bố?”

“Bí quyết là cách luộc trứng. Nếu con muốn quả trứng cứng, nhưng không giòn, con phải luộc thật kỹ. Luộc càng lâu càng tốt, và vỏ trứng sẽ cứng như đá. Tất nhiên sau đó hơi khó ăn, nhưng con sẽ thắng được nhiều trứng nên cũng chẳng sao. Con hãy nghe bố, và bố cam đoan tối nay con sẽ trở thành nhà vô địch”.

Tối hôm đó, Giu-cơ đến gặp các bạn ở quầy bán trứng.

“Thế nào, Gioóc? Tớ sẵn sàng “phục thù” đây”.

“Được thôi” - Gioóc nói.

- “Nếu cậu nghĩ cậu giỏi, thì cứ thử xem. Nhưng tớ phải cáo cho cậu trước là trứng của tớ hôm nay ác lắm đấy”.

Thế là cuộc đấu lại bắt đầu. Trứng của Giu-cơ ở dưới. Lại nghe một tiếng “rắc”, và Giu-cơ cười toe toét: lần này nó thắng. Gioóc trông buồn thiu, vì nó quá tin là sẽ thắng.

“Ai dám chọi tiếp nào?” - Giu-cơ nhìn các bạn nói.

“Tớ”, - Cun nói, lôi từ trong túi ra quả trứng. Một lần nữa, trứng của Giu-cơ lại ở dưới và cậu lại thắng. Cậu chọi tiếp với các bạn trong làng, thắng được rất nhiều trứng. Cuối cùng cậu tự tin đến mức dám thách mấy đứa ở làng khác.

“Này anh, có dám thử với em không?” - Cậu nói với một đứa lớn hơn ở làng bên cạnh. Cậu này đã chọi với bạn bè suốt cả buổi tối và thắng liên tục. Rõ ràng cậu ta là tay già đời và lão luyện trong “nghề”.

“Xong ngay”, - cậu ta nói, tay nâng quả trứng của Giu-cơ, ước lượng. Rồi cậu ta bảo: “À, cũng khá nặng đấy, nhưng trứng của anh cứng hơn”.

“Anh cho trứng của em ở trên nhé?”

“Được thôi”, - cậu này nói, chia quả trứng ra. Giu-cơ không để mất thời gian, đập mạnh quả trứng và nghe “rắc” một cái. Giu-cơ và các bạn xiết mặt khi thấy quả trứng của mình bị đập. Nhưng ngay lập tức chúng lại mỉm cười: quả trứng của cậu kia cũng đập nứt. Thế là hòa, chẳng đứa nào bị mất trứng cả. Cậu lớn mỉm cười, vỗ vai Giu-cơ và nói:

“Tối nay cả hai anh em mình là nhà vô địch, em cũng khá chẳng kém gì anh. Nhưng em có thể lấy quả của anh, vì em thực sự là một trong những người chơi trứng cừ nhất trên đời”.

Giu-cơ cảm thấy hãnh diện lắm. Cậu đi đầu, dẫn các bạn đến quầy ăn và cùng chia nhau những quả trứng thắng cuộc. Đứa nào cũng hỏi bí quyết của Giu-cơ, nhưng cậu chỉ cười ranh mãnh và lắc đầu. Tối hôm đó, trên đường về nhà, cậu vẫn còn cười và tự nhủ:

“Bí quyết của bố mình hay thật”. Và cậu leo lên giường ngủ, đầu vẫn còn nghĩ đến những cuộc thi chơi trứng mà cậu sẽ chơi. Nhờ ông bố, mà cậu sẽ trở thành nhà vô địch trong toàn vùng. Cậu biết chắc là như vậy.

MIỀN ĐIỆN

TRẬN BÓNG ĐÁ

Gayetni

Uyn đang cao hứng chờ đợi mở màn trận đấu bóng giữa đội nó và đội trường tiểu học Căng-đan. Nó đưa mắt nhìn khắp các cầu thủ trong đội và thấy thật thỏa mãn. Vốn là chân tiền đạo, Uyn biết rằng các cầu thủ trong đội rất tin tưởng vào khả năng của nó. Trong trận đấu với đội trường tiểu học của làng To-lay, bọn chúng đã thắng tỷ số 3-1. Đó hoàn toàn là thắng lợi của đội Uyn và chính Uyn đã sút hai quả vào gôn. Thêm nữa, trong trận đấu với đội Ca-in-bin, đội của Uyn đã thắng với tỷ số 2-0 trong đó một quả là do Uyn thực hiện. Giờ đây phương đông mây đen đang kéo đến. Trời sắp mưa to, vậy mà đội bóng kia vẫn chưa thấy tới. Ở hai bên sân bãi những kẻ hâm mộ bóng đá đứng ngồi không yên. Họ là người ở các làng lân cận: nông dân, chủ ấp, những người chăn nuôi bò, học sinh ở các chùa chiền, dân buôn bán - một đám đông đủ loại. Cột gôn bằng cọc tre cao, dựng đứng ở hai đầu bãi. Giữa hai cọc có chằng lưới. Sân bãi là đất cát để cho các cầu thủ chạy được chắc chắn.

- A, họ đến rồi!

Trong đám đông có người kêu lên. Đội bạn và một số người đang thông thả đi ra từ phía cổng làng Căng-đan. Ông bầu của họ khi đã đứng ở sân bãi, quay sang hỏi Uyn:

- Nào các cậu sẵn sàng rồi chứ? Cậu có nghĩ rằng đội của cậu sẽ thắng chúng tớ không?

- Chúng cháu sẽ cố hết sức để thắng. - Uyn đáp. - Chúng cháu đã dày công luyện tập.

Lúc ấy đội bóng làng Căng-đan đã ra đến sân đứng giờ đã định. Đội của Uyn có mặt sớm hơn một chút. Trọng tài là một sinh viên cao đẳng ở thành phố gần đó. Khi anh đi ra giữa sân thì khán

giả cũng bắt đầu la hét âm ỉ. Hai đội bóng tiến ra giữa bãi. Hai đội trưởng ném đồng xu để trọng tài chứng kiến. Đội bóng làng Căng-đan chiếm nửa sân phía nam; đội của Uyn - nửa sân phía bắc. Trọng tài thổi còi cáo hiệu trận đấu bắt đầu. Tun đá bóng cho Uyn, Uyn rê bóng và chuyền cho Hơ-la. Đối phương chặn lại. Cả hai bên đều cố giành cho được quả bóng đang lăn qua lăn lại giữa sân. Một lần bóng chạm tay một người bên đội Uyn và bọn chúng phải chịu quả phạt pê-nan-tá. Chúng phải cố gắng hết sức mới tránh được bàn thua trông thấy. Thế rồi bóng vượt qua vạch trung tâm lao sang phía sân của đội làng Căng-đan. Hơ-la lách hết đối thủ này đến đối thủ khác và đưa bóng lên phía trước. Uyn lao vượt lên, đoán trước bóng sẽ chuyền cho nó. Hơ-la tránh được một hậu vệ nữa và làm động tác giả chuẩn bị sút. Nhưng bất ngờ nó tạt bóng cho Uyn và đối phương mất cảnh giác không đề phòng động tác bất ngờ ấy. Uyn bồi tiếp bằng một cú sút thật căng đưa bóng vào lưới. Thủ môn của đối phương lao bỏ ra nhưng không kịp đón bóng.

- Vào rồi!

Khán giả reo lên. Hơ-la và Cô chạy lại ôm lấy Uyn. Còn Uyn thì sung sướng với cú sút của nó. Trận đấu tiếp tục. Mỗi khi bóng chạm đến chân của Uyn là khán giả lại gào lên.

- Hoan hô Uyn!

- Uyn cố lên!

Uyn nghe thấy những tiếng reo hò, cổ vũ ngay cả khi đang sẵn bóng ở khắp sân. Uyn thật sự thỏa mãn và nhất định sẽ cố gắng hơn nữa để mọi người thấy nó tài giỏi đến mức nào. Hiệp một kết thúc với tỷ số 1-0 nghiêng về đội của Uyn. Suốt trong năm phút nghỉ giải lao, Uyn cứ đi khệnh khạng khắp sân, càng ngày càng hãnh diện. Uyn nói với giáo viên trẻ, ông bầu của đội:

- Chắc chắn chúng em sẽ thắng thầy ạ.

- Và điều đó sẽ làm cho các em trở thành quán quân của vùng này đây,- ông giáo đáp.

- Vì vậy các em cần phải cố gắng nữa lên. Trọng tài đi ra sân và thổi một hồi còi. Các cầu thủ đứng vào vị trí có thay đổi hai bên sân bãi. Và hiệp hai bắt đầu bằng một hồi còi khác. Bên đội của Uyn một quả bóng vọt lên trước đòn ép đối phương. Uyn không nghĩ gì khác ngoài việc phô trương mình là tài ba. Bởi vậy nó bắt

đầu tập trung vào lối chơi cá nhân. Hễ bóng đến chân nó là nó không chuyền cho ai mà một mình rê thẳng vào gôn. Nó liên tục tìm cơ hội sút bóng. Trong khi đó đội bóng làng Cặng-đan ghi được một bàn thắng. Điều này làm cho Uyn tức giận chạy lồng lên khắp sân. Có một lúc Uyn đã dẫn được bóng. Giá nó chuyền bóng cho Hơ-la và Hơ-la nhận được bóng thì sẽ là dịp tốt để làm bàn. Nhưng nó đã không chuyền bóng, nó đang rê bóng thì một đối thủ khác cướp được.

- Này Uyn,
- Hơ-la giận dữ gọi,
- Sao không tạt bóng cho tớ?

Nhưng Uyn không đáp. Nó chỉ nghĩ đến mỗi một việc là làm thế nào một mình sút được bóng vào gôn. Trận đấu càng trở nên ác liệt và đội bóng làng Cặng-đan lại ghi thêm một bàn nữa. Mặt Uyn đỏ bừng. Nó cố sức chạy theo bóng. Nhưng mọi cố gắng của nó không đi đến đâu. Rồi sau lúc đó tiếng còi của trọng tài kết thúc trận đấu. Tỷ số 2-1 nghiêng về phía đội bóng làng Cặng-đan. Đội bóng của Uyn bị thua. Trên đường về, Uyn đi bộ, đầu cúi xuống. Nó không còn tự hào là qUyn quân được nữa. Thủ môn đi bên cạnh nó nhieéc móc:

- Đó, chỉ vì cậu chơi đơn độc. Cậu có thấy chúng ta thua chỉ vì cậu không chuyền bóng không? Cậu chơi cho một mình cậu, vì cậu biết rằng mọi người cho cậu là giỏi nhất, có phải thế không?

Nghe những lời này Uyn bỗng nhận ra khuyết điểm của mình. Nó đã không biết đến khả năng của đồng đội mà nghĩ quá nhiều về bản thân. Nó đã quên rằng sức mạnh của tập thể đội lớn hơn bất cứ một cầu thủ nào. Nó kiêu hãnh về tài năng của nó mà quên mất mọi cái khác. Giờ đây nó nhận ra rằng mặc dầu khởi đầu đội nó có thắng, nhưng vẫn bị thua là vì nó. Nó tiếp tục nghĩ về mình: phải rồi rõ ràng là lỗi của mình. Chúng ta đã thua vì mình quá tự cao. Mình thật đáng trách vì đã làm cho đội mình bị thua. Giá mình cứ chơi như mọi khi thì chắc đội mình đã thắng rồi. Thậm chí cú sút ban đầu của mình cũng là nhờ Hơ-la chuyền cho. Mình là người duy nhất không biết tin tưởng vào người khác. Ngoài mình ra mọi người đều tin tưởng lẫn nhau và chơi với tinh thần đồng đội. Mình thật đáng xấu hổ. Càng nghĩ Uyn càng cảm thấy cay đắng. Nó không thể tự tha thứ. Nó nói với đồng đội đứng quanh nó:

- Đúng rồi các cậu ạ. Đó là lỗi của tớ. Tớ đáng trách vì đã làm cho chúng ta bị thua. Đó là vì tớ quá kiêu ngạo, tớ không biết tin vào tất cả các cậu. Tớ có lỗi. Như vậy là Uyn đã nhận lỗi của nó. Trên đường về nhà cùng các bạn, nó cảm thấy hối hận.

TRUNG QUỐC

BỜ BIỂN TIỂU BÌNH

Lê được về thăm bà, Hai Khóa rất lấy làm sung sướng! Từ dạo về thăm bà lần trước đến nay đã hơn năm năm. Bà em sống ở miền biển. Cửa sông đổ ra biển ở phía bắc làng. Khi nước thủy triều lên, nó như một vạt nước rộng mênh mông tưởng không thấy bờ. Nhưng khi nước thủy triều xuống thì hai bên bờ hiện lên hai dải cát vàng. Phía nam làng có những đụn cát phủ cỏ và đứng trên những đụn cát này em có thể thấy được mặt nước Hoàng Hải mênh mông. Hai Khóa thích nhìn đăm đăm ra biển; từng vạt nước xanh như ngọc xen lẫn những vệt sáng vàng đang nhảy múa. ở đó có cá, cua và tôm hùm. ở đó cũng có thể có cả cá to. Thầy giáo bảo rằng còn có một vài loài hải sản to hơn cả cái nhà, nhưng em chưa bao giờ thấy con cá nào to như vậy. Quả thật từ khi về đây đến giờ em chỉ trông thấy mỗi một con cá nhỏ. Em tự hỏi:

“Không biết cá đi đâu cả rồi?”. Cùng sống với bà còn có gia đình cô chú em và con trai, con gái của họ là Hồ và Hoa! Hàng ngày Hai Khóa cùng chơi với Hồ ở bờ biển. Cát sạch và mịn. Các em mở phanh cúc áo nằm ngả mình trên cát phơi nắng. Hồ lớn hơn Hai Khóa một tuổi, nhưng thấp hơn, và từ ngày hai đứa cùng học lớp bốn, thì Hai Khóa không còn coi Hồ ra gì. Thực ra thì Hồ là chi đội trưởng thiếu niên, mà Hai Khóa thì chỉ vừa mới được kết nạp vào Đội hôm bế giảng năm học. Em cứ nghĩ chi đội trưởng của em thì phải là người có tài năng hơn hẳn Hồ kia. Mặt khác, Hai Khóa cũng phải thừa nhận rằng Hồ hiểu biết về biển nhiều hơn mình. Ví dụ: cậu ta biết khi nào nước thủy triều thay đổi, loại thủy triều nào mang theo cá, loại nào mang theo cua. Nhưng Hai Khóa không thể hiểu được tại sao Hồ lại cười em chỉ vì ít hiểu biết về biển. Một lần em nói:

- Bà ơi hôm nay cháu trông thấy những cánh buồm. Trắng như tuyết. Nhiều lắm. Ở ngoài khơi xa trông chúng chẳng động đậy tí nào.

- Không động đậy hả? - Hồ nói xen vào.

- Sao cậu biết là chúng không động đậy?

Đó là vì chúng ở xa, nên cậu không nhìn rõ đấy thôi. Lần khác nhặt được ở bờ biển mấy mảnh nhỏ nhỏ, hình thoi xinh xắn như chiếc thuyền, Hai Khóa sung sướng khoe với Hồ. Hồ khịt mũi nói:

- Đó là cái mai mực, chúng tớ ném đi, còn cậu thì lại nhặt đem về.

Còn cái Hoa thì chạy về nói với bà:

- Bà ơi, anh Hai Khóa nhặt mai mực đem về nhà.

Tại sao cái con bé hay dựng chuyện ấy lại không thể giữ mồm được nhỉ? Hai Khóa thích ngồi xỏm trên bãi biển phía sau những đụn cát nhìn những làn sóng lăn tăn cuộn tròn từ chân trời xa xăm đến vào lúc nước biển lên. Đến khi luồng nước ào ào tung bọt trắng như sấp nuốt chừng em đến nơi, em mới nhảy lùi trở lại. Thế rồi những làn sóng rút đi ngay khi vừa mới chạm vào chân em và nước muối lạnh bắn lên khắp mặt em. Rồi sau đó nước triều lại đuổi theo em và em lại phải nhảy xa hơn về phía sau. Cứ như vậy, em tưởng đâu có thể điều khiển được nước biển chạy thẳng đến chân những đụn cát. Nhưng khi em lên đụn cát, thì sóng biển lại không chạy theo em, mà từ từ, lặng lẽ rút xuống. Chán quá, Hai Khóa tưởng đâu lôi được sóng biển trườn lên những đụn cát kia! Hai Khóa thích nhất là đi câu cá với Hồ. Có lần không hỏi ông chú, hai đứa đem lưới ra cửa sông. Nước thủy triều lúc ấy đang dâng lên.

- Nhanh lên, Khóa!

Hồ dụi dụi gọi, tay chỉ xuống nước.

- Nhìn đàn cá kia!

Hai Khóa chẳng nhìn thấy con cá nào. Nhưng từ giờ phút ấy cậu Hồ tưởng như lớn hẳn lên trước mắt em. Em tin vào từng lời nói của người em họ, làm ngay tất cả việc gì mà Hồ bảo. Và khi giật cần câu lên Hai Khóa đã trông thấy cá quẫy và giãy giụa. Hồi hộp và vui mừng, cậu la hét đến khản cổ. Lần ấy hai đứa kiếm

được nửa thùng cá. Khóa nhìn những con cá mà không sao tin vào mắt mình nữa. Khi thủy triều xuống thì Hai Khóa và Hồ có thể đi bắt trai ở trên bãi cát bên cửa sông. Hồ tìm được những con trai to như nắm tay của Hai Khóa và có vỏ dày, vân đẹp. Những con trai này vùi sâu trong cát mà nước thủy triều thì cứ mài nhẵn bãi cát đến mức Hai Khóa không thể tìm thấy được một con, mặc dù em đã cố nhìn thật kỹ. Chốc chốc Hồ lại dùng đến cái cốc của em, và rồi em cũng có đào được một con. Hồ giải thích rằng ở bên trên mỗi chỗ có trai ẩn đều có một lỗ nhỏ vì trai cần không khí. Hai Khóa cũng trông thấy những lỗ ấy suốt dọc bãi cát. Vậy mà khi em đào những lỗ ấy lên thì chỉ được những con trai nhỉnh hơn ngón tay cái. Em thất vọng. Thấy thế Hồ mới bảo em là phần lớn trai ở bãi cát đằng này bị bắt hết, nhưng ở bãi cát đầu đằng kia cửa sông vẫn còn vô khối. Nếu Hai Khóa muốn thì có thể tới đó bắt trai vào một ngày nào đó. Hai Khóa “được lời như cởi tấm lòng”, em mơ ước được xách đầy một hộp trai về nhà. Để rồi đến ngày khai trường em sẽ bày năm, mười, hay thật nhiều vỏ trai lên mặt bàn học làm cho các bạn phát ghen lên. Chiếc vỏ trai có thể đục bút viết bằng đá, phấn màu đỏ, xanh, v.v...

Các bạn học của em chắc hẳn sẽ xúm lại xem và em sẽ cho mỗi đứa một chiếc vỏ. Không, suy đi tính lại, em sẽ chỉ cho các bạn em, chứ không cho những ai mà em không thích. Nhưng trong khi em đang ngóng chờ được tới đầu cửa sông đằng kia, thì người em họ của em lại có vẻ như đã quên chuyện đó. Mà lòng tự trọng thì lại ngăn không cho em hỏi xin điều mà em thích thú. Một hôm Hai Khóa và Hồ đi từ bãi biển trở về đến nhà thì trời đã tối. Cô và bà đang vào bếp nấu canh, còn Hoa thì lẻo đẻo theo sau đòi xem họ nấu món gì. Vừa lúc bà quay lại chạm ngay phải người cô bé. Bà mắng:

- Cứ thế này thì còn hòng làm được việc gì. Hình như là bà mới mọc thêm một cái đuôi hay sao ấy. Cái Hoa túm mép áo bà, hỏi:

- Bà đang làm gì đấy? Bà cho cháu xem đi!

- Cháu ngoan nào, Hoa, - bà đang bê một chồng bát, nói. - Cháu đi ra chơi với anh Hai Khóa đi!

- Cháu không thích. - Cái Hoa trề môi nói.

“Ái chà mày không thích hử!” - Hai Khóa nghĩ.

- Tao không chơi với mày nữa, ngay cả khi mày xin tao".

Sau bữa cơm tối, bà và cô rửa bát đĩa, Hồ cho lợn ăn rồi quét sân. Hai Khóa sửa soạn đi ngủ. Em trải chiếu trên sân đập lúa ngay trước cửa nhà và nằm xuống. Bầu trời lóng lánh sao. Gió mát nhẹ có vị mặn chốc chốc từ biển thổi vào. Em không ngủ được, phần vì muỗi vo ve xung quanh, phần vì em quá trông đợi việc đi bắt những con trai mà Hồ đã nói tới. Lúc sau Hồ cũng cắp nách một chiếc chiếu và đi ra. Cậu ta trải chiếu xuống bên cạnh Hai Khóa và nằm xuống thì thầm:

"Ngày mai ta đi kiếm trai ở cửa sông đàng kia đi. Cậu có tham gia không? Hay là không dám?"

- Tất nhiên là tớ dám chứ, - Hai Khóa hét lên, ngồi phất dậy.

- Tại sao tớ lại sợ nhỉ?

- Đừng có hét, - Hồ đập vào chân em nhắc, - chúng ta không được để cho cha biết đấy nhé.

Hai Khóa mở to mắt:

"Sao không được?" - Em hỏi thầm.

- "Sao không được" à? Trẻ con không được lên phía bắc cửa sông. ở đó khi nước triều lên nếu cậu không chạy thật nhanh, thì có khi bị chết đuối.

- Vậy thì chúng ta sẽ phải làm gì?

Hai Khóa thấy hơi sờ sợ.

- Phải rồi, chúng ta sẽ chạy về ngay khi nước thủy triều bắt đầu lên.

Ông chú về đến cổng, chiếc áo cánh vắt vai và bảo Hồ đem thư đến công xã. Hai Khóa hồi hộp bắt đầu tưởng tượng mọi việc thật hấp dẫn trước khi thiêu thiêu ngủ. Tối hôm đó em đã nằm mơ. Em và Hồ đào được cả một giỏ đầy trai. Chiếc giỏ nặng đến mức hai đứa không sao mang nổi. Rồi trong khi các em còn đang loay hoay với giỏ trai, thì nước thủy triều lao về phía em như một bức tường đang chuyển động. Hai Khóa hét lên sợ hãi, trong khi đó thì Hồ bơi đi. Nước triều xô đến ngày càng gần và ngay khi em vừa xoay mình chạy về phía bãi cát thì một con sóng to đã chặn đường em.

Em bật dậy mồ hôi vã ra đầm đìa, tim đập loạn xạ. Mặt trời đỏ mọc lên phía trên hòn đảo ở ngoài biển và trên sân đập lúa vắng tanh. Hai Khóa đứng lên chạy vào nhà, nách cắp chiếc chiếu. Cô em đang bưng cơm ra bàn. Hồ đang cho lợn ăn ở sân sau, còn bà thì đang kể chuyện cho cái Hoa nghe. Ngay sau đó mọi người ngồi vào ăn sáng. Hai Khóa và cơm ngốn ngấu như trút vào họng. Bà nhìn em hoảng hốt đến nỗi đặt phịch cái bát xuống:

- Dừng và cơm như thế, Hai Khóa.

Bà mắng. Cái Hoa nghe nhìn xem người anh họ nó làm gì, nhưng cậu bé đã ăn xong. Cậu bé lên ra cổng và đứng đó sốt ruột chờ Hồ. Sau cùng người em họ của cậu cũng đã xuất hiện. Hai đứa nháy mắt cho nhau và bắt đầu chạy ra phía biển.

- Hồ!

Bất ngờ chú em gọi giật theo.

- Con rủ anh con đi đâu vậy? Sân còn chưa quét đấy. Hồ đứng dừng lại như ô-tô giạt phanh, tìm Hai Khóa như rụng đi. Nhưng bà em đã cứu nguy.

- Cứ để cho lũ trẻ đi.

Bà bảo chú.

- Chúng nó đã phải vất vả học tập cả năm rồi. Mặc chúng muốn làm gì thì làm, coi như thay đổi không khí. Đến “ma quỷ” cũng cần phải nghỉ ngơi nữa là. Thế là ông chú trở nên dễ dãi, ông chỉ dặn chúng:

- Được đấy, nhưng chúng mày phải nhớ là không được lội qua cửa sông đấy.

Hồ nói to lên đáp lại gì đó rồi cầm tay Hai Khóa chạy tiếp. Thủy triều đang xuống thấp. Bầu trời màu xanh thẫm, mặt trời chiếu lên cát vàng làm chói mắt. Những con dã tràng đang bận rộn đào hang. Chúng điếm lên bãi cát mịn những viên cát tròn như những hạt đậu và ném đi xa, xa mãi. Những viên cát bị ném sáng lên dưới ánh nắng tựa như những hạt ngọc trai và quay trong không khí giây lát trước khi rơi xuống đất. Làn gió ấm thổi tới mang theo hương vị của đại dương.

- Ô, hỏng rồi!

Hồ dừng lại.

- Chúng ta quên mất rổ và cuốc. Hai Khóa cũng đứng dừng lại. Hồ nhìn lại phía sau rồi nhìn trời:

- Không sao!

- Em nói và phẩy tay tỏ ý cho qua.

- Thôi, đi tiếp đi. Chúng ta phải móc trai bằng tay và đựng vào áo vậy.

Chúng chạy tiếp. Những viên cát tròn mịn lạo xạo dưới chân, cù êm ái vào gan bàn chân trần của chúng.

Chẳng bao lâu chúng chạy tới ngay rìa những tảng đá lờm chờm. Những tảng đá này không cao lắm, khi nước triều lên chúng trở thành những tảng đá ngầm nhô ngọn lên trên mặt nước.

“Chắc là ở đây đây”

Hai Khóa nghĩ. Nhìn lại đằng sau, em thấy ngôi nhà của bà đã khuất. ở phía trước, nơi cửa sông, một vạt nước trắng hẹp sáng mờ mờ, y như dạo trước em đứng ở bờ biển nhìn ra cũng thấy thế. Em hỏi:

- Chúng mình sắp đến chưa?

- Còn lâu. - Hồ đáp lại, thậm chí không ngẩng lên.

- Tất cả những ba dặm đường, mà chúng ta chỉ mới đi được một dặm.

- Sao! Ba dặm cơ à? Lẽ nào chúng ta ra thẳng biển?

Nhưng Hồ chạy tiếp không nói một lời. Và không muốn bị coi là người hèn, Hai Khóa cũng chạy theo. Sau khi đã qua bãi cát, chúng tới một vạt đất bùn. Bùn qUynh và trơn, ở đây có nhiều đá sắc và vỏ hà. Thỉnh thoảng chân Hai Khóa bị vỏ hà cứa vào và càng đi xa em càng cảm thấy khó khăn. Em nhón gót cẩn thận nhưng mỗi bước lại phải kéo chân lên. Vậy mà nhiều lúc em vẫn bị ngã, bộ quần áo trắng của em bám đầy bùn và lưng thì đau. ấy thế mà Hồ thì không ngã một lần. Cậu ta bước nhanh, đặt bàn chân xuống bùn và chốc chốc dừng lại chờ người anh họ. Trong khi hai anh em đi tới cửa sông thì mặt trời hầu như đã chiếu thẳng vào đầu chúng. Cửa sông như một sợi dây trắng chạy từ phía xa xa lại đủ sức kéo được một chiếc thuyền buồm to. Hồ lẳng lặng cởi quần áo cầm tay giơ lên cao quá đầu, từ từ lội xuống nước. Hai Khóa theo sát. Thủy triều đang xuống nhanh. Hai Khóa giữ thăng bằng một cách khó khăn và gần như muốn ngã. May sao nước không

sâu, lội chỉ đến khoeo chân. Hồ giúp đỡ người anh họ một tay cho đến khi ra tít bờ đằng kia. Bây giờ các em đã ở trên một bãi cát vàng rộng lớn, kéo dài xa tít, vượt ra ngoài tầm mắt và không một bóng người. Hồ đặt áo xuống đất và bắt tay vào việc đắp hai ụ cát ở sát mép nước. Hai Khóa đang ngạc nhiên nhìn người em họ của em làm gì, thì Hồ đã đứng lên bảo:

- Tớ đi ra xa, đến chỗ có nhiều trai. Còn cậu phải ở lại đây canh chừng. Hễ khi nào thủy triều bắt đầu liếm vào các ụ cát thì gọi tớ ngay, và chúng ta sẽ bắt đầu về ngay.

Hai Khóa không thích việc sắp xếp này, nhưng em phải đồng ý. Còn Hồ thì cứ trần truồng như thế mà chạy đi. Hai Khóa nằm trên bãi cát nhìn chằm chằm vào các ụ cát. ánh mặt trời chiếu vào em và trong chốc lát một lớp muối mỏng che phủ toàn thân em. Thấy mình đơn độc, em ngồi dậy nhìn xung quanh. Hồ đang ở xa. ở đằng xa có mấy con chim hải âu lượn vòng là là trên mặt đại dương.

Ngay lập tức em cảm thấy hoàn toàn trống trải và bắt đầu sợ hãi. Không có ai ở gần cả. Em thậm chí không thấy được ngôi nhà. Em sẽ làm gì đây khi thủy triều bắt ngờ lên? Em sợ hãi rùng mình, nhìn quanh hoảng hốt. Em bỗng nhớ đến cái tai nạn suýt xảy ra ở nhà hồi mùa hè năm ngoái. Hôm ấy là một ngày đẹp trời, em cùng với mấy bạn học đang tắm ở con sông rộng gần làng. Nước trong và không sâu lắm. Nhưng bất ngờ chúng nghe thấy tiếng kêu gào ở phía ngược dòng và có ai đó kêu cứu. Hai Khóa ngẩng đầu nhìn, em thấy sông dềnh lên. Một khối nước đùn cao chừng hai bộ đang ào ào xô về phía chúng. Sợ hãi, Hai Khóa bắt đầu vội vã lao vào bờ. Chú bé Pha tội nghiệp cũng gào lên hết sức.

- Kéo tớ với, Hai Khóa! Tớ không lên được.

Nhưng Hai Khóa cũng không chạy được, nên em không thể giúp được chú bé Pha. May sao có bác Phu-sân ở trên sân đập lúa gần đây. Bác cầm chiếc cào rơm bằng gỗ chạy ra kéo chú bé Pha lên bờ. Trông chú tái nhợt... Nhưng dần dần Hai Khóa cũng thấy tỉnh trí lại. Biển hoàn toàn yên tĩnh, hơi gợn sóng. Những con hải âu đang bay lượn thâm thập. Em nhìn đến những đụn cát thì thấy chúng vẫn ở nguyên chỗ cũ. Nước triều không lên mà cũng không xuống. Hai Khóa không nghĩ là em đã ở đó bao lâu và em bắt đầu buồn ngủ. Nhưng Hai Khóa không dám ngủ, em bắt đầu bới cát ở hai bên để tỉnh ngủ. Em cứ đào mãi, đào mãi cho đến khi chạm

phải một vật gì cứng và nhẵn. Em nhòm nhìn lên thật nhanh: một con trai màu to tướng! Em há miệng theo bản năng gọi to Hồ, nhưng em nghĩ ra một cách tốt hơn. Em sẽ kiếm cả một đồng trai, để đến khi Hồ quay trở về thì sẽ ngạc nhiên.

"A!" - em tự bảo, - "không phải chỉ có một mình Hồ kiếm được trai nữa".

Em đứng giạng hai chân cúi xuống đào tiếp. Thoáng chốc em đã bới được một con trai khác. Em mãi mê đào không để ý gì đến xung quanh. Mồ hôi chảy xuống trán, móng tay sứt sọc và các ngón tay bắt đầu rớm máu, nhưng em không cảm thấy đau gì cả. Em cố gắng nhớ từng con trai để khi nào về nhà sẽ kể cho mẹ và cho chị gái nghe con nào kiếm được đầu tiên, con nào thứ hai... Những con trai nằm ngoan ngoãn trên cát không tỏ ra muốn trốn đi hay động đậy. ấy thế nhưng Hai Khóa vẫn thấy không yên tâm. Em chuyển những con trai đi thật xa mép nước rồi xây một bức thành cát thật cao xung quanh, lấy áo cánh và quần dài che lên trên. Em đào miệt mài, xếp được nhiều "tù binh" vào trong thành. Lúc đầu em đào ở gần và vẫn để mắt đến chúng. Về sau tin chắc rằng chúng không trốn đi đâu được, em bắt đầu đào ở xa hơn và chỉ trở về ngó đến chúng khi phải "hộ tống" một "tù binh" mới. Sau đó em lại phát hiện ra rằng em đã bỏ phí mất khá nhiều thì giờ mang từng con trai một đến chỗ đó. Thế rồi em đem theo cái áo cánh, bỏ trai vào trong áo cho đến khi được mười con thì mới đem lại một thể. Thời gian thường hay lừa đảo chúng ta. Có lúc một giờ tưởng như dài hơn một ngày, có lúc một ngày lại tưởng như trôi nhanh trong phút chốc. Hai Khóa mãi mê công việc, đã hoàn toàn quên không để ý đến thời gian.

Rồi khi em ngẩng đầu lên nhìn trời thì mặt trời đã ngả hẳn về phía tây. Em sực nhớ ngay đến hai ụ cát. Em chạy trở lại để tìm. Nhưng khi chạy đến sát bờ, em dừng lại vì hoảng hốt. Không còn thấy một chút dấu vết ụ cát nữa: nước đã tràn đến đó và vẫn đục. Hai Khóa rất sợ hãi. Em chạy cuống cuống, lấy áo, lấy quần, hét gọi Hồ, mặc dù không hề thấy dấu vết của Hồ. Mãi sau mới thấy Hồ xuất hiện ở phía bên trái em. Hai Khóa gào lên to chưa từng thấy và chạy về phía người em họ đang thỉnh thoảng ngoảnh lại nhìn qua vai về phía cửa sông. Biển thay đổi mới nhanh làm sao! Nước trườn lên bãi cát có tới hơn năm bộ trong chớp mắt. Bây giờ Hồ cũng đang chạy tới chỗ Hai Khóa, nhưng em cảm thấy nó chạy rất chậm! Ngay đứa trẻ ba tuổi có khi còn chạy nhanh hơn.

Khi Hồ chạy đến chỗ Hai Khóa thì thoáng cái đã hiểu hết tất cả mọi chuyện, nó im lặng trừng mắt giận dữ nhìn Hai Khóa. Lúc này nước thủy triều đã lên đến chỗ chúng. Luồng nước đã rộng gấp hai lần trước đây. Hai Khóa nhìn Hồ và òa khóc. Giây lát sau Hồ bảo:

- Thôi, không sao! Ta sẽ cố. Cậu bám sát tứ từng bước và tứ sẽ kéo cậu đi.

Hai Khóa nín khóc và lội theo Hồ. Ngay lập tức nước lên tới vai chúng. Hồ bắt đầu bơi, nhưng khi Hai Khóa túm lấy chân em thì cả hai bắt đầu chìm. Hồ liền túm lấy tay Hai Khóa và giúp em bơi vào bờ. Kinh hoảng đến mức không kêu nổi. Hai Khóa bám lấy người em họ, còn cậu này thì người cũng nhợt nhạt. Làn nước sủi bọt dâng lên nhanh, gần chạm đến chân thành “giam giữ tù binh” của Hai Khóa, Hồ nhìn thấy chiếc quần của người anh họ ở đó, liền nhặt lên, lấy dây lưng của mình buộc túm gấu quần lại rồi dúng vào trong nước, quay quay trong không khí rồi lại dúng vào nước thủy triều. Hai ống quần đầy không khí nổi lênh bênh. Túm chặt cặp chiếc quần ấy, Hồ kéo Hai Khóa về phía mình. Không nói một lời, Hồ kéo Hai Khóa lội trong nước và kẹp hai ống quần căng phồng xuống dưới nách.

- Nắm chặt vào. - Hồ bảo.

- Dù thế nào cũng không được buông ra.

Hồ dùng một tay để bơi, còn tay kia kéo Hai Khóa. Trong khi đó không khí trong cái phao đang xì ra từ từ. Một chuyến đi thật vất vả. Hồ bơi ì ạch. Chúng mới qua được nửa đoạn đường, mà những vạt nước cứ dôn vào mỗi lúc một nhanh, còn Hai Khóa thì cứ đuối dần. Nhưng Hồ dấn thêm một lần cuối, bơi chừng ba bốn sải nữa và chân đã chạm đáy. Mực nước bây giờ chỉ đến trên thắt lưng! Hai Khóa sững phát khóc lên khi chân chạm bờ.

- Chờ một lát, - Hồ nói, - để tứ quay trở lại lấy các thứ của chúng ta.

Hồ lại xuống nước một lần nữa. Cậu ta quay lại ngay với hai chiếc áo, một của mình và một của Hai Khóa trong đưng đầy trai của hai đứa. Hai Khóa chạy một mạch về làng. Em quên cả đau chân và mệt mỏi. Cả hai chạy và chạy mãi. Thế rồi chúng vượt qua chỗ có những tảng đá mà giờ đây một nửa ngập trong nước. Hai Khóa nhìn ngoái lại qua vai thấy mặt nước biển trắng, rộng mênh

mông đang dâng cuộn cuộn. Biển đang đuổi theo hai em. Hồ bảo với Hai Khóa rằng dòng ở nước đây chạy nhanh hơn ở phía nam nhà các em chừng hai, ba dặm trong một giờ. Mặc dù vậy, các em đã phải tìm cách chạy vượt trước sóng khiến cho Hai Khóa cảm thấy hết lo. Cuối cùng chúng đã về đến làng. Một cô gái gánh đôi thùng ra giếng cười chúng:

- Chúng mày chạy trần truồng như thế mà không biết xấu hổ à? Chạy về nhà nhanh lên. Bố thằng Hồ đi tìm mày ở khắp mọi nơi đấy.

Đến một gốc cây Hồ giúp Hai Khóa cởi dây buộc ống quần vắt nước và phơi lên cành cây. Sau khi loay hoay mặc quần áo xong, Hồ buồn rầu ngồi xuống bãi cỏ nghĩ cách nói với cha. Hai Khóa cũng không sung sướng gì hơn. Nhìn lên phía bắc, em thấy một dải nước rộng mênh mông. Bất giác em rùng mình nhìn Hồ. Hồ là một đứa bé tuyệt vời làm sao!

- Này, Hồ ơi, cậu có biết không? - Em thốt lên. - Tớ lúc nào cũng rất thích cậu. Tớ nói thật đấy. Chúng ta sẽ là những người bạn suốt đời của nhau nhé. Cậu thấy thế nào?

Hồ ngồi nguyên không đáp, mơ màng nhìn ra biển, cau mày, bó gối. Một lúc lâu sau em mới nói:

- Nếu cha tớ hỏi cậu là chúng ta trở về khi nào thì không được nói gì, hiểu chưa? Chỉ được nói chính tớ đã dẫn cậu ra đằng kia cửa sông, và cái đó không phải là ý cậu...

Hồ đứng lên cầm tay Hai Khóa, rồi hai đứa cùng nhau chạy về nhà.

INDONESIA

CUỘC SĂN TÊ GIÁC

Moh, Ambri

Sáng hôm ấy tôi dậy muộn. Lúc đó đã hơn 8 giờ và trời bắt đầu nóng. Tôi rất đói, nhưng ngay cả khi tắm xong tôi cũng không thấy một dấu hiệu gì chứng tỏ có người sẽ cùng ăn điểm tâm. Tò mò, tôi ra vườn, đi vòng quanh nhà rồi nhìn vào cửa sổ nhà bếp. ở đó thậm chí không hề có mùi nấu nướng thức ăn. Ngạc nhiên không biết có chuyện gì đã xảy ra, tôi châm thuốc lá. Vừa lúc đó Mô-mô và Đát-giơ bước vào vườn. Trông thấy tôi, họ dừng lại và Mô-mô hỏi, vẻ ngạc nhiên:

- Sao anh lại hút thuốc? - ờ - tôi đáp, - bao giờ trước bữa ăn tôi chả hút thuốc lá.

- Nhưng hôm nay là ngày đầu tiên của lễ Ra-ma-dan cơ mà, - anh ta nói. Tôi giật mình nhận ra là anh ta đúng.

Tôi nói:

- Ô sao mình lại có thể quên được nhỉ.

- Phải rồi, - Mô-mô nói, - anh quên thì cũng phải thôi.

- Nhưng quả thực là tôi không thích nhịn. Tôi rất đói. Và thêm nữa, đêm qua tôi quên đọc kinh Ra-ma-dan. Đát-giơ cắt ngang.

- Một khi anh không thích nhịn như anh vừa nói thì cũng đừng nói ồn lên thế.

- Thôi được, sự việc là suốt từ lúc ngủ dậy đến giờ tôi thèm ăn quá.

- Đúng rồi, - Đát-giơ nói, - thôi thì ta đi xem xem thức ăn thừa hôm qua có còn gì không? Ba chúng tôi đi vào cái bếp trống rỗng. Lục lọi khắp nơi. Đát-giơ tìm được một ít cơm nguội, nhưng

có vẻ không được ngon. Thế rồi anh ta đi vào buồng chứa thức ăn. Giấy lát sau anh ta quay ra nói:

- Chạn khóa rồi. Mô-mô hỏi:

- Ở quây bán thức ăn quanh đây có gì không nhỉ?

- Vào cái ngày đầu tiên của lễ Ra-ma-dan này làm gì có quây hàng nào mở cửa. - Đát-giơ nói.

- Nhưng chúng ta thử lục tìm trong kho xem sao.

Chúng tôi rời nhà bếp. Lúc đi qua văn phòng của đồn điền, chúng tôi thoáng nghe ông già Xu-an-ta đang nói. Mọi người khác đang cười. Chúng tôi rẽ vào phòng. Đát-giơ hỏi:

- Có chuyện gì vui vậy?

Một người đáp:

- Bác Xu-an-ta đang kể chuyện phiêu lưu của bác, chuyện bác bị tê giác đuổi.

Chúng tôi nói rằng chúng tôi cũng muốn nghe và đề nghị kể lại từ đầu.

- Sẵn sàng, - bác Xu-an-ta đáp,

- tôi vừa mới kể đến phần hấp dẫn, nhưng thôi, để tôi kể lại từ đầu. Và đây là chuyện của ông:

*
* *

Chuyện này cách đây đã nhiều năm, từ khi tôi còn trẻ. Người ta đồn rằng có vài con tê giác sống ở cánh rừng gần đây. Thế là ông chủ tôi - tức là cha của cậu Đát-giơ - đã phái một người am hiểu rừng đi xem xét và đồng thời cử đi hai, hay ba thợ săn để tìm vết chân tê giác. Những người ấy trở về nói rằng không còn nghi ngờ gì nữa, ở quanh đầm lầy Tơ-gi-bi-rua có dấu chân thú sấu hơn nhiều so với dấu chân trâu. Ông chủ tôi bèn cử người đi cáo với các quan chức ở tỉnh và địa phương. Trong vòng ba ngày, ngài phó vương và các quan chức khác của địa phương đã tới tham gia săn tê giác. Ông chủ tôi tập hợp các trưởng thôn quanh vùng, cùng nhiều thợ săn, những người theo dõi vết thú, những người khuân vác thành một đoàn phục vụ các vị chức sắc. Ai nấy tụ họp lúc rạng đông và đi vào rừng. Các quan chức cưỡi ngựa, dân làng đi bộ

theo sau mang giáo, mác, dao và mõ tre. Phu khuân vác mang thức ăn đựng trong túi xách, rổ làn bằng vỏ cây và dây rợ; mặt khác họ không có khí giới nào khác ngoài dao rựa. Việc săn tê giác hoàn toàn khác với việc săn các con thú khác. Người ta cần phải dựng trại ở trong rừng và mang thức ăn đủ trong ba, bốn ngày. Rồi lại phải mang những túi gạo, nồi để nấu cơm, không kể chỗ cơm đã nấu sẵn.

- Còn đạn dược thì thế nào? - Tôi hỏi.

- Không có gì cả. - ông già trả lời.

- Tất cả những gì tôi phải mang theo là súng đạn của ông chủ.

- Như vậy là bác không phải mang thức ăn à?

- Không. Việc ăn uống của những người hầu ông chủ thì do ông chủ định liệu.

Tuy vậy ông ta là một người hào phóng thường cho chúng tôi ăn uống no nê. Và ông già tiếp tục câu chuyện.

*
* *
*

Trời hãy còn sớm thì chúng tôi đã đến bìa rừng; bắt đầu nóng. Chúng tôi bắt tay vào việc dựng lều chắc chắn để ngủ qua đêm giữa nơi đồng không mông quạnh. Khi dân làng đến nơi thì họ được chia ra thành từng nhóm. Sau đó họ đi theo các hướng khác nhau, chỉ bớt đi một ít người dựng lều. Từng nhóm một do trưởng thôn điều khiển cùng với một quan chức có súng. Phó vương cùng các quan chức khác lên đường đến nơi mai phục. Đó là một bãi đất trống. ở đó đã có sẵn một cái nền, thực ra không phải như vậy mà là một cái chòi dựng trên nền đất, cột chòi bằng cây tươi. Các cành lá trên cây được phát đi để nhìn ra xung quanh cho rõ và các tay súng thì trèo vào trong chòi chờ đợi. Đây là một địa điểm mai phục rất thú vị. Chỉ cần tê giác xuất hiện ở một chỗ nào gần đó; thì chỉ một phát đạn chính xác cũng hạ được nó. Suốt ngày nghe tiếng mõ tre từ xa vang lại. Đó là những người lừa thú đang đi tìm tê giác. Có cảm giác như tiếng ồn không bao giờ dứt. Cái ngày đầu tiên ấy không có chuyện gì xảy ra cả. Sự việc như vậy lại lặp lại trong ngày hôm sau. Vòng vây của đám người lừa thú cùng với tiếng mõ của họ cứ hẹp dần. Một đêm nữa lại đến không mảy

may dấu vết tê giác. Sáng sớm ngày thứ ba, dân của một đồn điền gần đây cáo tin tê giác về làng họ vào đêm trước. Những người chuyên tìm dấu vết thú rừng được cử đi xem xét và trở về nói rằng thú rừng đã ra khỏi làng vào khu rừng gần chỗ mai phục của chúng tôi. Những người lừa thú bao vây một khoảnh rừng và những người tìm dấu vết thú tiếp tục công việc, xác định rằng các con thú chưa ra khỏi rừng.

Ai nấy đều tin chắc tê giác đang ở trong vòng vây. Các tay súng đã chọn nơi mai phục ấy được khen là giỏi. Ai nấy nóng lòng chờ đợi. Người ta nổi lửa ở phía nam và phía đông khu rừng. Trời có gió to, lửa bốc cao, đùn khói lên bầu trời. Ở phía tây thì hò hét, gõ mõ âm ỉ. Lửa lan nhanh, lưỡi lửa liếm ra khắp các hướng, gầm rít, âm ào làm đen kịt bầu trời. Khi lửa từ phía đông gặp lửa từ phía nam, thì làn khói bốc lên còn cao hơn. Vòng tròn bao vây hẹp dần lại và chẳng mấy chốc tiếng rầm rít của lửa át cả tiếng hò hét và tiếng mõ. Thật là khiếp đảm. Ngồi trên cành cây mà tim tôi cứ đập thình thịch; tôi cố gắng giữ bình tĩnh. Tôi tụt xuống, nhập vào đám người đương la hét. Chúng tôi nghe thấy tiếng tê giác chạy ra khỏi rừng cháy. Đám người vừa chạy, vừa hò hét lao thẳng về phía bãi đất khô mọc đầy cỏ và cây nhỏ. Chỉ có một vài cây cao. Bất ngờ ở phía đông xuất hiện tê giác; trông chúng như những tảng đá lớn. Mọi người la hét:

“Tê giác! Tê giác!” Tiếng mõ gõ nghe âm ỉ hơn. Những con tê giác đi về phía tây. Có tất cả ba con: con đực, con cái và con con. Khi thấy bị bao vây, lũ tê giác quay trở lại, tiến về phía đông, rồi dừng lại nơi bìa rừng. Chúng có vẻ sợ lửa, rồi bị khói làm ngạt thở, nên quay về phía tây và bị mọi người chặn lại. Cuối cùng bối rối, chúng đứng ngay giữa bãi đất khô. Không chắc chắn con tê giác lớn nhất đã là con đực. Nó rống lên, cái mõm há rộng. Trời ơi, tôi vẫn còn nhớ cái mõm của nó đỏ khùng khiếp và những cái răng dữ tợn. Các vị chức sắc quát mọi người thu hẹp vòng vây lại. Lửa và khói bốc lên thành một bức tường cao, đen. Cỏ cháy sém.

Những con tê giác đánh hơi thấy nguy hiểm, đã thực sự lo lắng. Chúng chỉ còn một con đường thoát là chạy về phía bắc. Nhưng lạ thay, chúng không muốn chạy về phía đó. Có lẽ chúng đánh hơi thấy sự hiện diện của chúng tôi. Có cảm giác là chúng đang nghĩ, đang chăm chú nhìn về chân trời phía tây nam. Lúc đó đã 5 giờ rưỡi chiều. Tiếng tù và và tiếng mõ tre vang lên. Những con tê giác tựa như đang mơ màng, bỗng giật mình, con tê giác đực

rống lên, lao về phía tây. Mặc mọi người la hét ầm ĩ, con tê giác lao thẳng vào đám đông. Rồi nó rống lên gọi vợ và con nó. Cả ba con chạy thành hàng một, con con chạy giữa và chúng chạy thoát qua kẽ hở giữa đám người. Ai nấy hết hoảng. Nhiều người bị ngã trong khi vội vàng chạy trốn. Tôi cũng bị rối trí. Tôi chạy và trèo lên một cây cao rồi bám chặt lấy cành cây, mắt nhắm tịt lại. Hình như những con tê giác đang ở phía dưới tôi, thở hổn hển. Tôi hoa mắt, tuột tay ngã và hình như ngã xuống lưng tê giác. Tôi đã ngã xuống lưng La-hi-am lúc ấy đang bò quanh gốc cây. Vừa rồi La-hi-am thở hổn hển chứ không phải tê giác. La-hi-am cong người lại, kêu rằng lưng anh ta bị đau. Những người khác cũng sợ hãi như tôi. La-hi-am không đứng lên được nữa. Tôi nghe nói có người thậm chí vãi đái ra quần. Thợ săn là người chạy nhanh nhất và là người đầu tiên trèo lên cây. Có một vị chức sắc ở tỉnh về, nghe đồn đó là một người dũng cảm. Nhưng khi trông thấy tê giác tiến lại gần, thì ông ta lại quẳng súng và trèo lên cây cao gần nhất. Có người kêu lên gọi với ông ta:

- Súng, thưa ngài súng! Và ông ta trả lời thế nào, các bạn có biết không?

- Có giỏi thì cầm súng và lấy mắt làm đạn! Tê giác đã biến mất và chúng tôi cũng không còn nghe thấy tiếng chân chúng nữa. Ai nấy tụt từ trên cây xuống và tụ tập lại. Mãi đến khi những con tê giác đã ở cách xa rồi, chúng tôi mới lấy lại được lòng dũng cảm và chuyện trò khoác lác với nhau. Rồi chúng tôi trở về trại. Vị phó vương cảm thấy thật ân hận, đáng lẽ thổi tù và kêu gọi mọi người đừng tiến đến gần những con tê giác quá, thì lại làm cho họ giết mình chạy mất. Nghĩ rằng Next không còn khả năng đuổi theo bầy tê giác nữa, ông ta cho giải tán. Khoảng 9 giờ tối chúng tôi ra về. Chúng tôi về đến nơi đúng lúc trống gọi ăn bữa cơm buổi bình minh đang điểm. Thật là rủi ro! Toàn gặp chuyện rắc rối, chúng tôi đi sẵn trở về tay không. Suốt dọc đường trở về, hễ lúc nào trông thấy vật gì đen đen đang lấp ló ở ven đường là tim tôi lại giật thót. Lúc nào cũng tưởng như có tê giác.

*
* *

- Có thể cái rủi ro của bác cũng là của Chúa, - tôi nói.
- Thế con tê giác đực nó to bằng ngần nào hả bác?

Ông già Xu-an-ta đáp:

- Ô thưa các ngài nó to hơn con trâu. Nó dài khoảng mười bộ, có cái cổ mập mập, cái đầu hói trụi và cái mõm rộng. Nó có chiếc sừng cong và rất đáng sợ các ngài ạ. Nhưng đó là còn chưa trông thấy răng nó đấy.

- Răng của nó thế nào? - Mô-mô hỏi.

- Tôi không biết. Tôi chưa trông thấy rõ, nhưng nếu tôi không quên, thì răng nó giống như răng lợn, nhưng to hơn nhiều, thật quả là khiếp đảm.

- Thế con tê giác con thì to bằng ngần nào ạ? - Tôi hỏi.

- Ô con con ấy à, nó phải cỡ như con nghé. Tôi thật đến ngán những con tê giác ấy! Giá ông chủ mà còn muốn lấy tôi đi săn nữa, thì tôi sẽ không tham gia vào cuộc nhanh như lần trước đâu.

IRAN

CHUYỆN HÊ-LI

Nader Ebrahimi

Sự việc xảy ra không phải cách đây một nghìn năm, cũng không phải một trăm năm; mới cách đây hai năm, hay cũng có thể là ngay năm ngoái. ở gần nhà tôi, ở ngay ngõ tôi có cô bé tên là Hê-li lên tám tuổi. Thực ra ở gần nhà tôi, ở ngõ tôi còn có nhiều cậu bé và cô bé nữa. Có cô bé Đa-ri thường thêu thùa và làm một chút việc nhà. Cô rửa bát đĩa, bưng nước trà, đôi khi rửa cốc tách, nhưng rửa các đĩa có dính mỡ thì không được sạch lắm. Một cô bé khác tên là Li-li. Cô hay hát. Cô thuộc nhiều bài hát dài. Mỗi khi có ai đó bảo cô hát là cô hát ngay một bài. Nhưng cô bé không bao giờ hát khi chỉ có một mình; cô cũng không hát khi anh trai đang học hay đang làm việc nhà. Một cô bé nữa tên là Mê-ri. Cô thích chơi hoa và cắm hoa vào lọ. Đôi khi nước ở trong lọ hoa tràn ra làm cô bị ướt, nhưng cô không bao giờ làm ướt người khác. Có một cậu bé nữa tên là Ta-ghi. Cậu dùng gỗ và đánh làm những căn nhà xinh xinh rồi tô màu cho chúng. Cậu chưa làm phiền ai và chưa bao giờ chơi những căn nhà xinh xinh ấy khi chưa làm xong việc nhà. Còn nhiều cô cậu khác nữa: nào Ma-vát và Ma-sít; nào Khô-xrâu và Giam-ôi; nào Ma-ri-am và Mi-tra; nào Hau-sang và Rê-da; nào Ma-ni-giéc và vân vân. Bọn chúng cùng sống ở gần nhà tôi và lúc nào cũng bận việc. Bây giờ cho phép tôi kể về Hê-li. Khắp vùng ai cũng gọi cô bé là “Hê-li chưa ngoan”. Hình như trên đời này cô bé không làm việc gì khác ngoài việc quấy rầy mọi người: cô quấy rầy cha mẹ, anh chị không trừ một ai. Cô bé vừa đi học về là người ta đã nghe tiếng mẹ cô la hét:

- Hê-li, đừng động vào thức ăn! Hê-li đừng đi giày của mẹ!
Hê-li đừng chòng ghẹo Hô-mô! Hê-li, đừng có làm trò hề! Hê-li
đừng có đi vào phòng mà xô giày của Gô-li! Hê-li đừng nghịch cái
đèn dầu hỏa! Hê-li đừng có hỗn!

Nhưng Hê-li không bao giờ biết nghe lời mẹ, hay một người nào khác. Cô không bao giờ làm một việc gì đúng lúc: giờ ngủ thì cô hát; giờ ăn cơm trưa thì cô chạy ra ngõ; ngồi trong lớp học thì mất trật tự; còn về mùa đông thì ném tuyết vào mọi người. Thỉnh thoảng cô chạy ra ngõ trêu chọc người bán hàng tạp hóa, người thợ mộc, hoặc người quét đường. Người quét đường vốn tốt bụng nên thường bị trêu chọc nhiều. Người bán vé xổ số trong ngõ thường rất bực tức với Hê-li. Thậm chí con chó Hốp-phi hiền lành ở ngõ nhà chúng tôi cũng thường phải thức suốt buổi chiều hè để đề phòng Hê-li, bởi vì hễ cô bé mà trông thấy nó đang ngủ là thế nào cũng làm đau nó. Như vậy là như tôi đang nói đây, không một ai ở gần nhà tôi, ở trong ngõ tôi lại thích Hê-li. Người bán vé xổ số, người quét đường, người hàng thịt, người thợ mộc, cả những đứa trẻ con khác không một ai thích Hê-li, họ toàn phàn nàn về cô với mẹ cô. Một buổi tối có một ông già thông thái từ tỉnh xa đến thăm mẹ Hê-li. Bà mẹ cô bé kể cho ông già nghe chuyện Hê-li làm phiền mọi người, kể cả con chó và không một ai ưa cô. Ông già nghĩ một lúc rồi bảo:

- Chị ạ, tôi nghĩ rằng con gái chị nó không biết quý gia đình và cái nơi mà nó sống. Nếu nó biết thì nó đã chẳng bao giờ làm phiền lòng mọi người. Cái khó là ở chỗ nó không bao giờ buồn và khổ vì phải sống đơn độc. Vì vậy tôi nghĩ rằng chị cứ gửi nó đi xa nhà để nó sống ở đó một mình thật đơn độc. Mẹ Hê-li mỉm cười nói:

- Làm sao mà cháu có thể gửi Hê-li đi xa được? Cháu biết gửi Hê-li đến sống một mình ở đâu? Có chỗ nào mà người ta không nghe thấy tiếng la hét của nó? Chỗ nào? Chỗ nào?

Ông già nói:

- Thôi thì chị cứ gửi nó đến chỗ tôi, rồi thì chị sẽ thấy tôi sắp xếp mọi việc tốt đẹp như thế nào?

Mẹ Hê-li cười đáp:

- Nhưng cháu lại yêu nó lắm, làm sao cháu có thể sống xa nó được?

Lúc ấy Hê-li cũng đang ở trong phòng cố công cố sức lấy dây trói gô chân con mèo trắng. Nghe thấy ông già và mẹ chuyện trò, cô bé tái mặt thả cho con mèo chạy. Cô đi vào góc phòng rồi ngồi

im thin thít. Rồi ông già đi ngủ. Hê-li liền chạy lại với mẹ. Cô ôm mẹ, tấm tức nói:

- Mẹ ơi, mẹ ơi, con không muốn phải sống một mình đâu. Mẹ đừng gửi con đi. Mẹ đừng gửi con đến nơi nào cả, nhất là nơi không có ai nghe thấy tiếng con nhé.

Mẹ Hê-li xúc động hôn con gái, vuốt mái tóc đen mượt của con, rồi cười bảo con:

- Này Hê-li, mẹ hứa sẽ không gửi con đi đâu, nếu con biết nghe lời mẹ: không vẩy nước vào mọi người, không lấy đá ném chó, không vẽ bậy lên tường, không la hét suốt ngày, không kêu gào, không mất trật tự ở trường, không ném tuyết vào mọi người. Và bây giờ thì con đi ngủ đi, vì sáng mai con phải dậy sớm đấy.

Hê-li đi ngủ, nhưng cô bé vẫn lo lắng nghĩ đến những điều ông già nói. Cô nghĩ:

"Ngộ nhớ mẹ vẫn cứ gửi mình đi đến một nơi xa nào đó thì sao? Nhớ mẹ vẫn cứ gửi mình đến với ông già thì sao? Ngộ nhớ ông già biến mình thành con chim, con gà trống, con kiến, hay một cái cây trên luống hoa thì sao?". Hê-li nghĩ mãi và ngủ thiếp đi. Vừa nhắm mắt, cô bé đã nằm mơ.

*
* *
*

Hai mẹ con Hê-li đang đi dọc theo một con đường rộng giữa vườn hoa lớn xanh tươi, hoa nở. Cô bé hỏi mẹ:

- Mẹ ơi, đây là đâu?

Mẹ cô bé đáp:

- Đây là vườn hoa của ông già.

Nhưng Hê-li không tin rằng mẹ có thể bỏ cô một mình giữa vườn hoa xanh tươi này. Cô cười nói:

- Tính con thế nào thì suốt đời vẫn cứ thế, không thay đổi. Nếu mẹ để con ở lại đây một mình, con sẽ quấy rầy ông già làm cho ông ấy chán ngán con mà gửi trả con về nhà.

Mẹ Hê-li im lặng dẫn con đến chỗ ông già. Ông già sống trong một lâu đài bằng đá cẩm thạch trắng ở giữa vườn. Mẹ cô bé chào ông già rồi ngồi xuống nói:

- Thưa ông, cháu gửi con bé nhà cháu ở lại đây với ông. Khi nào cháu nó ngoan ngoãn thì xin ông cho cháu về nhà.

Nói xong, mẹ cô bé đứng dậy chào ông già và ra về. Hê-li gào lên:

- Mẹ ơi, mẹ ơi, con không muốn ở lại đây với ông già đâu.

Nhưng bà mẹ cô không trả lời. Bà đi qua vườn, rồi khuất sau đám cây lá và hoa. Ông già gọi Hê-li:

- Này bé con, lại đây. Vậy là cháu đã đến đây và sẽ ở lại đây. Nào bây giờ cháu muốn ở chỗ nào nào?

Hê-li cảm thấy rất buồn và cô đơn. Cô đáp:

- Đối với cháu thế nào cũng được. Tính cháu thế nào thì suốt đời vẫn cứ thế, không thay đổi.

Ông già cười bảo:

- Ông bảo cho cháu biết sẽ có cách làm cho cháu phải thay đổi tính nết. Ông sẽ biến cháu thành con gà con và cho cháu sống ở chuồng gà cùng với các loài có lông vũ khác. Cháu sẽ cùng sống với gà mái, gà trống và chim bồ câu, để xem xem cháu có quấy rầy được chúng không.

Hê-li đáp:

- Tính cháu thế nào thì suốt đời vẫn cứ thế, không thay đổi. Cháu sẽ mổ gà con và chim bồ câu; cháu sẽ mổ lòi mắt chúng.

Ông già chỉ nhìn cô bé, rồi ông ngẩng đầu lên gọi:

- Ở gà mái, có nghe thấy tiếng ta không? Ở gà trống, có nghe thấy tiếng ta không? Ở chim câu, có nghe tiếng ta không? Đây là cô bé Hê-li. Ta để cô bé ở cùng với các cháu, rồi ta sẽ xem xem cô bé đối xử với các cháu thế nào.

Hê-li ngồi xuống cỏ và nói:

- Tính cháu thế nào thì suốt đời vẫn cứ thế, không thay đổi.

Nhưng vừa nói xong thì cô bé biến ngay thành con gà chân ngắn. Thay cho mái tóc đen mượt mà, trên đầu cô bé có chiếc mào đen. Thay cho chiếc áo màu đỏ tươi, mình cô bây giờ khoác bộ lông đỏ. Ông già gọi một cậu bé đến bảo:

- Cháu đem con gà con chân ngắn, mào đen, lông đỏ này nhốt vào chuồng gia cầm.

Cậu bé tóm chân Hê-li đem bỏ vào cái chuồng bằng vàng, bạc.

Lũ gà con và chim câu ở trong chuồng nhìn Hê-li và không thích cô. Chúng lao tới mổ vào đầu cô. Thật là khủng khiếp. Cô bé bị đau đầu quá. Cô hét lên, khóc lóc thốn thức, hết đứng lại ngồi, cảm thấy những con gà trống khỏe hơn cô rất nhiều. Thế là cô chạy lại đầu đằng kia chuồng, cố tránh xa chúng. Cậu bé nọ đem thóc đến cho gà, chim ăn. Chúng tùm tùm quanh máng ăn mổ thóc. Hê-li vừa mon men đến định mổ một hạt thì chúng đã lại xông vào đánh. Cô bé lại phải quay về đầu chuồng đằng kia ngồi chúi ở đó và thấy bụng đói cồn cào. Cô tự bảo:

- Quả là một thế giới kỳ quặc! Một thế giới khủng khiếp. Chẳng có một người nào đoái hoài đến mình. Không một người nào nghĩ rằng mình cũng cần phải ăn và uống. Mình chỉ có mỗi một mình ở đây.

Cô bé đến nói với lũ chim, gà vui lòng cho cô vài hạt thóc và một chút nước, nhưng chúng không đáp lời. Không một con gà mái, gà trống, không một con bồ câu nào thương cô. Không những thế, cứ mỗi khi Hê-li định mon men đến gần là chúng lại mổ vào đầu. Chúng mổ nhiều đến nỗi mào của Hê-li bị sứt. Cuối cùng, Hê-li đành im lặng, không đi loanh quanh, không mổ hạt, không xin ăn uống nữa. Cô đứng chúi đầu đằng kia chuồng gà, lẩm bẫm:

- Một thế giới thật kỳ quặc! Một thế giới thật khủng khiếp: không thức ăn, không nước uống!

Một hôm cô bé bỗng nhớ tới ông già và nói một mình:

- Ước gì ông già có mặt ở đây và hỏi xem mình có cảm tưởng gì? Mình sẽ nói ngay với ông già rằng tất cả mọi vật ở đây thật khủng khiếp. Mình sẽ nói rằng mình sẽ làm tất cả mọi việc, đi đến tất cả mọi nơi mà ông già muốn, chỉ cần ông già cho mình được tự do và được sung sướng trở lại.

Ngay lúc đó ông già xuất hiện trước mặt cô bé. Ông thò tay kéo Hê-li ra khỏi chuồng và hỏi:

- Cháu có cảm tưởng gì?

- Khủng khiếp! - Cô bé đáp. - Thật khủng khiếp ạ.

Ông già nói:

- Ông chả bảo cháu đừng chành chọe với những con chim, con gà sao? Chỉ thoáng nhìn cũng biết là chúng đã mổ cháu đau lắm, đến nổi sút cả mào. Đây cháu soi gương xem.

Bất ngờ Hê-li đã trở lại hình dáng như cũ. Nhưng khuôn mặt cô xanh xao, cô bị mất một món tóc đen và gầy thật là gầy. Ông già giơ chiếc gương ra và bảo:

- Mái tóc đen mượt của cháu đâu rồi? Khuôn mặt xinh xắn của cháu đâu rồi? Bởi vậy cháu thấy đấy, con người ta khi phải sống xa nhà thì khổ sở biết chừng nào.

Hê-li soi gương và thấy rất buồn. Cô nói:

- Ông ạ, ông hãy cứu cháu thoát khỏi những con chim con gà này với. Ông cho cháu trở về nhà đi.

Ông già đáp:

- Chưa được, hãy còn sớm quá. Cháu vẫn chưa thực sự biết quý gia đình. Bởi vậy cháu hãy chọn thêm một nơi ở nữa. Trong cái vườn rộng lớn này có nhiều chỗ tốt lắm. Có nhiều hoa, nhiều vẹt và chim họa mi. Vẹt thì nói và chim họa mi thì hát.

Hê-li đáp:

- Cháu không thích vườn hoa, không thích vẹt và họa mi. Cháu chỉ muốn về nhà thôi.

Ông già bảo:

- Không được, ta sẽ cho cháu đến một chỗ nào đó trong vườn của ta, chừng nào cháu chưa biết quý gia đình thì cháu vẫn chưa được về nhà.

- Thôi được, - Hê-li nói, - ít ra thì ông cũng cho cháu ở nơi nào có bọn trẻ con ấy, để chúng chơi với cháu.

- Được, - ông già đáp, - một khi cháu đã muốn như thế. Nhưng cháu lại quấy rầy chúng thì sao?

Hê-li nói:

- Cháu hứa sẽ không làm thế.

Nhưng cô bé lại tự bảo:

- Có thể mình không làm gì được lũ gà, chim, nhưng nhất định mình sẽ điều khiển được bọn trẻ. Mình sẽ làm cho bọn chúng ngán mình mà xin ông già trả mình về nhà.

Nhưng ông già đã biết điều cô bé suy nghĩ, nên bảo:

- Như vậy là cháu được phép đến với bọn trẻ con đấy, nhưng cháu không thể nói chuyện với chúng. Bọn trẻ có thể ngắm nhìn cháu, nhưng lại không nghe được tiếng cháu nói.

Thế rồi ông già nhắm mắt lại, nói:

“Xin hãy cho cô bé này biến thành một bức tranh chân dung cô bé in trong sách trẻ em có hình dáng giống hệt Hê-li”.

- Không, không, - Hê-li kêu lên, - nhưng thậm chí ngay cả khi đang nói cô bé cũng nhỏ dần rồi bất ngờ cô thấy mình trở thành bức chân dung in trên quyển sách tranh. Tên quyển sách đó là “Chuyện Hê-li”. Thế rồi ông già mang sách đến một cửa hiệu sách nhờ ông chủ hiệu bán hộ. Quyển sách “Chuyện Hê-li” có bức tranh chân dung Hê-li đã nằm rất lâu ở quầy hàng. Nó bị bụi bám và không ai biết rằng cô bé đã kêu gào nhiều biết chừng nào, cô chỉ là một bức tranh chân dung và không một ai nghe được tiếng cô. Cuối cùng, một hôm có một cậu bé cầm quyển sách lên xem và quyết định mua. Cậu bé đem sách về nhà khoe với trẻ con hàng xóm. Hê-li cố gọi chúng, nhưng chúng không nghe thấy tiếng cô. Một hôm cậu bé đang đọc sách thì dừng lại ngắm bức chân dung Hê-li. Cậu ta bảo:

- Cô bé này trông xanh xao quá. Mình biết mình phải làm gì rồi, mình phải tô màu cho nó mới được.

Thế là cậu ta lấy bút chì màu ra tô cho Hê-li. Những chiếc bút chì vót nhọn làm đau má cô bé. Cô đau đớn kêu lên, mong mỗi ông già xuất hiện, để cô sẽ nói với ông già là cô đã biết lỗi và hứa sẽ ngoan. Ngay lúc đó ông già xuất hiện. Ông lớn giọng nói:

- Hê-li, lại đây với ông, ông muốn nói chuyện với cháu. Cháu hãy bước ra khỏi quyển sách.

Bất ngờ Hê-li đã ra khỏi quyển sách và trở lại vườn. Ông già hỏi thăm cô bé đã sống ra sao và cô có thích đến với các trẻ khác không. Hê-li nhìn quanh vườn, nhìn lũ gà, chim và nhìn lên trời, rồi nói:

- Ông ạ, cháu biết nói với ông thế nào đây? Toàn thân cháu đau ê ẩm. Cháu đã bị tô màu vàng, xanh lơ, xanh lá cây, đỏ, trắng, đen, tím và hồng. Ông hãy rủ lòng thương cháu với. Cháu vẫn chưa đến lúc được về nhà hả ông?

Ông già bảo:

- Chưa đâu, Hê-li ạ. Việc trở về nhà đối với cháu vẫn còn quá sớm. Cháu vẫn chưa thực sự biết quý nhà cháu. Thôi thì bây giờ cháu muốn sống ở nơi nào? Vườn của ông vẫn còn nhiều chỗ tốt lắm. Vườn đầy những chim vẹt và họa mi. Và ông có một tòa lâu đài đẹp. Vậy cháu còn muốn gì hơn nữa?

Hê-li đáp:

- Ông ạ, ông cứ cho cháu về nhà, còn vườn của ông là để phân ông. Ông hãy giữ lấy những bông hoa, những con vẹt và họa mi quen thuộc của ông. Cháu không thích sống trong tòa lâu đài bằng đá trắng này. Ông ơi, ông hãy cho cháu trở về nhà đi.

Nhưng ông già lắc đầu và đáp:

- Không, không phải là về nhà; ông sẽ cho cháu đến ở một nơi nào đó mà cháu muốn.

Hê-li nói:

- Vậy thì ông cho cháu đến với bọn trẻ con khác, nhưng ông làm cho bọn chúng nghe thấy tiếng cháu.

Ông già bảo:

- Được, được, ông sẽ làm đúng như thế.

Hê-li tự nhủ:

"Một khi bọn trẻ nghe được tiếng mình, thì mình sẽ hét thật to làm cho chúng phát chán mình mà xin ông già gửi mình về nhà".

Nhưng ông già đã biết ý nghĩ của cô bé, liền bảo:

- Được, ông sẽ làm cho bọn trẻ không những chỉ nghe được tiếng cháu, mà còn sẽ rất thích tiếng hét của cháu.

Thế rồi ông nói to:

- Này Hê-li, cháu sẽ trở thành một chiếc keng có âm thanh. Ngay sau câu nói đó, cô bé đã thấy mình biến thành một chiếc keng to. Thế là ông già đem ngay Hê-li tới một sân trường gần đó, treo lên dây xích dùng làm keng nhà trường. Giờ ra chơi đến, ông gác trường lấy một chiếc dùi to, gõ thật mạnh vào chiếc keng và Hê-li kêu lên:

"Keng-keng-keng! Keng-keng-keng!". Rồi lại tiếp:

“Keng-keng-keng! Keng-keng-keng!”.

Nghe thấy tiếng kêu của Hê-li vang lên, bọn trẻ chạy ra khỏi các lớp học, ùa ra sân chơi. Chúng vỗ tay, cười đùa, chơi các trò chơi, nhảy nhót tung tăng vì được ra chơi không phải học hành gì cả. Thế là ngày nọ qua ngày kia tiếng kêu của Hê-li cứ vang lên “Keng-keng-keng! Keng-keng-keng!”. Hê-li đã thấy được bọn trẻ vui chơi, nghe thấy tiếng cười tiếng hét của chúng. Rồi giờ tan học đến, cô bé lại kêu lên “Keng-keng” cho bọn trẻ ra về, bỏ cô ở lại một mình. Tất cả bọn trẻ đều nghe rõ tiếng cô và thích âm thanh do cô phát ra. Nhưng cứ ngày này qua ngày khác cô bé vẫn bị treo nguyên ở một chỗ, không làm được gì cả. Một hôm, sau giờ tan học, Hê-li thấy buồn rầu vì phải sống cô đơn, cô nghĩ:

“Phải sống ở xa nhà thật là khổ sở. Chỉ cần mình được về nhà là mình sẽ trở thành một cô bé ngoan ngay”.

Nhớ đến ông già, cô bé nghĩ bụng:

“Biết đâu ông già sẽ thương hại mình và tha cho mình. Biết đâu ông già sẽ lại hỏi mình xem muốn ở nơi nào nữa”.

Thình lình cô nghe thấy tiếng ông già:

- Hê-li, lại đây. Hình như cháu đã nhận ra nơi cháu ở, ngõ nhà cháu và nhà cháu thật là đẹp và cháu đã biết quý nhà rồi.

Hê-li nhìn quanh. Cô thấy rằng cô đã có lại hình dáng cũ và đang đứng ở vườn với ông già. Cô chào ông già rất lễ độ và hỏi thăm sức khỏe của ông. Sau đó cô nói:

- Ông ơi, ông cho cháu trở về nhà đi. Sống xa nhà cháu thấy khổ lắm. Nếu ông cho cháu trở về, cháu hứa với ông là sẽ trở thành một cô bé ngoan.

Ông già nói:

- Được, ông nghĩ là bài học đã thấm rồi đấy. Cháu có vẻ không thích vườn hoa của ông, những con vẹt và họa mi của ông, thì sẽ để cho cháu về nhà. Nhưng đầu cháu thì toàn là gỉ sắt phủ lên mái tóc đen mượt mà. Và cháu thì xanh xao đi vì kêu nhiều quá, khuôn mặt xinh xắn của cháu đâu rồi? Cháu đợi ông một lát để ông lấy lại sức khỏe cho cháu, rồi cháu hãy trở về nhà.

Hê-li nhìn và thấy rằng mọi vật vẫn như trước đây, như thể cô mới bước chân vào khu vườn này. Và kia, mẹ cô vừa bước ra

khỏi đám hoa ở xa và chạy về phía cô. Hê-li chạy lại với mẹ. Hai mẹ con ôm nhau khóc lên vì vui sướng và mừng rỡ.

*
* * *

Mẹ Hê-li lắc lắc người con và gọi:

- Hê-li, Hê-li, dậy đi! Sáng rồi, nắng đã lên rồi. Con ngủ đủ rồi đấy.

Hê-li nhìn ngơ ngác và hỏi:

- Mẹ ơi, con ở đâu đây?

Mẹ cô đáp:

- Con đang nằm trên giường ở nhà. Con nghĩ rằng con còn có thể ở đâu nữa?

Hê-li thở dài nhẹ nhõm. Cô bé cười, nhảy ra khỏi giường. Cô rửa mặt, mặc quần áo chỉnh tề, ăn sáng và chạy đi học. Cô bé thậm chí quên cả ông già đang còn ngủ trong phòng khách. Và cô không bao giờ còn gặp ông già nữa. Ra đến đầu ngõ cô chào ông bán vé xổ số và nói:

- Ông bán cho cháu một vé nào.

Ông bán vé xổ số cười hỏi:

- Hôm nay có điều gì làm cho cháu lễ độ vậy Hê-li?

Hê-li đáp:

- Bởi vì cháu là một bé ngoan. Mà tính cháu thế nào thì suốt đời vẫn như thế, không đổi.

*
* * *

Từ cái ngày Hê-li nằm mơ như vậy cách đây đã vài năm rồi thì phải? Cô bé đã lớn, cô càng chăm làm việc nhà nhiều hơn, lại càng ngoan hơn. Thỉnh thoảng khi tưới hoa cô có bị ướt, nhưng không bao giờ làm bẩn nước vào người khác. Ô, nhân chuyện này tôi quên khuấy đi không nói về con chó Hô-phi. Nó không bị khập khiễng nữa: bởi vì không có ai ném đá vào nó và nó có thể ngủ yên suốt các buổi chiều hè nóng nực.

NHẬT BẢN

RỪNG KE-NIU

Kenji Miyazawa

Ke-niu vẫn thường đi dạo qua rừng hay dọc theo bờ ruộng mặc một bộ ki-mô-nô buộc bằng dây và nở nụ cười trên môi. Khi em nhìn đám cây xanh trong mưa, mắt em long lanh và thấy một con chim ưng bay mãi trên trời xanh, em nhảy lên một cách vui sướng vô tư và vỗ tay kể lại cho mọi người biết. Nhưng bọn trẻ con chế nhạo, nên em nghiêm mặt lại. Khi một luồng gió thổi đến và lá dẻ gai lấp lánh sáng làm mắt em không thể giữ được nụ cười sung sướng thì em bắt miệng phải mở to ra, thở sâu để giữ nụ cười của em trong khi em đứng nhìn chăm chăm lên các bụi cây. Có lúc, em cười lặng lẽ, mồm mở rộng, em lấy ngón tay xoa xoa má cứng như là bị ngứa. Nhìn từ xa, Ke-niu có vẻ như đang gãi mặt hay đang ngáp, nhưng nếu đến gần hơn, bạn sẽ nghe thấy em cười và nhìn thấy môi em rung rung. Chính vì thế mà bọn trẻ thường chế nhạo em. Nếu như mẹ em bảo thì ngay một lúc em có thể kéo được năm trăm gàu nước đầy. Em cũng có thể làm cỏ ngoài đồng trọn một ngày. Nhưng bố và mẹ em chẳng bao giờ bảo em làm như vậy cả. Đằng sau nhà Ke-niu có một khoảng đất trống để hoang to như một sân vận động loại vừa. Có một năm khi núi còn trắng tuyết và cỏ chưa mọc mầm ngoài ruộng, bỗng nhiên Ke-niu chạy đến chỗ những người thân của em đang trông trọt ngoài ruộng và nói:

- Mẹ ơi, mua cho con bảy trăm cây tuyết tùng giống. Mẹ Ke-niu ngừng huơ lưỡi cuốc mới sáng loáng và nhìn Ke-niu chăm chăm.

- Vậy con định trồng bảy trăm cây tuyết tùng giống ấy ở đâu?

- Mẹ hỏi.

- Ở chỗ đất trống đằng sau nhà ạ. - Ke-niu, - anh của Ke-niu nói.

- Em sẽ không có cây tuyết tùng giống để trồng ở đó đâu. Đáng lẽ làm việc ấy, sao em không giúp cả nhà một chút trong công việc đồng áng?

Ke-niu ngúng nguẩy và nhìn xuống đất.

Nhưng ngay lúc đó bố Ke-niu đứng thẳng dậy lau mồ hôi mặt.

- Thôi, mua cho nó, - bố bảo.

- Trước đây có bao giờ nó đòi mua một thứ gì đâu. Mua cho nó!

Mẹ Ke-niu mỉm cười như trút được gánh nặng. Lòng đầy vui sướng, Ke-niu chạy thẳng về nhà. Em lấy một cái cuốc sắt ở vựa lúa ra và hăng hái chạy ra bãi cỏ để đào hố trồng tuyết tùng. Anh của Ke-niu về sau, nhìn thấy em đào như vậy, nói:

- Ke-niu, khi trồng tuyết tùng thì em phải đào sâu hơn. Để đến mai, anh sẽ đi mua cây giống cho em.

Ke-niu để cuốc xuống không lấy gì làm vui vẻ. Ngày hôm sau bầu trời trong vắt, tuyết trên núi chiếu sáng trắng, chim sơn ca hót vui vẻ khi chúng bay lên mãi trời cao. Và Ke-niu cười toét như không thể ngăn được nỗi vui sướng, đào hố trồng tuyết tùng đúng như anh em bảo, bắt đầu từ phía bắc mảnh đất. Em đào thành hàng thẳng tắp và khoảng cách đều đặn. Anh em lần lượt trồng từng cây xuống mỗi hố. Vào lúc này, Hai-gi, chủ miếng ruộng ở phía bắc mảnh đất đi tới. Mồm ngậm tẩu, tay đút túi áo, vai ông ta so lại như lạnh lắm. Ông Hai-gi làm ít nhiều công việc đồng áng, nhưng trong thực tế thì kiếm ăn phần lớn bằng những phương tiện khác, không phải lúc nào cũng thú vị.

- Này, Ke-niu! - ông ta gọi. - Mà thực là ngốc mà đi trồng tuyết tùng ở một chỗ như thế này. Trước tiên cây sẽ che ánh nắng của ruộng nhà tao.

Ke-niu đỏ mặt lên và nhìn như muốn nói điều gì mà không nói được. Em chỉ đứng đó ngọ nguậy một cách lúng túng. Anh Ke-niu đương trồng gần đấy lên tiếng:

- Chào ông Hai-gi!

Anh đứng dậy trong khi ông Hai-gi lăm lăm bước đi. Không phải chỉ một mình ông Hai-gi chế nhạo Ke-niu trồng tuyết tùng ở bãi cỏ hoang mà mọi người cũng nói như vậy: tuyết tùng không thể

trồng trọt được ở một chỗ như thế; bên dưới đó là đất sét cứng; đã ngu thì cứ ngu mãi. Và họ nói hoàn toàn đúng. Trong năm năm đầu, các cây xanh nhỏ bé lớn vươn thẳng lên trời, nhưng từ đó là mọc thành tán và cả hai năm thứ bảy và thứ tám chiều cao của chúng chỉ dừng lại ở khoảng chín bộ. Một buổi sáng lúc Ke-niu đang đứng trước rừng cây, một bác nông dân đến trêu chọc em:

- Này, Ke-niu, cậu không chuẩn bị tĩa các cành cây của cậu đi à?

- Tĩa ấy ạ? Bác bảo thế nghĩa là thế nào cơ?

- Tĩa tức là dùng cái rìu nhỏ phạt bớt các cành thấp đi.

- Rồi cháu sẽ tĩa.

Ke-niu chạy đi tìm một cái rìu nhỏ. Rồi em bắt đầu phạt các cành tuyệt tùng thấp đi một cách không thương tiếc. Nhưng vì các cây chỉ cao có chín bộ nên em phải khom lưng xuống. Đến tối, các cây đều bị phạt trần trụi hết cành, chỉ còn lại độ ba hay bốn cành trên ngọn. Cỏ ở bên dưới phủ một lớp cành xanh thẫm và khu rừng nhỏ thì quang đặng và sáng sủa hẳn ra. Đột nhiên nó trở thành trống trải khiến Ke-niu choáng váng và cảm thấy có tội. Anh Ke-niu đi làm đồng về, trông thấy khu rừng như vậy chỉ biết mỉm cười. Rồi anh nói động viên Ke-niu đang đứng mặt tái mét:

- Lại đây em! Chúng ta sẽ thu các cành và đôn nó lại để đốt một đồng lửa đẹp ở đây. Yên trí, rừng cây trông sẽ đẹp hơn bây giờ.

Cuối cùng thì điều này cũng làm Ke-niu dễ chịu hơn và em cùng với anh trai đi thu dọn cành đã bị em chặt ở dưới các cây. Cỏ dưới gốc ấy ngắn và sạch sẽ y như ở nơi người ta có thể thấy được hai vị ẩn sĩ ngồi đánh cờ. Nhưng ngày hôm sau, khi Ke-niu đang nhặt bỏ các hạt đậu bị sâu ăn ở trong kho vừa lúa, em nghe thấy tiếng kêu la sợ hãi từ rừng cây của em. Từ tất cả mọi hướng vang lại những tiếng nói ra lệnh, những tiếng nói bắt chước tù và, những tiếng giậm chân rồi bỗng nhiên một trận cười lớn nổ ra làm tất cả các con chim quanh đó vỗ cánh bay đi. Giật mình, Ke-niu ra xem có chuyện gì xảy ra. Và ở đó, em kinh ngạc thấy có năm chục đứa trẻ trên đường từ trường về nhà.

Chúng đi hàng một và bước đều giữa các hàng cây. Chúng đi ngả nào thì hàng cây cũng biến thành dãy phố. Và chính các cây trong bộ quần áo xanh trông như cũng hành quân thành hàng làm

bọn trẻ càng thích thú hơn. Chúng diễu binh qua lại giữa các cây, mặt đỏ bừng, gọi nhau inh ỏi, như một bầy chim bách thiết. Chẳng mấy chốc các hàng cây đều được đặt tên: phố Tô-ki-ô. Phố Nga, phố Phương Tây... Ke-niu rất vui thích. Ngắm nhìn chúng từ đằng sau các cây, miệng em mở rộng và cười to. Từ đây hàng ngày bọn trẻ tụ tập ở đó. Chỉ có hôm nào mưa chúng mới không đến. Những ngày này, Ke-niu đứng một mình ngoài rừng, ướt như chuột lội trong mưa rơi rào rào từ bầu trời trắng đục.

- Ke-niu lại đứng gác rừng đây à?

Mọi người mỉm cười hỏi em khi họ mặc áo toại đi qua. Trên những cây tuyết tùng có những quả nâu hình chóp và từ những lá kim của những cành xanh xinh đẹp, giọt mưa lạnh trong như pha lê rơi tí tách. Mồm há hốc, Ke-niu cười ha hả và em đứng mãi ở đó không chán, trong khi hơi nước bốc lên từ tấm thân nhỏ nhắn của em. Một buổi sáng sương mù, Ke-niu bỗng nhiên va chạm với ông Hai-gi ở chỗ mọi người đang thu cỏ lác để lợp nhà. Ông Hai-gi cẩn thận nhìn quanh với vẻ mặt khó chịu và dữ tợn, quát Ke-niu:

- Ke-niu! Chặt cây đi!

- Tại sao ạ?

- Vì chúng che hết ánh sáng của ruộng nhà tao.

Ke-niu nhìn xuống đất không nói gì. Nói cho cùng thì bóng các cây tuyết tùng không vươn dài quá sáu inh về phía ruộng nhà ông Hai-gi. Đúng hơn, rừng cây đã thực sự bảo vệ ruộng khỏi bị các cơn gió nam dữ dội.

- Chặt đi! Chặt đi! Mà không chặt hả?

- Không, cháu không chặt đâu.

Ke-niu ngừng đầu nói một cách sợ hãi.

Môi em mím chặt đau đến mức có thể chảy nước mắt ra được. Đây là lần duy nhất trong đời em thách thức người khác. Nhưng Hai-gi, cảm thấy bị một người dễ tính như Ke-niu chọc tức và hạ thấp mình thì nổi giận, và bất ngờ tát vào mặt Ke-niu. Ông ta tát em rất mạnh và rất nhiều. Ke-niu nín lặng chịu đòn, đưa một tay lên đỡ má, nhưng một lúc sau thì mọi vật trước mặt em tối sầm lại và em loạng choạng. Lúc này ông Hai-gi mới cảm thấy không ổn, vội khoanh tay và biến vào sương mù. Mùa thu năm đó, Ke-niu chết vì bệnh chấy rận. Mười ngày trước đó, ông Hai-gi cũng ốm

chết vì bệnh này. Chỉ có những đứa trẻ là hàng ngày vẫn đến tụ tập ở rừng cây như trước, chúng hoàn toàn vô tư với những chuyện xảy ra. Năm sau, đường xe lửa đã vươn tới làng và một nhà ga được xây cách nhà Ke-niu một dặm. Đây đó, các nhà máy đồ sứ và nhà máy tơ lớn mọc lên. Chẳng mấy chốc đồng ruộng như bị nhà cửa nuốt dần. Trước đó hầu hết mọi người đều nhận thấy làng đã thực sự biến thành một thành phố. Nhưng do một sự ngẫu nhiên nào đó, chỉ có rừng của Ke-niu là không bị động đến. Hơn nữa, các cây chỉ cao mười bộ, và trẻ con hàng ngày vẫn tụ tập ở đó.

Trường tiểu học xây ở ngay cạnh đó nên chúng dần dần cảm thấy rừng và bãi cỏ ở phía bắc rừng đã nổi dài sân chơi của chúng. Bây giờ, bố của Ke-niu tóc đã bạc trắng. Mà tóc bạc cũng phải thôi, vì Ke-niu chết cũng đã gần hai mươi năm. Một hôm, có một nhà trí thức trẻ kia vốn người làng này và bây giờ đã là giáo sư một trường đại học ở Mỹ về thăm nhà lần đầu sau mười lăm năm xa cách. Ông ta ra sức nhìn cũng không tìm được dấu vết của bãi cỏ rừng xưa. Ngay cả dân thành phố cũng đều từ nơi khác đến. Rồi một hôm giáo sư được nhà trường mời đến nói chuyện về các nước khác tại hội trường. Tan buổi nói chuyện, giáo sư cùng thầy hiệu trưởng và các thầy cô khác đi ra sân chơi về hướng rừng của Ke-niu. Bỗng nhiên, giáo sư trẻ ngạc nhiên dừng lại và sửa đi sửa lại kính đeo như không tin vào điều mình nhìn thấy. Rồi ông nói, gần như với chính mình:

- Trời ơi, chỗ này hoàn toàn vẫn như trước kia. Ngay cả các cây bây giờ vẫn vậy. Có chăng thì chúng có vẻ nhỏ hơn một tí. Trẻ con vẫn chơi ở đây. Trời ơi, mình vẫn thấy mình như trước kia và các bạn mình đang chơi ở đây.

Thình lình ông mỉm cười như chợt nhớ lại mình đang ở đâu. Ông nói với thầy hiệu trưởng:

- Chỗ này bây giờ là một phần sân chơi của trường à?

- Không, đất của nhà bên kia đấy, nhưng họ để cho học sinh chơi tùy thích. Thực tế, thì nó cũng trở thành một cái sân chơi phụ của nhà trường, mặc dù nó không phải của chúng tôi.

- Thật là tuyệt vời, tôi đang tự hỏi sao lại có thể như thế?

- Từ khi ở đây bắt đầu xây dựng, mọi người đều khuyên họ bán đi. Nhưng một ông lão nói, đó là vật kỷ niệm duy nhất của Ke-niu nên bán đi thì ông rất khổ tâm.

- Đúng vậy, tôi nhớ ra rồi. Chúng tôi thường cho rằng Ke-niu muốn hơn người một chút. Anh ấy thường hay cười ha hả. Hàng ngày anh ấy thường đứng đây xem bọn trẻ con chúng tôi chơi. Người ta nói chính anh ấy đã trồng tất cả các cây này. Chà, chà biết ai là khôn, biết ai là dại? Chỉ có thể nói một điều: số phận tác động nhiều cách nhiều kiểu tuyệt vời. Nơi này sẽ mãi mãi là một công viên đẹp cho trẻ em chơi. Các bạn nghĩ thế nào nếu chúng ta gọi đây là "Rừng Ke-niu" và giữ tên nó mãi?

- Ô, đó là một ý kiến tuyệt diệu. Trẻ em sẽ vui thích biết bao.

Và việc đó đã được thực hiện. ở ngay giữa bãi cỏ phía trước rừng của trẻ em, người ta dựng một cái bia đá màu ô-liu với hàng chữ khắc "Rừng Ke-niu". Rất nhiều thư từ, tiền nong do các luật sư, sĩ quan quân đội và những nông dân nhỏ ở những nước bên kia biển - những người đã từng học ở đây gửi tới tấp về trường. Gia đình Ke-niu khóc vì sung sướng.

Ai có thể nói, bao nhiêu nghìn người đã được hạnh phúc thực sự nhờ những cây tuyết tùng với các cành xanh thẫm đẹp lộng lẫy, mùi thơm tươi mát, bóng mát mùa hè, bãi cỏ màu ánh trắng của rừng Ke-niu. Và khi trời mưa, từ trên cây các giọt to, lạnh và trong suốt như pha lê tí tách rơi xuống bãi cỏ. Và khi nắng lên, có thể hít thở không khí trong lành, y như người ta đã từng làm khi Ke-niu còn sống.

TRIỀU TIÊN

DUỐI CHIM SẼ

Oyong-su

Cái buổi ấy cách đây đã lâu tưởng như đã hoàn toàn bị quên lãng. Vậy mà nó vẫn còn đọng lại ở đâu đó thật sâu trong ký ức để rồi một ngày nọ bỗng được gọi lên với ý nghĩa sâu sắc như thể hạt giống bị chôn vùi dưới đất bỗng trồi lên đón không khí mùa xuân sau bao lâu chờ đợi. Cậu bé Ung-a mến cô giúp việc hơn cả. Tên cô là Son-i, tính tình dịu dàng, âu yếm. Cậu bé mến cả cha và mẹ là những người lúc nào cũng bận rộn công việc đồng áng, cậu mến cả bà, vì bà lúc nào cũng dệt vải và kéo sợi. Son-i thường cạo những hạt đậu cháy bám ở đáy chảo đưa cho cậu bé. Hoặc khi đun bếp tùy theo mùa Son-i có thể nướng cho cậu một củ khoai tây, khoai lang hay bắp ngô.

Cậu bé không nhớ chắc rằng chuyện đó xảy ra bao giờ, nhưng có một lần cậu ngủ mê, tưởng đã ngồi vào bô đi giải rồi, vậy mà khi tỉnh dậy cậu lại thấy quần áo bị ướt sũng. Mẹ cậu đánh cậu lần mỏng đấy, rồi còn bắt cậu đội quạt đi sang hàng xóm xin muối cốt để mọi người biết rằng cậu đái dầm. Nhưng Son-i đã lên cho cậu đứng đằng sau vại dưa to, rồi đến khi quần áo được hong lửa khô, lại giúp cậu mặc vào. Một lần khác ngay sau mùa mưa, Ung-a đã đánh mất chiếc giày cao su trong lúc chơi ở suối. Cha cậu lúc ấy đang cào một đống phân ở gần đấy đã quát cậu, bắt phải lên bờ rồi bảo rằng cậu sẽ phải nhịn cơm tối. Còn mẹ cậu thì từ trong bếp chạy ra tay vung cao cái chổi rom. Ung-a chạy lại nấp đằng sau váy của Son-i. Son-i che cho cậu tránh cái chổi và thế là cô lại bị quát mấy cái thật đau. Son-i đi đâu cũng thường cho Ung-a đi theo. Nhưng cậu bé nhận thấy rằng Son-i không muốn cho cậu đi theo mỗi khi cô mới gội đầu, hay mặc váy áo mới. Khi nào cả hai đi ra khỏi nhà là thế nào Son-i cũng công Ung-a mặc cho mọi người cười vì thấy một thằng bé lớn thế mà vẫn còn phải công. Son-i thường cho Ung-a đi theo, khi cô ra suối giặt quần áo. Mùa hè cô

cho Ung-a ngồi lên chiếc bàn giặt bằng đá rồi lấy khăn tắm nhẹ nhàng cọ cổ lưng và bẹn cho cậu. Cậu cưỡng lại vì buồn cười, nhưng Son-i vẫn cứ kỳ cọ cho Ung-a thật lâu, thật lâu. Son-i thường giấu kem xoa mặt và phấn trong cỏ khô ở sau vườn mà ngoài Ung-a ra thì không ai biết cô đã làm việc đó từ bao giờ. Mỗi khi Son-i chạy việc vặt hay đi xem hát, cô thường ẩn sau đồng cỏ khô xoa kem lên mặt rồi đánh phấn. Ung-a đứng gác, hề thấy có người đến thì cáo cho cô biết. Một ngày nọ sau tết trung thu, Son-i cho Ung-a đi đuổi chim sẻ ở cánh đồng lúa. ở những nơi đó thường có nhiều đàn chim sẻ thật lớn bay đến, nếu không đuổi chúng đi, thì chúng sẽ ăn hết lúa.

- Ung-a, em quý ai nhất?

Son-i hỏi ngay khi cả hai đi len vào giữa đám đậu tương trông hai bên bờ ruộng ngoằn ngoèo.

- Em quý chị Son-i nhất.

Son-i cười và cúi xuống cồng cậu bé. Cô nói:

- Nếu em có của thì em sẽ cho ai nhiều nhất đây?

- Em cho chị Son-i, cho chị Son-i!

- Và chị cũng yêu quý Ung-a hơn bất kỳ một người nào.

Son-i nói và ghì chặt cậu bé vào lưng. Lúc đó mới quá trưa, trên cánh đồng kê không có nhiều chim sẻ. Trời nóng đến mức bất thành linh có thể làm cho hạt lúa nứt vỏ. Son-i có vẻ không chú ý đến việc đuổi chim sẻ. Trong khi đó cô lại đem theo đôi bít tất nhét ở dưới váy. Kem xoa mặt và phấn cô để cả bên trong đôi bít tất ấy. Son-i rửa mặt bằng nước ruộng, rồi xoa kem, đánh phấn. Sau khi cho lại tất cả vào tất, cô lại cho Ung-a bám vào lưng và nói rằng hai chị em phải đi xem đậu tương và lúa sớm đã chín chưa. Mảnh đất trồng rau của gia đình họ ở ngay cạnh cái dốc gần đó. Ngô gieo rải rác giữa các luống đậu tương. Son-i hình như mệt, thở hổn hển vì trèo dốc. Tuy vậy cô vẫn trèo nhanh và chốc chốc lại xóc cậu bé nhô cao trên lưng và giữ cậu thật chắc. Mồ hôi chảy dọc theo tai xuống mặt trôi sạch phấn. Họ chưa kịp nhận ra, thì bất ngờ đã thấy anh trai của Y-on-ki đứng chờ Son-i.

- Có nhiều chim sẻ không?

Anh trai của Y-on-ki hỏi rồi cuốn thuốc lá, châm lửa.

- Anh học hút thuốc lá khi nào vậy?

Son-i hỏi. Đôi mắt cô mở to ngạc nhiên. Anh trai của Y-on-ki không trả lời ngay, chỉ toét miệng cười, vẫn tiếp tục phả khói.

- Tôi hút thuốc thì có làm sao? Cô nghĩ rằng tôi còn là trẻ con ư?

- Và nếu anh không còn là trẻ con thì sao?

"Phù", anh ta vút mẩu thuốc lá và nhấc Ung-a khỏi lưng cô gái, đặt ngồi xuống chiếc thang ba chân để ở đầu luống đậu tương. Anh ta bắt đầu làm một chiếc kính bằng bẹ ngô và một mẩu dây thép cũ. Trong khi đó Son-i bắt châu chấu xâu vào dây. Son-i đưa cho Ung-a dây châu chấu rồi đi ra mảnh ruộng kê bảo rằng sẽ tìm xem có bắp ngô non nào không để lấy về cho Ung-a nhấm nháp. Anh trai của Y-on-ki đeo kính bẹ ngô cho Ung-a, buộc dây ra đằng sau tai rồi quay trở lại đi theo Son-i. Ung-a ngồi trên chiếc thang, mắt đeo kính bẹ ngô, tay cầm dây châu chấu không làm gì khác ngoài việc kiên nhẫn chờ đợi Son-i đem bắp ngô non trở về. Nhưng mãi không thấy Son-i trở về. Một con ruồi cứ quay tròn trên đầu Ung-a, và cậu bé thấy đói cồn cào, khi nghĩ đến vị thơm ngon của ngô non, cậu gọi:

- Chị Son-i ơi!

Không có tiếng đáp lại.

- Chị Son-i! Son-i!

Cậu bé vẫn gọi: trong tiếng kêu có lẫn tiếng nức nở. Lát sau cậu lại bắt đầu gọi dồn dập. Kêu gào một lúc cậu bé nhớ đến chiếc kính, cậu sờ xem chiếc kính có còn ở trên mũi không. Lũ châu chấu thì giãy giụa và leo lên chậm chạp; thỉnh thoảng cậu lại phải kéo cái lũ châu chấu ấy xuống trong khi vẫn tí tỉ khóc vì cô quạnh. Mây đen trôi chậm chạp trên bầu trời. Những con én chao đi chao lại trong mây cứ như những vật sấm đang bay. Cậu bé thấy một đám mây giống hình con ngựa. Càng nhìn càng thấy giống. Cậu nghĩ thật tuyệt vời biết chừng nào nếu như cậu có thể bay được trong mây. Cậu lại bỗng nhớ đến chiếc kính và lại sờ tay lên mắt tìm một lần nữa. Và một lần nữa cậu lại gào lên:

- Chị Son-i ơi!

Có con dế gáy trong bụi cây bên cạnh. Cậu bé tưởng rằng con dế nhại mình. Cậu lại càng gào lên to hơn:

- Chị Son-i ơi!

“Chị Son-i ơi!” - Con đế như nhại lại.

Ung-a bực tức con đế. Cậu quát lên:

“Mày chỉ là một con rệp con chết tiệt!” Cậu đứng lên, bước ra khỏi chiếc thang và đi đến chỗ bụi rậm mà cậu cho rằng tiếng con đế ở đó phát ra. Cậu bé đi rón rén, nhìn đi nhìn lại nhưng không thấy con đế đâu. Sau đó cậu bắt đầu tìm kỹ hơn, xem xét kỹ từng bụi cây, từng ngọn cỏ. à nó đang lén bò quanh một cây cỏ, trông to hơn con cào cào, bụng phệ và, cái đuôi như sừng. Đây đúng là một con đế rồi. Ung-a khum khum lòng bàn tay và bằng một cử chỉ thật nhanh, con đế đã nằm gọn trong lòng bàn tay cậu bé. Con đế đá lung tung một cách tuyệt vọng làm đau tay cậu bé. Cẩn thận, Ung-a hé một ngón tay, rồi một ngón nữa để nhìn con đế cho rõ. Bất thành linh con đế cắn ngón tay cậu. Ung-a kinh ngạc xòe tay ra, con đế biến mất với một tiếng búng nhẹ. Ung-a nhìn xuống tay mình và thấy lòng bàn tay mình dính một giọt nước dãi đen như mực, và hai vết đỏ ở đầu ngón tay như kim châm. Nhìn thấy vết đỏ trên tay, Ung-a ngồi ngay xuống thang và gào lên. Càng nhìn càng thấy đau. Cậu bé gào khóc, nước mắt tràn trề, nhìn ngón tay đau và hể cứ nhìn đến ngón tay đau là cậu bé lại gào lên gấp đôi một cách vô vọng. Thế rồi cậu lại sờ xem chiếc kính có còn ở chỗ cũ không và tiếp tục đẩy lũ châu chấu xuống dây. Một con diều hâu bay phía trên đầu, lượn vòng hai lần trên cánh đồng kê. Những bông kê bắt đầu lay động rồi rập rờn về phía cậu bé.

- Ung-a thân yêu!

Son-i cuối cùng đã trở về với cậu. Cặp má cô đỏ hồng và lúc này cậu bé cảm thấy cô thật xinh đẹp. Đôi mắt cô mượt mà, mềm mại.

- Có chuyện gì vậy Ung-a? Sao em khóc?

Ung-a quệt nước mắt và giơ ngón tay lên cho cô xem.

- Sao vậy?

- Con đế nó cắn em.

Son-i thổi làn hơi ấm áp vào vết đỏ và quay lưng lại cho Ung-a bám vào. Cô bảo ngô chưa sậm hạt cho nên cô không bẻ về bắp nào cho Ung-a nhấm nháp cả. Rồi bỏ ý định đuổi chim sẻ, cô bắt đầu đi đường tắt về nhà.

- Em quý ai nhất hả Ung-a? - Son-i ngoái cổ lại hỏi.

- Chị Son-i, em quý chị Son-i nhất.

Cô gái công Ung-a chăt hơn:

- Và chiều nay em ở đâu?

- Em đi ra đồng đuổi chim sẻ.

- Với ai?

- Với chị Son-i và anh của anh Y-on-ki.

Son-i dừng lại.

- Không, em không được nói như vậy. Em chỉ đi cùng với một mình chị Son-i thôi. Có đúng thế không?

- Nhưng anh Y-on-ki cũng ở đó.

- Không, không. Em phải ghét anh của Y-on-ki. Em đã không đi cùng với anh ta, bởi vì em ghét anh ta. Có phải thế không?

- Nhưng chẳng phải là anh ấy cho em chiếc kính hay sao?

- Không, em phải ghét anh ấy. Chị ghét anh ấy. Em cũng ghét anh ấy, có phải thế không? Cậu bé vẫn im lặng.

- Anh của Y-on-ki không có ở đó phải không? Cậu bé vẫn im lặng. Son-i đặt cậu bé xuống mặt đường giữa hai ruộng lúa.

- Vậy thì chị không công em nữa đâu. Từ nay trở đi chị không cho em một cái gì nữa, - cô nhìn Ung-a giận dữ nói. Cô nhắc chiếc kính khỏi mũi cậu rồi xé thành từng mảnh. Ung-a không hiểu tại sao Son-i lại xử tệ với cậu như vậy và cậu thấy buồn. Cậu rơm rớm nước mắt cảm thấy bơ vơ, không hiểu tại sao Son-i lại giận dữ đến thế. Son-i quay đi, bước về phía nhà mặc cho cậu bé đi theo. Nhiều lúc cô ngoảnh lại giận dữ nhìn cậu bé.

Họ đi im lặng. Bỗng dưng cô gái im lặng quỳ xuống lấy mềp váy lau nước mắt cho cậu bé. Rồi cô lại chia lưng cho Ung-a. Ngay khi Ung-a vừa bám vào lưng Son-i, thì cô lại bảo:

- Em ghét anh Y-on-ki có phải không?

- Phải.

- Em ghét anh ta. Anh ta không đi cùng với chị em mình hôm nay, có phải không?

- Phải.

- Em chỉ đi ra cánh đồng với chị Son-i thôi, có phải không?

- Phải, phải.
- Chị quý Ung-a hơn tất cả.
- Em cũng quý chị Son-i nhất. Nói xong em nhặt vài ngọn cỏ khô bám vào tóc Son-i. Tối hôm đó lúc đi ngủ Ung-a vẫn cứ nghĩ mãi về chiếc kính bẹ ngô, thấy hơi là lạ về chiếc thang ba chân của anh trai Y-on-ki đã để sẵn ở ruộng kê. Dù sao thì sáng ngày hôm sau cậu bé cũng quên hết mọi chuyện và nhiều năm nữa cậu bé mới nhớ lại chuyện này.

MALAYSIA

CHIẾC BÚT CHÌ ĐỎ

Ali Majid

Hết giờ ra chơi, thầy Gia-man đi đến lớp học. Học sinh thấy thầy đến, vội chạy về chỗ và ngồi im. Lớp hoàn toàn yên lặng. Thầy đứng ở cửa. Thấy tất cả đã trật tự, thầy từ từ bước vào lớp. Bước chân thầy vang lên trong im lặng. Bọn trẻ cứ luôn luôn nhìn trộm đôi giày đen bóng của thầy.

- Các bạn đứng! Nghiêm!

Trưởng lớp hô. Tất cả đứng dậy. Em thì đứng chệch sang một bên, em thì ngả về phía trước, em thì đứng một chân, có một số thì nửa đứng nửa ngồi, trong khi một số khác vẫn còn nhai nốt miếng bánh ăn dở.

- Chúc thầy mọi sự tốt lành!

Ba mươi lăm học trò đồng thanh hô vang như sấm.

- Tôi cũng chúc các em như vậy. Các em hãy ngồi xuống! Lấy sách địa ra!

Lớp học rất nóng. Đông trẻ trong một căn phòng nhỏ như thế lại càng làm lớp nóng hơn. Thầy Gia-man đi về chỗ của mình, lau mồ hôi trên mặt và ngồi xuống. Thấy thầy đã ngồi, trưởng lớp lên chỗ thầy và nói:

- Thưa thầy, giờ ra chơi ban nãy có mấy bạn đánh nhau.

- Ai vậy? Học sinh lớp nào thế?

Thầy Gia-man lo lắng hỏi. Hôm đó là thứ tư - ngày trực trường của thầy Gia-man. Thầy chịu trách nhiệm về tất cả các việc xảy ra hôm ấy.

- Thưa thầy, ở lớp ta ạ - trưởng lớp trả lời.

- Ai đấy?

- Da-hít và Đâu-la ạ!

Tất cả học sinh trong lớp quay lại nhìn Da-hít và Đâu-la. Rồi chúng lại nhìn thầy Gia-man. Từ góc lớp bật lên tiếng khóc nức nở. Các học sinh quay lại phía đó và thấy Đâu-la đang khóc.

- Da-hít! Đâu-la! Lên đây!

Thầy giáo ra lệnh một cách hăm dọa. Học sinh có thể nhận thấy bất cứ một thay đổi nào trong giọng nói của thầy và hiểu rõ ý nghĩa của nó. Hai em học sinh phạm lỗi bước lên. Chúng sợ hãi và bối rối. Đâu-la bước đằng sau Da-hít và lại càng khóc nhiều hơn nữa.

- Tại sao các em đánh nhau?

Không một ai trả lời. Chỉ nghe tiếng nức nở của Đâu-la. Các em khác chăm chú theo dõi và im lặng.

- Tại sao các em đánh nhau?

Thầy hỏi lại.

- Thưa thầy, bạn Đâu-la ăn cắp bút chì của em ạ!

Da-hít mách.

- Thưa thầy không phải, bạn ấy nhận bút chì của em là của bạn ấy.

- Đâu-la xen vào.

- Thế cái bút thực là của ai?

- Thưa thầy, của em ạ.

Da-hít vội đáp lại.

- Thưa thầy của em S

Đâu-la nói ngay sau đó.

- Đâu-la, em về chỗ mang cái bút chì đỏ lên đây!

Thầy Gia-man bảo. Đâu-la đi nhanh về bàn em. Em lục túi, tìm bút rồi lại mang lên. Em đã thôi khóc.

Thầy Gia-man cầm bút nhìn chăm chăm vào cái bút, cố tìm cách phân xử.

- Nào, sao em lại cho rằng cái bút này là của em?

- Thưa thầy, ở bút có vết đánh dấu bằng dao ạ.

Đâu-la nói quả quyết.

- Còn em, Da-hít?
- Ờ, ờ... thưa thầy ở bút có đánh dấu bằng dao ạ.
- Thưa thầy bạn ấy nói dối ạ.
- Thế em khắc chữ gì trên bút hả Da-hít?
- Ờ, ờ... Em lác đầu.
- Thế còn em, Đâu-la?
- Thưa thầy chữ Đ. Chữ đầu tiên của tên em ạ.
- Đúng, vậy thì bút chì này là của Đâu-la. Da-hít mắc ba lỗi: ăn cắp, nói dối và đánh nhau. Tội của em phải phạt ba roi.

Da-hít bị thầy đánh ba roi. Mặt em đỏ bừng và em trợn tròn mắt nhìn thầy. Rồi em quay về chỗ của mình. Em có vẻ rất buồn và nước mắt rùng rùng. Thầy Gia-man tự hào là đã giải quyết tốt vụ đánh nhau. Thầy bắt đầu bài học tiếp theo như thường lệ. Sau khi học sinh đã ngồi làm bài tập, thầy ngồi xuống ghế của mình và nghỉ ngơi. Thầy tranh thủ đọc sách. Lúc đầu thầy Gia-man đang mải đọc, Da-hít rón chân đi đến chỗ Đâu-la ngồi. Em nhìn chòng chọc vào đối phương một cách dữ tợn.

- Mà nói láo!
- Ha ha. Thế là mày bị xoi ba roi.
- Mày lấy bút chì của tao. Mày đánh dấu vào rồi bảo là của mày. Láo thật.

Da-hít đâm vào vai Đâu-la. Đâu-la ngã ngửa ra sau ghế. Em la lên và Da-hít nhanh chóng lén về chỗ mình.

- Có chuyện gì vậy?

Thầy Gia-man ngẩng đầu lên. Rồi thầy đặt sách xuống bàn và đi đến chỗ hai em học sinh.

- Thưa thầy, bạn Da-hít đánh em ạ.

Đâu-la mách thầy. Thầy Gia-man gọi Da-hít lên, Da-hít chậm chạp đi lên.

- Em làm gì vậy?
- Bạn ấy lấy bút chì của em và...
- Tôi hỏi, em vừa làm gì xong?

- Không làm gì ạ. Bạn ấy lấy bút chì của em, xong...

- Không, không. Tôi không hỏi em thế. Tôi hỏi em vừa làm gì xong? Em có hiểu không?

Thầy đập vào mũ Da-hít. Bụi bay ra, mũ xụp xuống mắt và mũi em.

- Em vừa đánh Đâu-la phải không?

Da-hít lặng thinh, em nhìn thẳng vào mắt thầy.

- Có hay không?

Thầy Gia-man gần như gầm lên. Da-hít đăm lúng túng. Mặt em nhăn nhó:

- Bạn ấy lấy bút chì của em, xong bạn ấy cạo sơn đi và đánh dấu vào.

- Tôi bảo em là tôi không hỏi chuyện lấy bút chì. Tốt hơn là em hãy nhận lỗi đánh Đâu-la đi!

Chú bé im lặng. Chỉ có mắt là chớp chớp như một con thằn lằn say vôi. Mặt em tỉnh khô.

- Nhận lỗi đi! Đồ ngu!

Nhưng Da-hít vẫn im lặng và đứng chôn chân như một cây cỏ thụ. Thầy quát nhưng em tỏ ra không có phản ứng.

- Đúng rồi. Nhận lỗi đi! Nhận lỗi đi!

Thầy Gia-man véo tai Da-hít. Các học sinh khác đều bỏ sách ngẩng lên xem tấn thảm kịch xảy ra giữa thầy với Da-hít.

- Em đã đánh Đâu-la ạ!

Da-hít nhận. Giọng em yếu ớt. Em cảm thấy như mình bị lừa. Đâu-la mỉm cười đắc thắng.

- Ủ thế có tốt hơn không? Em có làm thế nữa không?

Thầy Gia-man túm chặt và kéo tai Da-hít; Da-hít phải cố bám chân cố giữ thăng bằng. Mặt và tai em đỏ dừ do đau và luống cuống.

- Không ạ.

Em nói lý nhí. Đó là dấu hiệu chứng tỏ em bị thua. Lúc về chỗ, em nhìn Đâu-la trừng trừng. Răng em nghiến lại. Em không thể chịu đựng được lâu hơn. Đôi lúc em như cảm thấy đang bóp cổ

Đâu-la. Da-hít không thể chịu được khi thấy kẻ lấy cắp bút của mình bình an vô sự. Hơn nữa kẻ cắp lại được thầy bênh. Da-hít thích cái bút chì lắm vì nó là kết quả sáng kiến của em. Chiếc bút chì rất đặc biệt, dài gấp đôi những cái bút chì thông thường và màu đỏ của nó rất đẹp. Ở đuôi bút có một cái móc cài bằng nhựa. Cái tẩy chì có thể tháo ra khỏi móc cài nhựa đó và cũng to lớn khác thường.

Mới lần đầu tiên nhìn thấy cái bút treo bán ở cửa hàng, em đã thích ngay. Em muốn có cái bút chì đặc biệt đó. Trên đường về nhà, em cứ tưởng tượng thật tự hào biết bao nhiêu nếu cái bút chì đó là của em.

- Bút này hẳn là viết được hơn một năm. - Em lắm bầm. Mỗi khi thầy Gia-man ra câu hỏi cho cả lớp, Da-hít giơ tay lên thầy không nhìn thấy, em cảm thấy khổ sở vì không thể bộc lộ được khả năng của mình. Song em không trách thầy.

- Mình bé quá, - em tự nhủ, - chẳng ai trông thấy mình cả. Nhưng nếu em có cái bút chì đỏ thì nó có thể giúp em được. Em sẽ giơ cao cái bút chì lên làm thầy giáo phải chú ý. Rồi thầy sẽ gọi em. Ngoài ra, cái tẩy khá to có thể đủ để cho các bạn mượn. Nếu các bạn có mượn cũng không phải suy nghĩ gì. Cái bút sẽ làm cho em tự hào. Nhưng cái bút chì giá bao nhiêu đã? Em chạy lộn lại cửa hàng để xem giá.

- Bác ơi, cái bút chì này bao nhiêu vậy? - Em hỏi người bán hàng.

- Rẻ thôi, chỉ có năm mươi xu.

Da-hít nhún vai. Em chỉ có mỗi mười xu. Nhưng em không hết há vọng, có thể là em có tiền chẵn? Em chạy về nhà và nói với bà là em muốn mua cái bút chì đó.

- Thế cháu chả đã có bút chì rồi sao, Da-hít?

- Có, nhưng ngán quá bà ạ.

- Bút chì ngán thì có sao đâu? Chúng ta đâu phải giàu có gì?

- Thầy giáo cứ hay kêu là bút chì của cháu ngán như lông mũi thầy vậy.

Bà em chỉ còn có mỗi hai đô la. Sắp đến ngày "các bậc cha mẹ" ở trường, và hai đô la phải để dành đến ngày long trọng đó.

- Bà có ý này, Da-hít ạ. Có phải ngày kia là ngày nghỉ không nhỉ?

- Vâng, thưa bà. Cháu sẽ không phải đến trường.

- Cháu hãy theo bác cháu đi rạch mũ cao su ở đồn điền. Cháu có thể vét mũ cao su được đấy.

Da-hít đồng ý. Em đã kiếm được năm mươi xu, và em sẽ cố mua cả một cái thước nữa. Cái thước cũ của em bị xơ ra cứ như lưỡi cưa ấy. Cuối cùng thì cái bút chì đã thuộc về em. Thời gian đầu cầm nó, em run run vì sung sướng. Em mỉm cười và tưởng như đang kể với mọi người về cái bút khác thường của mình. ở trường em tự hào cho các bạn xem cái bút chì.

Một số bạn chia sẻ niềm vui với em, trong khi một số khác không khỏi có chút ghen tỵ. Mấy ngày sau thì cái bút chì biến mất. Da-hít rất buồn. Em kể tất cả với các bạn, song chúng cũng chẳng an ủi được em. Và ngay ngày hôm sau em thấy Đâu-la viết bằng cái bút chì dài. Chiều dài của nó đúng bằng chiều dài bút em đã mất. Nhưng bút của Đâu-la nhìn hơi lạ một chút. Màu sơn đỏ đã bị cạo đi.

- Cậu lấy bút này ở đâu ra đấy, Đâu-la?

Da-hít hỏi.

- Bố tớ mua cho tớ hôm qua.

- Thế sao cậu lại cạo sơn của nó đi?

- Sao cậu lại muốn bút tớ như bút cậu được?

- Tớ vừa bị mất bút.

- Tớ cạo sơn đi thì sao? Cậu định bảo tớ ăn cắp chứ gì?

- Đưa tớ xem nào?

- Không, không được.

- Tớ nhìn thấy cái tẩy bị mòn rồi.

- Tớ dùng nó đấy.

- Cậu đã tẩy nhiều thế rồi à?

- Tối hôm qua tớ tẩy nhiều.

- Đây là bút của tớ, tớ nhận ra rồi.

- Không, không phải, bố tớ mua cho tớ.

- Thế mua hết bao nhiêu tiền?
- Làm sao mà tớ biết được.
- Bố cậu phải bảo cậu chứ!
- Tớ không biết.
- Nếu bố cậu mua thật, thì thế nào cậu cũng phải hỏi giá của nó rồi.

- Thôi đủ rồi.

Đâu-la cố dứt ra, nhưng Da-hít giữ em lại.

- Còn điều này nữa, nếu bố cậu mới mua nó tối hôm qua, sao nó lại ngắn vậy?

Đâu-la không trả lời. Em muốn chạy. Nhưng Da-hít giữ chặt lấy vai em.

- Mà ăn cắp bút chì của tao.

Da-hít quát lên.

- Không phải.

- Đúng. Đây là bút của tao.

Da-hít định chộp lấy cái bút. Đâu-la đấm em và em ngã xuống đất. Da-hít vùng đứng dậy và chúng bắt đầu đánh nhau. Các em khác vây xung quanh hò hét và cổ động hai địch thủ. Da-hít bị thua vì bé hơn Đâu-la! Bây giờ em lại bị thua ở lớp và thầy Gia-man tin Đâu-la và phạt Da-hít. Chuông cáo tan học vang lên. Da-hít chạy ra khỏi lớp. Thầy Gia-man cố gọi em quay lại, nhưng em chẳng chú ý. Khi đến cửa, em lấy hết sức đạp cửa thật mạnh. Thầy Gia-man hét gọi em lần nữa. Da-hít vẫn lơ thầy. Em vướng chân đá phải chậu hoa ở chân tường. Chậu vỡ, em chạy biến đi như một chú ngựa hoang. Em dừng lại ở một ngã tư. Ngoái nhìn bên phải, bên trái xong, em chui vào một lùm cây gần đó và đợi Đâu-la. Cuối cùng Đâu-la đi đến gần và Da-hít nhảy xổ từ chỗ nấp ra như một con hổ đói. Đâu-la ngã xuống, Da-hít đấm vào cằm và bụng em. Các bạn cố kéo hai em ra nhưng không được. Da-hít ra sức đánh bạn. Em bị thâm tím mặt mày và bị chảy máu. Nhưng em đã thắng, Da-hít mở túi Đâu-la ra, lục tìm cái bút chì, bẻ thành nhiều mẩu rồi tung các mẩu đó xuống sông. Sau đó em chạy về nhà. Về đến nhà, em đi tìm bà. Nhìn thấy bà, em ôm chặt lấy bà và rúc đầu vào vạt áo của bà. Rồi em khóc cho hả lòng. Đêm đó

Da-hít bị ốm. Trong lúc mê ngủ, em nhiều lần khóc thét lên về chuyện bút chì. Bà em chăm sóc em suốt đêm. Em sốt ba ngày liền. Em bị sút cân và trông càng quắt đi. Khi đã bình phục, em lại đi học. Nhưng bây giờ em không hiền lành như trước đây. Em thay đổi hẳn. Cứ khoảng năm phút lại nghe tiếng học sinh thầy Gia-man mách:

- Thưa thầy, nhìn bạn Da-hít kìa. Bạn ấy trêu em ạ.
- Thưa thầy, Da-hít kéo tóc em ạ.
- Thưa thầy, Da-hít vấy mực vào mũi em ạ.
- Thưa thầy, Da-hít đánh em ạ.

Lúc nào cũng là Da-hít.

- Da-hít! Về chỗ em đi!

Thầy Gia-man ra lệnh. Thầy Gia-man không thể chịu được những rắc rối mà Da-hít gây nên. Khi thầy không chịu được nữa, thầy đuổi Da-hít ra khỏi lớp.

- Bây giờ em thành quý sứ à?

Da-hít chỉ nhiu lông mày. Em nhìn qua đầu thầy như không có gì xảy ra. Thậm chí em có vẻ khoái chí.

- Nếu em không có sách vở và bút chì thì em có thể về nhà ngay được đấy! Ở đây em chỉ là đồ quý sứ.

Thật là một tai họa. Lời sỉ nhục của thầy không có hiệu quả gì đối với em. Mặt Da-hít lì lì và không tỏ ra xúc động gì cả. Thỉnh thoảng em nhìn chằm chằm thẳng vào mắt thầy như thách thức.

- Đứng đấy cho đến lúc tan học!

Thầy Gia-man ra lệnh. Da-hít đứng ở góc lớp. Nhưng lòng em có vẻ khoan khoái, nụ cười nở trên môi em. Điều này càng làm thầy Gia-man thêm tức. Một hôm, Đâu-la đợi em trên đường về nhà. May thay, Da-hít đã có một cái gậy trong tay.

- Đứng đến gần tao, Đâu-la. Tao sẽ đánh đấy!

Da-hít vung gậy vào mặt Đâu-la. Đâu-la không dám đến gần. Nhưng Đâu-la không hết hi vọng. Em cũng đi tìm một cái gậy. Thấy Đâu-la sắp tìm được gậy, Da-hít ba chân bốn cẳng chạy về nhà. Tối hôm đó, em hỏi xin bà cô ít tiền. Em nói em muốn mua quyển sách. Nhưng khi đến hiệu sách, em nhìn thấy cái bút chì đỏ

và bỗng cảm thấy buồn. Sau đó em quyết định không cần sách nữa. Em nhìn thấy con dao díp trong quây và lấy tiền sách mua dao. Dao có thể bảo vệ cho em khỏi bị Đâu-la đe dọa. Và nhờ đó em có thể làm được nhiều việc khác. Em mài dao cẩn thận. Từ hôm đó, em đến trường chẳng chú ý gì đến học hành cả. Em thích phá rối các bạn khác và không cho chúng học. Em đổ dầu vào bể cá trong góc khoa học. Em nhổ các cây đậu và cây dương xỉ lên. Em phá các tiêu bản côn trùng. Bây giờ em thấy mình được tự do và thỏa mãn. Em luôn bị phạt vì tội quấy rối. Da-hít dửng dưng cảm nhận tất cả mọi hình thức phạt. Đôi khi sự dửng dưng của Da-hít làm thầy Gia-man không tin cả ở chính mình. Dường như các lần phạt đều vô hiệu. Mỗi khi bị phạt, em lại lần con dao ở trong túi. Dường như con dao đã cho em sức mạnh. Sau những lần bị phạt trở về chỗ của mình, em tỏ ra thách thức bằng cách đâm dao vào bàn. Con dao dựng đứng và rung lên bần bật. Da-hít tưởng tượng là dao đang đâm vào ngực thầy Gia-man. Em mỉm cười. Thầy Gia-man đã nhìn thấy điều Da-hít làm nhưng lờ đi nhìn sang chỗ khác.

Một hôm Da-hít dùng dao làm Đâu-la bị thương. Đây là một trường hợp nghiêm trọng nên Da-hít và Đâu-la bị đưa đến gặp thầy hiệu trưởng. Thầy Gia-man đề nghị đưa Da-hít đến trường cải tạo. Đâu-la được phép về lớp nhưng Da-hít bị giữ lại để nói chuyện với thầy hiệu trưởng. Thầy hiệu trưởng nhìn Da-hít rất lâu. Những điều thầy Gia-man cáo cáo hiện ra trong đầu thầy hiệu trưởng. Thằng bé đã đập cửa, làm vỡ chậu hoa, đánh nhau, quấy rối các bạn khác, không chịu học hành gì cả và bây giờ thì dùng dao đâm Đâu-la bị thương. Nhưng có điều đáng suy nghĩ là trước đây, mọi người đều biết Da-hít là một học sinh hiền lành và lễ độ. Thầy hiệu trưởng đặng hắng. Thầy cố tìm những lời thích hợp để bắt đầu câu chuyện với Da-hít. Thầy giả vờ tìm dao để gọt bút chì của thầy.

- Em có dao không hả Da-hít?

Thầy mỉm cười hỏi. Da-hít lắc đầu.

- Nếu em có, làm ơn cho thầy mượn với. Bút chì của thầy bị cùn.

Da-hít không biết làm thế nào. Em sợ thầy hiệu trưởng. Dường như bị bắt buộc phải làm, em cho tay vào túi lấy dao ra. Em đưa dao cho thầy và thầy mỉm cười cầm lấy.

- Dao của em rất sắc, phải không Da-hít?

Da-hít gật đầu.

- Sao em lại cần phải có dao sắc như vậy?

- Ồ, Đâu-la...

Em lắc đầu.

- Em giận Đâu-la phải không?

- Vâng ạ.

- Em sợ bạn ấy à?

- Vâng ạ.

- Thế Đâu-la đã làm gì em vậy?

- Bạn ấy ăn cắp bút chì của em xong rồi...

Da-hít bị xúc động. Rồi em khóc. Em nhớ tới cái bút chì mà em thích biết bao đã bị Đâu-la ăn cắp. Em nhớ em đã lấy tay bẻ nó như thế nào. Thầy hiệu trưởng nói dịu dàng như chính bà của Da-hít. Bà em tốt bụng, chắc thầy cũng tốt như vậy. Những ý nghĩ này làm em khóc nức nở hơn.

- Da-hít! Thầy sẽ xem lại việc này. Nếu Đâu-la sai, em muốn làm gì bạn.

- Thưa thầy em không muốn gì ạ. Em chỉ muốn thầy Gia-man hiểu cái bút đó là của em, không phải của Đâu-la ạ.

Em trả lời trong tiếng nức.

- Được thôi. Bây giờ em có thể về lớp.

Sau khi Da-hít đi ra, thầy hiệu trưởng đến gặp thầy Gia-man. Rồi cả Da-hít và Đâu-la bị đưa đến gặp thầy hiệu trưởng để thầy hỏi lại cận kẽ. Cuối cùng Đâu-la nhận hết mọi chuyện về việc lấy cắp bút chì. Thầy hiệu trưởng khẽ nói với thầy Gia-man:

- Anh đánh em ấy là đánh oan. Và tôi cho rằng cái đó khiến em nghĩ tới cha mình. Có lẽ anh không biết: bố Da-hít là một người hung dữ. Có thể Da-hít thấy ở trong anh người bố mà em ghét.

Rồi thầy quay về phía Da-hít nói:

- Chúng tôi lấy làm tiếc vì đã không hiểu đúng sự việc xảy ra. Để thầy sẽ mua cho em một cái bút khác giống như cái bút cũ của em.

Sau những lời ấy, thầy Gia-man mỉm cười và gật đầu, Đâu-la có vẻ ngượng ngập. Còn tình cảm Da-hít thì thật khó nói: vui, buồn hay cảm kích. Tất cả những tình cảm đó lẫn lộn trong lòng. Em đã cảm thấy như chiếc bút chì đỏ mới đang nằm trong tay mình rồi.

NEPAL**MAI-A VÀ CON DÊ NHỎ****Ramesh Bikal**

Dưới chân núi Hi-ma-lay-a hùng vĩ có một làng rất nhỏ, chỉ có tám hoặc mười ngôi nhà được bao quanh bằng các bụi rậm và cây xanh. Trong số đó có một ngôi nhà nhỏ. Nhà quét vôi trắng, phần dưới bằng đất sét màu đỏ và lợp rơm vàng. Đó là nhà của cô bé Mai-a. Mai-a rất xinh. Em khoảng mười tuổi. Em ở với bố mẹ và hai con vật yêu quý của em là Khai-ơ, một con chó nâu và Tin-can, một con dê đen nhỏ hiếu động. Tên dê là Tin-can vì nó có những đốm trắng ở tai, Tin-can, có nghĩa là những đốm trắng. Nhưng Mai-a lại thường gọi nó là Mu-nơ và Mu-nơ có nghĩa là con dê nhỏ. Mu-nơ là một con dê rất tinh nghịch và láu lỉnh, Mai-a muốn nó phải thật hiền, nhưng ít khi nó chịu vâng lời em.

Nó cứ hay bị lạc và Mai-a không thích thế. Vì vậy em làm một cái chuồng nhỏ để có thể nhốt Mu-nơ lúc em vắng nhà. Mai-a sợ rằng một ngày nào đó, tính tinh nghịch của con dê sẽ có thể gây nguy hiểm cho nó thực sự. Em lo lắng vì con chó rừng gian ác đã ăn thịt một con dê khác trong làng cách đây một tuần. Bây giờ thì nó lại đợi dịp để bắt con dê của Mai-a. Mai-a giữ gìn con Mu-nơ rất cẩn thận để chó dữ không ăn thịt được nó. Nhưng con dê tinh nghịch lại chẳng để ý một tý nào đến sự săn sóc của Mai-a. Hễ Mai-a vừa đi khuất là nó lại ra khỏi chuồng ngay. Rồi nó lang thang khắp làng quấy rối. Nó tung tăng đây đó, nhảy nhót từ mô đất này sang mô đất khác. Thỉnh thoảng nó còn nhảy ra khỏi làng để gặm cỏ. Mu-nơ thích thú được chạy ra khỏi làng. Vâng lời cô chủ tốt bụng, con chó Khai-ơ cố giữ Mu-nơ và bắt nó ở nhà, nhưng nó cũng chẳng thèm để ý. Khai-ơ đáng thương chỉ còn biết đứng nhìn con dê con nhảy nhót. Khi Mai-a đi học về em thường thấy Mu-nơ đã bị mắc một chuyện lòi thoi gì đó. Thỉnh thoảng, khi thấy dê con sống chuồng thì em lo lắng và đi tìm nó, vừa đi vừa gọi:

- Mu-nơ, Mu-nơ. Có cái cho mà ăn đây này.

Còn Khai-ơ đáng thương thì vẫy đuôi lẻo đẻo sau Mai-a. Đôi mắt nó ra chiều biết lỗi vì nó nghĩ rằng nó phải chịu trách nhiệm. Mặc dầu dê con gây ra những chuyện rắc rối, Mai-a vẫn yêu nó với cả tấm lòng của mình. Mu-nơ và Khai-ơ là những vật duy nhất Mai-a có thể gọi là của em và em tự hào về chúng. Vì vậy, việc chăm sóc chúng đối với em rất quan trọng. Em được bố mẹ cho con Mu-nơ trong một trường hợp đặc biệt. Em rất yêu nó và có thể tha thứ cho nó bất cứ tội gì. Khi tan học về, Mai-a thường nhớ đem cho con Mu-nơ ít rau xanh, mặc dù chưa chắc em đã tìm thấy nó trong chuồng của nó. Nếu thấy Mu-nơ trong chuồng là em rất mừng. Mu-nơ nhảy căng đón Mai-a. Mai-a bế con dê nhỏ lên ôm nó và cho nó một thứ gì đó ngon để ăn. Nếu không thấy Mu-nơ, Mai-a thoáng buồn và bắt đầu lo lắng hỏi Khai-ơ.

- Hãy nói cho chị đi, Khai-ơ, có chuyện gì đã xảy ra với con dê nhỏ?

Nhưng Khai-ơ đáng thương biết trả lời em thế nào? Cái mà nó có thể làm được là sữa và vẫy đuôi. Một hôm, trước khi đi học, Mai-a cho Mu-nơ ăn no, dẫn nó vào chuồng và bảo nó:

- Cô bé tinh nghịch của chị hãy nghe đây. Bây giờ chị cho em vào chuồng và chị đi học. Chiều nay chị sẽ về muộn. Đừng có ra khỏi chuồng, lúc về chị sẽ mang nhiều rau xanh cho mà ăn, nghe chưa? Rồi quay về phía Khai-ơ, em nói:

"Chú sẽ phải chăm sóc Mu-nơ trong khi chị đi vắng. Đừng cho nó ra khỏi đây và quấy rối. Đừng cho nó đi xa nhà. Phải cẩn thận với con chó rừng dữ tợn, vì nó mà bắt được Mu-nơ thì Mu-nơ thực sự là hết đời đấy!" Sau khi dặn dò xong Khai-ơ và Mu-nơ, Mai-a đi học. Nhưng em vừa đi khỏi thì có tiếng động ồn ào là lạ từ phía bên kia làng vọng lại. Nghe thấy tiếng ồn Khai-ơ không tìm được và chạy về phía đó xem có chuyện gì. Nó quên hết mọi điều Mai-a dặn, vừa chạy về phía bên kia làng vừa sữa to lên. Thật là một cơ hội tốt cho con Mu-nơ và nó không muốn bỏ qua. Nó cố xoay sở ra được khỏi chuồng và tung tăng đây đó, nhảy nhót từ mô đất này sang mô đất khác rồi từ ngõ này sang ngõ khác. Và cuối cùng, quá vui mừng vì được tự do, nó chạy thẳng ra khỏi làng. Đúng lúc đó, con chó rừng dữ tợn đã theo dõi Mu-nơ từng bước và đợi cơ hội để bắt nó. Còn dịp nào tốt hơn nữa? Và lại nó đói cồn

cào. Mu-nơ sẽ là một bữa tối ngon lành. Nó nhảy ra khỏi chỗ nấp và đứng chặn trước mặt con dê con ngọc nghéch.

- Nào cô bạn nhỏ, mãi bây giờ tao mới bắt được mày đấy.

Con sói cười thú vị, nói:

- Nếu có thể thì mày cầu nguyện đi!

Bây giờ thì Mu-nơ mới thực sự thấy nguy hiểm, nhưng tại nó chứ còn tại ai? Sự điên rồ của nó đã dẫn nó tới tai họa này. Nó run sợ nghĩ rằng chó rừng có thể ăn thịt nó bất cứ lúc nào. Nó be be xin chó rừng tha cho nó sống:

- Xin ông rủ lòng thương, đừng ăn thịt tôi, ông chó rừng ạ! Tôi chỉ là một con dê nhỏ, không đủ cho ông ăn một bữa no nê.

- Tao thừa biết mày chỉ là một con dê con không đủ cho tao ăn no rồi.

- Con chó rừng xảo quạet nói, - nhưng ăn thịt mày tao càng thích. Thịt dê non thì ngon hơn thịt dê lớn. Tao lại thích thịt mềm.

Mu-nơ van nài mãi để chó rừng rủ lòng thương nó, nhưng vô ích. Sói ngoạm nó vào mõm và chạy vào rừng rậm. Một lúc sau, con chó Khai-ơ trở về nhà, không thấy Mu-nơ đâu cả, việc này khiến nó lo lắng. Ngay lúc đó nó đánh hơi thấy mùi quen thuộc và nó hiểu ngay chuyện gì đã xảy ra với Mu-nơ. Đó chính là mùi của chó rừng xảo quạet.

- Ra vậy, - nó nghĩ, - chó rừng đã bắt Mu-nơ rồi.

Ngay lập tức, Khai-ơ quyết định chạy tìm chó rừng theo mùi hôi. Cách làng khoảng năm trăm thước có một khu rừng rậm nhỏ, Khai-ơ lao vào rừng và thấy con chó rừng cùng Mu-nơ dưới một bụi cây to có quả vàng. Mu-nơ đang run lẩy bẩy khiếp sợ, chó rừng sắp ăn thịt nó. Khai-ơ không thể đứng nhìn cảnh tượng đó và lao vọt vào con chó rừng gian ác, nhưng con thú xảo quạet ranh hơn Khai-ơ, Khai-ơ chưa kịp bắt được nó thì nó đã biến nhanh như chớp vào bụi rậm. Khai-ơ đuổi theo nó một lúc nhưng không bắt được nên quay trở lại chờ Mu-nơ. Nó cố dẫn Mu-nơ về nhà nhưng Mu-nơ đã bị thương vì những răng sắc của con chó rừng nên không bước đi một mình được. Khai-ơ không muốn bỏ bạn trong tình trạng đau đớn như vậy, nó ở lại cạnh Mu-nơ và canh gác một cách chân tình. Buổi chiều, Mai-a về nhà và không thấy cả Mu-nơ lẫn Khai-ơ. Em lo lắng cho chúng và bắt đầu tìm chúng khắp nơi.

Em chạy từ nhà đến trại rồi lại từ trại về nhà nhưng chẳng thấy dấu vết nào của chúng cả. Mai-a gọi:

- Mu-nơ! Em ở đâu? Mu-nơ! Về ăn đi!

Em tìm kiếm chúng hồi lâu, nhưng vô ích, và em càng lo hơn. Em hỏi tất cả mọi người xem có thấy Mu-nơ và Khai-ơ đâu không? Chúng biến đi đâu được nhỉ? Liệu bầu trời có nuốt chúng không? Không, chắc là chúng chỉ ở đâu đây thôi. Mai-a quyết định đi vào rừng tìm chúng. Trời bắt đầu tối em mới đến bìa rừng. Bóng tối đang phủ xuống các cành cây. Những ngọn núi phủ tuyết của dãy Hi-ma-lay-a hùng vĩ được chiếu sáng bằng các tia vàng của mặt trời đang lặn trông như các màu vàng của thiên đình. Lúc đó, gió lạnh chiều đông bắt đầu thổi và Mai-a run lên vì rét. Tuy vậy, không gì cản được bước em. Dưới ánh sáng mờ mờ em nhìn thấy hai vật gì đen đen như hai tảng đá nhỏ. Tim em đập nhanh hơn. Em vội chạy lại và thấy chính là hai con vật yêu quý của em.

- Các em hư thật, sao không nghe lời chị hả?

Mai-a làm ra vẻ tức giận nhưng vẫn ôm chặt con dê nhỏ vào lòng. Thế rồi Mai-a nhận thấy nó bị thương nặng.

- Ôi, em yêu dấu, sao thế này? Em bị thương à? Ai làm vậy?

Em bối rối đến suýt khóc. Em khẽ sờ vết thương. Nỗi đau của con dê dường như là nỗi đau của chính Mai-a. Em nhìn Khai-ơ như muốn hỏi:

- Tại sao vậy Khai-ơ?

Khai-ơ chỉ biết vẫy đuôi và cố tránh cặp mắt của Mai-a. Khai-ơ cảm thấy đó là lỗi tại nó. Mặc dù nằm trong tay Mai-a nhưng Mu-nơ vẫn có vẻ khiếp đảm. Nó kêu to và run sợ. Bây giờ thì Mai-a không cần phải ai giải thích gì nữa. Em hiểu là Mu-nơ đã ra khỏi chuồng và con chó rừng xảo quật gian ác đã được dịp bắt nó.

- Chị hiểu em kêu vì sao rồi, dê con tinh nghịch ạ, - Mai-a nói.

- Em xin chị tha lỗi vì không nghe lời phải không? Được, chị tha thứ cho em lần này. Nhưng nếu em mắc lỗi lần nữa thì lão chó rừng gian ác không để em sống nữa đâu, hiểu không?

- Nào, Khai-ơ, về nhà đi!

Mu-nơ đã bị trừng phạt xứng đáng vì tội không vâng lời rồi. Lần này thì nó được một bài học nhớ đời. Chị cũng mừng là nó không phải trả giá quá đắt. Mặc dù vậy, chị cũng vẫn phải chăm sóc nó nhiều đây. Mai-a nói rồi bắt đầu lên đường về nhà, bế Mu-nơ trên tay, Khai-ơ chạy theo sau.

PAKISTAN

EM SẼ SỐNG MÃI

Mahmud Khawar

Đêm hôm đó, Sa-lem rất khó ngủ. Trong giấc mơ có lúc biến thành ác mộng, một lần nữa em lại phải đương đầu với tai họa cách đây năm năm đã cướp mất cha em. Lúc đó Sa-lem mới sáu tuổi. Sa-lem trần trở trên giường. Những kỷ niệm đau đớn quay về với em. Chúng lẫn lộn cả với những điều mà em được nghe về bệnh dịch gần đây đã giết chết nhiều người trong làng. Em nhớ bố em đột ngột từ doanh trại trở về như thế nào. Bố em có vẻ rất ốm yếu và mệt mỏi. Chẳng bao lâu, bác sĩ bảo bố em sắp chết. Tất cả mọi cố gắng để cứu bố em đều thất bại. Mấy ngày sau thì bố em chết. Mặc dầu nhiều năm đã trôi qua, em vẫn không thể quên được cái đêm kinh khủng ấy. Đêm đã khuya lắm rồi, em vẫn ở bên giường của bố. Khi em đã buồn ngủ díp mắt, mẹ bảo em đi ngủ. Em chỉ nhớ lại lơ mơ những gì xảy ra. Đêm đó tối và lạnh. Bầu trời đầy mây và gió đập vào các cửa sổ. Em đang ngủ say thì có tiếng nói làm em tỉnh dậy. Bố em nói thều thào:

- Đừng khóc mình ạ. Tôi biết là tôi sắp chết. Nhưng tôi không buồn vì điều đó. Tôi chỉ lo cho tương lai của Sa-lem. Nó còn nhỏ quá. Tôi muốn nó được học hành và sau đó vào quân đội. Tôi muốn nó lớn lên thành một thanh niên can đảm và có học. Tai-e-ba, em đừng bao giờ để con làm bất cứ một công việc thấp hèn nào.

Rồi bố em ngừng nói và thở hỗn hển.

Sa-lem không thể nghe câu trả lời của mẹ vì mẹ em khóc thốn thức. Trước khi em nhảy được xuống khỏi giường và chạy lại với bố em thì đã nghe tiếng thét thất thanh của mẹ. Em vội chạy lại và thấy bố em đã chết một cách thanh thản, để lại mẹ con em cho đức A-la chăm sóc. Sa-lem sống ở một thành phố nhỏ miền bắc Pãn-giáp. ở đó có một trường tiểu học có đến năm lớp, một bệnh viện nhà nước và mấy trạm xá tư để coi sóc sức khỏe của nhân

dân. Sa-lem đang học lớp năm. Em nổi tiếng trong trường là ngoan và học giỏi. Phần lớn người trong thành phố làm nghề nông và buôn bán. Họ bình dị và sống với nhau như một gia đình lớn. Khi nào có vấn đề gì đó, họ họp nhau lại ở một nơi trong thành phố và cố gắng tìm cách giải quyết cho ổn thỏa. Một hôm, trên đường từ trường về nhà, Sa-lem nhìn thấy một nhóm người tụ tập dưới một gốc cây to. Họ có vẻ rất buồn rầu và lo lắng.

- Thánh A-la hãy rủ lòng thương chúng con.

Đây là cái chết thứ tư trong ngày. Tất cả đều chết do một bệnh bí hiểm.

- Chắc là sự trừng phạt của A-la.

Một người lắc đầu nói buồn bã.

- Này người anh em ạ, đức A-la thương người và nhân đức. Ngài không bao giờ trừng phạt bất công. Chúng ta sở dĩ bị như thế này là do tội lỗi của chúng ta.

Một ông già ngời gân đó đáp lại và gãi đầu có vẻ nghĩ ngợi. Sa-lem dừng chân lại một lúc nghe họ bàn bạc về bệnh dịch đang hoành hành ở một khu vực trong thành phố khiến nhiều người chết. Cảm ơn Chúa đã cho em sống ở một khu phố cách xa vùng có dịch.

Cảm giác lạ lùng như có bóng ma bao trùm thành phố làm em rùng mình. Em nghĩ đến mẹ đã khóc không biết bao nhiêu khi bố chết, đến nỗi trong vòng một năm mẹ đã bị mù. Từ đó mẹ luôn cần sự chăm sóc và che chở một cách đặc biệt cẩn thận. Mẹ con em phải có tiền, gạo và các phương tiện khác để sống. Những thứ này chỉ có được nhờ một mảnh ruộng của gia đình. Và cũng cần phải làm việc cật lực và chăm sóc ruộng đồng. Mặc dù cha của Sa-lem làm nghề nông, song em còn bé quá và cũng ít kinh nghiệm làm ruộng. Hơn thế nữa em có nỗi khát vọng là theo bước cha nhập ngũ để phục vụ đất nước. Vì vậy, hai mẹ con quyết định cho một bác nông dân trung thực là Ram-dan Ba-ba thuê ruộng nhà mình. Bác ta trông rọt cho mẹ con em và sau mỗi vụ thì họ chia nhau hoa lợi. Như vậy, em nhờ cậy bác Ram-dan Ba-ba đảm bảo cuộc sống cho hai mẹ con sau khi bố chết. Đêm hôm ấy, nửa tỉnh nửa mê, em nghĩ đến lòng tốt của bác nông dân và nhớ lại hồi năm ngoái, lần đầu tiên em đến nhà bác Ram-dan. Bác Ram-dan Ba-ba sống tại một căn nhà nhỏ ở ngoại ô thành phố. Phần lớn mọi người

ở đó đều làm ruộng hoặc lao động chân tay. Xa hơn khu nhà ở là những cánh đồng rộng, thửa nọ tiếp thửa kia. Trên những cánh đồng này, những người nông dân lao động rất vất vả để làm ra một bao gạo ngon nhất Pakistan. Đến nhà bác Ram-dan Ba-ba phải đi bộ rất xa, qua nhiều nơi trong thành phố, rồi qua những cánh đồng cỏ đẹp. Tường nhà bác trát bùn và mái lợp rạ. Gần cổng có một cây to tỏa bóng mát. Phía bên phải cây là một cái chuồng có hai con bò mộng nâu và một con trâu đang lặng lẽ nhai cỏ. Quanh đấy có mấy con dê đang chạy nhảy. Bác Ram-dan Ba-ba tiếp đón Sa-lem rất thân tình. Bác dẫn em vào trong nhà và giới thiệu với ba đứa con gái bác. Đứa bé nhất - A-su, cùng tuổi với Sa-lem. Mẹ của chúng chết đã lâu và bố chúng nuôi chúng lớn lên. Sau khi làm quen, Sa-lem được mời ngồi vào một chiếc giường trên đó bác Ram-dan Ba-ba đã phủ một tấm khăn trải giường sạch sẽ. Còn bác thì tự ngồi ở một chiếc giường khác. Bác Ram-dan Ba-ba nói chuyện với em về thời tiết và vụ mùa sắp tới. Sau đó một lúc thì A-su mang vào hai cốc váng sữa to. Nó then thò đưa một cốc cho Sa-lem và cốc kia cho bố. A-su mặc quần áo dân tộc và có một khuôn mặt ngây thơ đáng yêu.

- Đừng quá bận tâm về tôi như vậy, chị A-su, - Sa-lem nói. A-su rất thích vì được gọi là chị và trêu mếu mỉm cười với em.

- Sao lại gọi nó là chị? Đừng có khách sáo vậy! Cháu uống váng sữa đi. Váng sữa này làm từ sữa của con Ra-ni đấy. Ngon nhất thành phố nhé!

Bác Ram-dan tự hào tuyên bố. Ra-ni là tên con trâu nhà bác. Hôm ấy, sau khi ở nhà bác một lúc, hai bác cháu đi đến ruộng nhà Sa-lem. Sa-lem thấy ruộng rất tốt. Trong khi nói cho Sa-lem ý định gieo trồng vụ sau, bác Ram-dan Ba-ba nói cho em biết về nạn thiếu nước nghiêm trọng. Hai năm vừa qua mưa ít và các nông dân phải phụ thuộc vào nước kênh. Kênh ở cách xa ruộng tới mấy trăm dặm nên mỗi người nông dân phải đào một con mương riêng dẫn nước vào ruộng nhà mình.

- Thế sao chúng ta không làm như vậy?

Sa-lem hỏi.

- Công việc đó một người không thể làm được đâu, Sa-lem ạ. Làm một mình thì bác lại già quá rồi.

Bác Ram-dan Ba-ba đáp lại.

- Ai bảo bác làm một mình? Cháu sẽ làm với bác.

Sa-lem quả quyết nói.

- Không được đâu Sa-lem. Công việc này rất khó. Hơn nữa, khi nằm trên giường bệnh, bố cháu đã bắt mẹ cháu hứa không bao giờ để cháu làm những công việc thấp kém.

- Ôi bác Ram-dan Ba-ba ạ, làm việc trên ruộng nhà mình đâu phải là việc thấp kém? Mà cháu lại là con nhà nông. Hiện nay cháu có nhiều thì giờ. Bác đừng cản cháu. Bác cháu ta sẽ cùng đào mương. Ngày mai chúng ta bắt đầu!

Sa-lem tuyên bố một cách kiên quyết. Đêm đó, khi thời gian trôi qua và ánh trăng bắt đầu nhạt, Sa-lem mới hết thao thức. Giấc mơ của em vui hơn; em mơ thấy nước chảy vào các cánh đồng lúa trĩu bông của nhà mình. Rồi em ngủ thiếp ngay đi. Hôm sau, Sa-lem về nhà ngay sau khi tan học. Em ăn trưa thật nhanh và chạy thẳng ra đồng. Ngày thật là đẹp. Mặt trời thoảng biến mất sau một đám mây rắng to giống như đầu con sư tử khổng lồ. Bác Ram-dan Ba-ba vẫn chưa đến nên Sa-lem ngồi dưới bóng cây. ở đó hoàn toàn yên tĩnh. Bỗng nhiên em nghe thấy tiếng động, quay lại thì ra A-su đang chạy về phía em. Em ngạc nhiên đứng lên đón A-su.

- Chị làm gì ở đây vậy?

Em hỏi đột ngột.

- Tôi đến giúp anh và bố tôi.

A-su đáp và mỉm cười.

- Con gái không thể giúp nhiều được.

Sa-lem cười to.

- Đừng cười, Sa-lem. Tôi không thể đào được, song, ít nhất tôi cũng dọn được cỏ dại đã cắt. Anh cho tôi làm chứ?

Nó nài. Sa-lem chưa kịp trả lời thì bác Ram-dan Ba-ba đã xuất hiện ở đằng sau hàng cây. Bác mang cuốc và xẻng đến.

- Sáng kiến của con hoàn toàn phải đấy, A-su ạ.

Bác Ram-dan nói.

- Chúng ta cần một người dọn sạch cỏ dại ở đây. Nào lại đây Sa-lem, chúng ta bắt đầu đi! Sa-lem không thể cãi lại được, song

em không thích ý định của A-su đòi cùng làm việc. Em miễn cưỡng nhặt một cái xẻng xúc và bắt đầu phạt các bụi rậm. Suốt mấy giờ liền họ làm việc lặng lẽ. Đến giờ cầu nguyện buổi chiều thì một đám đất rộng đã được phát quang. Từ hôm đó, làm việc sau bữa ăn trưa đã thành nếp của mấy bác cháu. Đến ngày thứ bảy, tất cả các bụi rậm đã được cắt cho đến bờ kênh. Chỉ còn sót lại một đám cỏ. Trước khi cắt nốt đám cỏ, Sa-lem dừng lại để lau mồ hôi mặt. Em quay lại nhìn xem A-su đang làm gì thì bỗng rún người vì kinh sợ. Một con rắn đen to đang bò trong đám cỏ sau lưng A-su. Con vật đã bò đến sát nó mà nó chẳng hay biết. Không còn thì giờ để cáo cho A-su vì có thể sẽ làm con rắn giật mình và cắn nó. Trong chớp nhoáng, Sa-lem chạy bỏ về phía A-su và đẩy nó ra khỏi con rắn đang phun phì phì. A-su ngã, còn Sa-lem mất thăng bằng, trượt chân ngã vào con rắn. Không biết chuyện gì đã xảy ra, bác Ram-dan Ba-ba nhìn chúng ngạc nhiên. Đúng lúc, bác nhìn thấy con rắn đen ở dưới mình Sa-lem. Bác kêu lên một tiếng thất vọng, lao đến lấy xẻng chặt con rắn làm đôi. Bác đẩy Sa-lem ra nhưng đã muộn rồi. Rắn đã cắn vào bắp vế em và em rên rỉ vì đau đớn. Mọi người vội đưa em vào bệnh viện. Người ta làm tất cả mọi thứ có thể làm được để cấp cứu em. Nhưng lúc A-su đi gọi bác Tai-e-ba, mẹ của Sa-lem đến bệnh viện thì người anh hùng nhỏ tuổi đã chết. A-su và bác Ram-dan Ba-ba biết rằng đối với họ, Sa-lem không bao giờ chết, em sẽ sống mãi trong lòng họ. ThaiLand Cá voi của bé Noi Wiriáa Sirisingh Bé Noi sẽ về Băng Cốc ngày hôm sau. Em chỉ ở với chúng tôi còn có một ngày, nên chúng tôi định đi biển lần nữa, lần này chúng tôi đi câu cá.

- Em rất thích câu cá, Léch ạ.

Bé Noi hăm hở bảo tôi.

- Em sẽ câu được một con cá to nhất thế giới.

- Ô, thì câu đi!

Tôi bảo.

- Em tưởng có thể bắt được con cá nó nuốt môi đấy chắc? Sao em lại cho rằng em sẽ câu được một con cá to như vậy?

- Sao lại không? Chúng mình sẽ câu ở chỗ biển xanh sâu, mà tất cả cá ở đấy thì phải to, đúng không nào? Tôi cho câu trả lời đó là có lý, nên tôi im. Chuyến đi biển của chúng tôi có bốn người, ngoài bé Noi, Xquýt, tôi còn có chị Tu-ơ người trông nom bé Noi.

Lúc đầu chúng tôi định nhờ một người giúp việc ở nhà tôi đi lái xuồng, nhưng ai cũng bận cả, và cuối cùng tôi tự mình lái lấy. Xquýt thì được giao việc chuẩn bị dây, lưỡi câu, mồi câu và những việc tương tự. Chị Tu-ơ thì lo làm đủ thức ăn cho chuyến đi. Xquýt dùng kim cắt dây thép ở một cuộn to thành những mẩu dài khoảng bảy inh. Xong nó buộc lưỡi câu vào hai đầu của mẩu dây thép đã cắt. Nó buộc cái dây nhựa vào giữa mẩu dây thép.

- Không dùng cần câu à?

Hơi ngạc nhiên, bé Noi hỏi.

- Chúng mình không cần. Chúng mình có thể dùng tay giữ dây. Khi cá cắn mồi, chúng mình kéo thẳng dây lên. Thế là xong.

- Em không thích thế.

Bé Noi phàn nàn.

- Thậm chí chúng mình chẳng có cả đến chì nữa?

- Mẩu dây thép này đủ nặng rồi, bé Noi ạ.

Xquýt giải thích.

- Lúc chúng mình ném mẩu dây thép xuống, nó sẽ chìm xuống đáy biển cùng với lưỡi câu. Em biết đấy, câu bằng cách này rất tốt. Có thể một lúc câu được hai con cá.

- Thật thế à?

Nó hỏi. Có thể nó chưa tin lắm.

- Chắc chắn vậy. Em xem, lưỡi câu ở cả hai đầu dây thép này.

Chuẩn bị cho mỗi chúng tôi một bộ đồ câu tự làm lấy. Khi mọi việc đã xong, chúng tôi xuống xuống, mang theo tất cả đồ đạc định dùng trong chuyến đi.

Xuồng của chúng tôi thuộc loại trung bình, có mái che ở giữa. Loại xuồng này thường dùng chở đường, dầu, gạo và những thứ tương tự cho khách hàng ở hai bên bờ kênh. Tôi cho xuồng chạy chậm dọc theo kênh và ra biển. Cuối cùng chúng tôi đã ở xa bờ đến nỗi chúng tôi không thể nhìn thấy được nhà cửa ở dọc kênh nữa. Bây giờ chúng tôi chỉ thấy có biển và trời. Một bầy chim biển trắng đang bay lượn trên mặt nước tìm cá. Một vài con đang đậu trên những chiếc cọc buộc dây câu. Trông chúng trắng toát. Khi xuồng chúng tôi đến gần chúng bay cả lên trời.

- Đừng liều lĩnh làm cho xuống mình mắc cạn đấy, Léch ạ!

Chị Tu-ơ thích thú trêu tôi. Tôi cam đoan với chị là tôi không làm thế.

- Thế cậu làm thế nào mà biết eo biển ở đâu, hả Léch?

Chị vẫn tiếp tục.

- Có thể biết theo những con sóng to này, chị Tu-ơ ạ.

Xquýt ngồi cạnh chị, giảng giải.

- Nếu xuống chạy trong chỗ sâu của eo biển, sóng sẽ ngang với xuống. Nhưng nếu xuống không ở trong eo hoặc ở chỗ cạn của eo thì sóng sẽ đánh vào mũi xuống.

- Thế biển chỗ này có sâu không?

Bé Noi muốn biết.

- Không, về chiều thì chỗ này cạn hẳn. Tôi cho xuống chạy đến một nơi câu cá thích hợp. Xong tôi tắt máy và đi lên mũi xuống. Tôi và Xquýt thò một cái sào xuống biển đo chiều sâu. Chiếc sào nhanh chóng chạm đáy biển và chúng tôi biết rằng chỗ này biển không sâu lắm. Độ sâu của biển chỉ bằng chiều cao hai chúng tôi cộng lại. Sau khi đã cắm chặt sào xuống đáy biển, tôi buộc xuống vào sào để nó khỏi trôi xa.

- Ở dưới có cá không?

Bé Noi hỏi.

- Ồ, nhiều lắm!

Tôi bảo.

- Em có thể chọn bất cứ chỗ nào trên xuống để câu đấy! Chúng tôi lấy tôm làm mồi câu. Chúng tôi cẩn thận gài tôm vào lưỡi câu rao cho cá không nhìn thấy. Xong chúng tôi thả dây xuống đáy biển chỗ nước cạn ấy. Bé Noi đứng đằng mũi, chị Tu-ơ ở đuôi, còn tôi và Xquýt ở hai bên thành xuống.

- Chúng mình cuộc nhau đi!

Bé Noi bảo.

- Ai câu nhiều cá nhất sẽ thắng. ạ, dây của em động đập kìa!

Em phẫn khởi hét lên.

- Cá ở đây tham ăn thế!

- Nào, xem ai câu được cá to nhất, người ấy sẽ thắng.
Xquýt nêu vấn đề mới và chúng tôi đồng ý.
- Tôi câu được một con!
- Chị Tu-ơ kêu to và vội giật dây lên. Một con cá nhỏ xíu vù vù ở lưỡi câu một cách tuyệt vọng.
- Ô, chú mày bé quá!
Chị cần nhàn và ném con cá xuống biển.
- Hãy đợi đã! ồ, đừng! Sao lại làm thế hả chị Tu-ơ?
Xquýt phản đối.
- Đi câu sao lại thế?
- Nhưng nó nhỏ quá, chú bé ạ! Chị sẽ câu con to hơn, đừng lo.
Chị Tu-ơ vừa nói vừa chuẩn bị. Chị lại ném cái lưỡi câu đã gài tôm cần thận xuống nước.
- Dây của em động đây rồi. Em kéo dây lên được chưa?
Bé Noi nói.
- Cô bạn ngốc nghếch ạ. Tứ cuộc là chỉ còn trơ lại lưỡi câu thôi.
- Tôi kêu to không chút hi vọng.
- Kéo ngay lên! Lúc chúng tôi kéo được dây của bé Noi lên thuyền thì môi đã hết sạch.
- Lần sau, thấy động thì em kéo mạnh lên.
Tôi bảo nó.
- Lưỡi câu sẽ cắm vào mồm cá.
- Thế à?
Bé Noi hình như học câu cá lần đầu tiên trong đời.
- Lần sau em sẽ câu liền một lúc hai con cho mà xem. Lúc đó biển có nhiều cá.

Chẳng bao lâu, tôi và Xquýt, mỗi đứa câu được ba, bốn con. Nhưng chúng tôi chỉ câu được loại cá bé xíu như con cá của chị Tu-ơ câu được trước đó. Loại cá đó bé hơn cá thu con một tí và có nhiều vây. Đầu nhỏ, mồm rộng, trông ngộ ngộ. Thịt ăn ngon, ít xương. Một số dân chài sống bằng cách đánh bắt loại cá này. Họ

bắt được ít nhất mỗi ngày một trăm con, nó là loại hàng bán chạy nhất chợ.

- Em câu được một con to này!

- Đột nhiên bé Noi hét lên. Cả ba chúng tôi bỏ cả dây của mình và quây quanh em. Dây của em bị kéo căng. Cái gì đó kéo mạnh lắm.

- Em sẽ thắng cuộc.

Bé Noi nói.

- Bây giờ em phải làm gì nhỉ?

- Cô bé không quyết định được là sẽ phải làm gì đây. Nếu em kéo mạnh quá, cái dây nhựa mỏng mảnh sẽ đứt. Nhưng nếu em không kéo dây lên, cá sẽ kéo dây xuống cho đến khi thoát và dây rồi cũng sẽ đứt thôi.

- Đưa cho anh, bé Noi!

Xquýt thốt lên.

- Đây, hộ em với!

- Em nói và đưa ngay dây cho bạn.

Xquýt cẩn thận kéo đầu dây lên thành xuống khi cá kéo mạnh quá. Xquýt ngừng một lúc. Rồi nó lại tiếp tục kéo. Nó lại dừng rồi lại kéo. Chúng tôi sốt ruột đợi. Chúng tôi muốn biết con cá ngu ngốc nào lại nuốt lưỡi câu của bé Noi.

- Em chắc là một con cá voi.

Bé Noi còn hồi hộp hơn cả chúng tôi. Em đi đi lại lại về sốt ruột, tay khoanh chặt, rất xúc động.

- Em điên à? Làm sao em có thể câu được cá voi ở đây?

Chị Tu-ơ nói.

- Cá voi sống ở đại dương. ở đây làm gì có cá voi?

- Chị thật là chả biết gì.

Bé Noi nói, tỏ ra là biết nhiều hơn chị nuôi của nó.

- Cách đây không lâu cáo chả dăng là đã tìm thấy xác một con cá voi ở bãi biển gần đây hay sao. Chị đã đọc tin ấy, phải không nào?

- Nếu con cá ấy đã chết, thì con nào ăn được đúng mồi của em?

Chị Tu-ơ không đồng ý với bé Noi, nhưng giọng của chị đã kém tự tin hơn ban đầu. Và rồi thời điểm kết thúc hội họp nhất đã đến. Xquýt đã thành công, kéo lên nào là dây, nào là lưới câu, đủ cả các thứ. Nhưng cái vừa bị dây của bé Noi kéo lên chẳng phải cá voi mà cũng chẳng phải con cá ranh nào. Nó chỉ là một chiếc giỏ cũ to tướng.

- Đây, cá voi của bé Noi đây này! Tất cả chúng tôi reo lên.

VIỆT NAM

CON VOI DÔNG BẢO

Vũ Hùng

Trích phần đầu cuốn

“Người quản tượng và con voi chiến sĩ”

Nhà xuất bản Kim Đồng, Hà Nội 1973.

Hôm ấy là một ngày hè năm 1942. nắng chói chang. Rừng lặng gió, cây cối im phăng phắc. Không khí bị hun nóng trở nên ngọt ngọt. Càng về chiều nắng càng gay gắt. Không ai dám đi nương. Dưới sàn, đàn gà đứng há mỏ. Trên các cối gạo và ở các ngưỡng cửa, bầy chó nằm thượt, đầu đặt trên hai chân trước, lưỡi thè dài, mắt nhắm nghiền. Ông già Khạ Rem ngồi trong nhà hết nhìn ra ngoài trời lại nhìn bầy chó. Cặp lông mày bạc trắng của ông nhíu lại. Ông lầm bầm:

- Ôi quá lắm! Cơ này bão to mất!

Ngoài bãi, bầy voi đứng bồn chồn. Chúng mệt mỏi lắc lư bên những cột gỗ cụt lủn, nơi chúng bị xích chân, chốc chốc lại tung cao vòi như muốn hớp không khí và lần lượt rống những tiếng rung chuyển. Ông già lại lầm bầm:

- Voi rống thế kia, rồi đến mưa trút ra trước !

Ông rút cây đồng của người quản tượng giắt trên vách và bước xuống mấy bậc thang, gọi to:

- Đik! thằng Đik! Ở cánh rừng cạnh làng, một tiếng hú vang xa đáp lại. Ông già giơ cao cây đồng, gọi về phía có tiếng hú:

- Về thôi! Đik!

Từ trong bụi rậm, một chú bé đen nhầy, mình trần, ống tên đeo ngang lưng, tay cầm ná, nhô ra. Nó tiếc rỏ nhìn lại phía sau, nơi nó mất cả nửa buổi cùng với Srung, bạn nó, rình một gia đình nhà sóc về tổ.

- Srung à! Mình về đây!

Một khuôn mặt nâu từ trong lùm cây ló ra:

- Khê chứ, Đik à! Mày làm ồn vậy, lũ sóc không dám về tổ nữa đâu.

- Ông mình gọi rồi, mình về đây.

- Về đi! Lát nữa mình mang cho Đik một con, nấu bữa canh chiều.

Đik lắc đầu cười, phô hàm răng đều đặn, trắng bong:

- Mình không nấu canh đâu. Mình kẹp lá bưởi, nướng cho ông Rem mình uống rượu.

Nó chớp chớp cặp mắt, gật đầu chào bạn rồi chạy vội về nhà. Mặt nó đỏ rừ, lông lánh mồ hôi. Nó bước thoăn thoắt lên những bậc thang lim nhẵn bóng. Ông già Rem đỡ lấy cái ná và ống tên Đik vừa cởi ra, trao cho nó cây đồng:

- Chạy ra giông con Lêk-đăm về.

- Ông không cho nó gọi mưa?

- Thôi! Đêm nay nổi bão to đấy!

Như một quản tượng thực thụ, Đik cầm cây đồng nhảy từng bước hai bậc xuống và chạy một mạch ra bãi voi. Nó nhanh nhẹn tháo xích cho con Lêk-đăm. Con voi ngà cúi xuống, mừng rỡ đưa cái vòi mềm mại hít hít khuôn mặt đỏ ửng của Đik và lấy cặp ngà cong, nhọn hoắt âu yếm khê cọ vào sườn Đik. Rồi nó lấy vòi nhẹ nhàng cuộn ngang lưng Đik, nhấc bổng thẳng bé đặt lên cái lưng phẳng lì của nó. Đik ngồi choãng chân, vỗ cán đồng xuống gáy Lêk-đăm, bắt chước giọng người lớn, oai vệ ra lệnh:

- Pây! Pây!

Lêk-đăm đứng đỉnh bước đi, kéo theo mấy vòng xích loảng xoảng. Người các nhà cũng lần lượt ra bãi giông voi về. Làng Takhan bỗng ồn ào vui vẻ khác thường. Voi rống âm vang, đón mưa. Bọn trẻ dang rộng hai tay, vừa chạy vừa reo trong gió. Rồi đông nổi lên, mỗi lúc mỗi mạnh. Trên bãi voi, cỏ khô bị bốc lên từng đám. Gió ào ào lông từng cơn, thổi bạt những cánh chim đang cố bay. Trời tối sầm. Chớp lóe sáng giữa những đám mây cuộn cuộn. Lũ trẻ vừa kịp chạy lên nhà thì mưa đã xối xuống. Nước đổ như thác xuống các mái nhà lợp nứa. Cây rừng ngả nghiêng, xơ xác

trước những cơn gió giạt dữ tợn. Cái nhà sàn của ông già Rem dựng trên những cột lim chắc nịch, nhiều lúc tưởng chừng cũng bị gió xốc bổng lên. Cứ mỗi lúc có cơn gió ập đến là nó lại vặn mình rãng rắc. Ông già Rem cời to bếp lửa, ngọn lửa lung lay. Bóng hai ông cháu chập chờn trên vách. Bỗng một tiếng sét nổ tung trên đỉnh núi. Nghe gần như nó ở ngay trên mái nhà. Tiếp sau tiếng nổ là những tiếng rơi đổ rầm rầm!

- Đá lở đấy! - ông già Rem thì thầm với Đik. Hai ông cháu mở to mắt và lắng nghe. Lấn trong tiếng đá lăn, có tiếng cây cối gãy rãng rắc và tiếng thú rừng gào hoảng loạn.

- Đá lở đấy! - ông già Rem nhắc lại bằng một giọng sợ hãi trước sức mạnh bí ẩn của núi rừng. Hai ông cháu đến bên vách phen nhìn ra ngoài trời. Một ánh chớp lóe lên xanh lè, tiếp theo là một tiếng nổ nhưc óc. Qua ánh chớp soi sáng, hai ông cháu nhìn thấy một con đường rộng vừa được mở trên sườn núi. Trên con đường ấy, những tảng đá rất lớn kéo nhau lăn xuống. Chúng chồm lên, húc vào nhau, cuộn theo mình những cây lớn trên đường đi, vừa lăn vừa gầm thét. Trong tiếng ồn ào hỗn độn đó, Đik nghe như có tiếng rống kinh hoàng của một bầy voi.

- Ông à!

Đik thì thào.

- Có tiếng voi hoang.

- Ồ! - ông già trả lời, tai vẫn lắng nghe. - Voi hoang thật.

Chuyện này vẫn thường xảy ra ở làng Ta-khan. Khi mùa mưa bắt đầu, nương rẫy và những cánh rừng dưới thấp mọc đầy cây non. Lũ voi hoang kéo nhau xuống núi. Mưa đi tới đâu, chúng theo mưa tới đó tìm ăn, việc ấy đã thành thói quen của chúng từ lâu đời. Dưới nền đất, con Lêk-đăm quật vòi lên sàn nứa. ở các nhà khác, những con voi nhà cũng buồn bực giậm chân. Rồi bỗng chốc, chúng cùng rống cả lên và giạt xích rùng rùng. Từ một nhà ở đầu làng chọt có tiếng cồng văng vẳng. Rồi nhiều tiếng cồng khác tiếp theo, át trong tiếng gió. Người Ta-khan cáo với nhau có thú về gần làng. Trong đêm dông bão, cả làng thức tỉnh chờ đợi. Tiếng rống của bầy voi hoang mỗi lúc một gần, nghe rõ thành những tiếng hú lạc giọng và man rợ. Tiếng chân chúng rình rịch ở rìa làng. Tháp thoảng sau các rặng cây, những thớt voi hoang to lớn mọc meo đang phá chạy. Giống như những tảng đá lớn, bầy voi lao mình

trong đêm tối. Cây cối rung rào rào trên đường chúng đi, và tiếng chân nghe xa dần trong tiếng gió rít. Bỗng một lúc lâu, hai ông cháu lại nghe tiếng chân nặng nề đập xuống những vũng nước. Tiếng chân một con voi đang tung vùi rẽ lối vào làng. Chốc chốc con vật lại ngừng bước, loay hoay đưa vòi quờ quạng trên mặt đất ướt sũng để tìm đường. Ông già Rem và Đik đã nhìn thấy nó.

- Voi lạc! Voi lạc!

Ông già Rem mừng rỡ, nắm chặt lấy vai cháu, kêu lên rồi nhanh như sóc, ông nhảy lại phía chiếc công treo trên vách. Đợi cho con vật đi sâu vào bãi voi làng, ông hối hả nện một hồi công. Đik không cần đợi ông bảo, chạy ngay đến chỗ cuộn thừng da min và mở toang cửa.

Những hạt mưa rần chắc đập tới tấp vào mặt hai ông cháu. Đik đội mưa nhảy xuống gầm sàn. Trong chớp mắt, ông già Rem đã lăn được cuộn thừng xuống lưng con Lêk-đăm. Đik tháo xích. Con vật hiểu ý chủ quỳ ngay xuống. Đik leo lên, lom khom đứng choăng chân trên lưng nó. Khi con Lêk-đăm vừa đứng dậy thì ông già Rem đã buông mình xuống cổ nó. Ông ngồi kẹp chặt hai chân vào sau tai con vật, tay lăm lăm cầm cây sào dài đầu có buộc nút thông lọng của cuộn thừng. Nhiều nhà đã nổi công trả lời hồi công của ông già Rem. Gầm các sàn có tiếng tháo xích loảng xoảng. Lêk-đăm lao ra cổng làng. Mưa xối trên lưng làm nó hăng hái. Nó vừa chạy vừa vươn vòi hứng những giọt nước mưa mát lạnh. Chẳng mấy chốc nó đã đuổi gần kịp con voi lạc bầy. Con vật như đã cảm thấy sự nguy hiểm sau lưng, tập tễnh bỏ chạy, một chân sau lết trên mặt đất. Có lẽ nó vừa bị thương trong trận đá lở. Đó là một chú voi non nhưng to lớn chẳng kém gì một chàng voi đực gần đến tuổi làm việc. Khi nó hốt hoảng quay lại ngó con Lêk-đăm, Đik thấy con vật đã có cặp ngà non dài chừng ba bốn tấc.

- Trời! Con voi đẹp quá!

- Đik sung sướng kêu to. Ông già Rem vỗ mạnh xuống cổ con Lêk-đăm, thúc nó rượt theo mũi. Lêk-đăm lồm lên và chỉ một lát sau nó đã gần như chạy song hàng với con voi lạc. Một ánh chớp lóe lên. Ông già Rem quăng dây thòng được nút thừng vào chân sau con vật.

- Rải dây! Rải dây! - Ông hét to ra lệnh cho Đik.

Từ trên đầu voi, ông già nhảy xuống mặt đất. Đik luống cuống lẫn cuộn thừng xuống cho ông. Con voi non kéo thừng chạy dài. Ông già buông thừng chùng thêm và quán nhanh mấy vòng vào một gốc cây lớn. Con voi lạc đang đà chạy bỗng đứng sững lại. Nó giãy cái chân bị vướng làm sợi thừng rung lên bần bật. Bằng một động tác thành thạo, ông già Rem đã đóng xong trong nháy mắt cái cọc buộc đầu dây thừng rồi lại leo lên cổ Lêk-đăm. Theo lệnh ông già, Lêk-đăm đi đến bên con mồi. Chú voi non lùi lại, gào lên gọi bầy. Nhưng bầy đã đi quá xa rồi! Nó định chống cự, nhưng lại cứ lùi dần trước Lêk-đăm. Con voi nhà như động lòng thương tiến lên một bước, lấy vôi vờ nhẹ vào lưng con voi non và kêu khe khe ra ý an ủi. Rồi Lêk-đăm lấy trán đẩy con voi non về phía một gốc cây lớn gần đấy và đột nhiên nhanh nhẹn tung vôi giữ chặt lấy vôi con mồi. Vừa lúc đó ba bốn người quản tượng khác đã gióng voi, đội mưa chạy lại giúp hai ông cháu. Họ la hét với đủ giọng vui mừng, nạt nộ xung quanh con voi vừa bị bắt và lăn xuống mấy cuộn thừng giúp ông già Rem cột chặt chú voi non đang run rẩy vào thân cây. Khi Lêk-đăm thả vôi chú voi non ra và đưa hai ông cháu về nhà thì trời đã khuya. Con bão rừng đang tàn dần. Ông già Rem cời lại bếp lửa cho sáng rồi ngồi sưởi với Đik. Ông cuộn một điếu thuốc lớn, khoan khoái rít từng hơi dài.

*
* *
*

Trải bao vất vả ông già mới kiếm nổi cho mình một con voi. Hồi còn trẻ năm nào ông cũng cùng phường săn làng Ta-khan vượt núi sang sườn phía Tây dãy Trường Sơn. Sau mỗi mùa săn, họ gióng về đôi ba con voi rừng. Phường thì đông, voi bắt được thì ít, người trẻ thường phải nhường phần cho người già. Vì vậy mãi bảy tám năm sau ông Rem mới đến lượt nhận phần. Ông được chia một con voi già đã đứng tuổi, nhưng rất vạm vỡ, con Lêk-đăm ngày nay. Khi đã có voi, gia đình ông già Rem khá giả lên rất mau. Ông cùng với con trai, bố thằng Đik, đem voi đi phá rẫy, kéo gỗ. Vào mùa khô thì đi chở hàng. Khi thì họ chở muối vượt núi sang Lào, khi thì thồ một chuyến hàng vào tận những buôn làng Tây Nguyên. Nhưng ngày nay Lêk-đăm đã yếu! Cũng như ông già Rem, nó chẳng còn làm việc được bao lâu nữa. Ông già thường nhớ đến những lời giới giảng của bố mẹ Đik. Con trai và con dâu ông

chết theo nhau trong một trận dịch sốt phát ban, cùng dặn lại ông chỉ một điều:

“Con Lêk-dăm đã già rồi thể nào cũng phải kiếm cho Đik con voi khác”. Ông thường nghĩ đến chuyện đó trong những đêm thao thức, tự trách mình chưa làm tròn bổn phận với đứa cháu yêu. Đời cháu ông rồi sẽ ra sao nếu khi ông chết đi ông chỉ để lại cho nó một con voi già? May sao, trận bão hôm nay đã đưa đến cho hai ông cháu con voi lạc. Cũng giống như Lêk-dăm, trong đời ông già, con voi mới sẽ giúp Đik mọi việc và làm cho đời cháu ông càng thêm sung sướng. Ông già ngồi mà lòng cứ mong cho chóng sáng để được ra ngắm con voi và trí óc ông chỉ nghĩ đến chuyện dạy dỗ nó sao cho chóng thuần. Ngồi bên ông, Đik không nói nhưng lòng nó đang rạo rục vì sung sướng. Nó nhâm tính:

“Con Lêk-dăm già rồi, nó đã làm việc cho ông bao nhiêu năm, giờ phải cho nó nghỉ. Chỉ dăm sáu năm sau là nó chẳng còn làm được việc gì nữa. Ông sẽ thả nó về rừng, trả nó về với bầy như cụ PY vừa thả con voi một ngày của cụ. Ông sẽ đưa mình đi dạy con voi lạc làm việc thay cho nó”. Đik tưởng như những chuyện vừa xảy ra chỉ là chuyện chiêm bao. Nhưng không, trong bóng đêm, con voi lạc bị cột vào thân cây vẫn rống lên từng hồi ở ngoài kia. Đik nghe mãi không chán tiếng kêu của con vật. Tiếng rống của con voi còn làm cho Đik nghĩ tới Srung, đứa bạn thân thiết của Đik. Bố Srung cũng đã chết từ lâu, nhà Srung thì không có voi. Lúc này, có thể Srung đã ngủ yên, không biết gì về chuyện may mắn của Đik, nhưng chắc chắn Srung sẽ hoàn toàn chia sẻ niềm vui với Đik.

“Nó sẽ ôm lấy mình mà nói: may mắn quá. - Đik nghĩ - Nó sẽ giúp mình chăm cho con voi. Mình sẽ xin ông Rem cho nó cùng đi chặt chuối, cùng đi dạy voi với mình”.

Tiếng gió rít qua vách phen nhẹ dần rồi lặng hẳn. Chỉ còn thấy ánh chớp yếu ớt ở nơi xa, chỗ có tiếng sấm ì ầm vọng lại. Phía đầu rừng, chim “chót bót” trốn bão đã rời chỗ, bắt đầu gọi sáng. Nghe chim kêu, ông Rem như chợt tỉnh. Ông âu yếm ngàng nhìn Đik, mắt sáng lên âm áp:

- Cháu có biết không, ngày xưa ông phải vất vả bảy tám năm mới có nổi con voi. Thế mà nay bỗng nhiên bắt được con voi lạc. Khác nào bắt được vàng. Ông muốn đặt tên nó là “Kham-toóc”, cháu có ưng không? Nó là con voi của cháu, ông muốn đặt cho nó cái tên thật hay cho cháu thích. Đik chơm chớp đôi mắt nhìn ông:

- "Kham-toốc" là "vàng rơi" hả ông?

- "Vàng rơi"! Cháu có ưng cái tên ấy không? Nó chả là "vàng rơi" thật đấy ư?

- "Vàng rơi"! "Vàng rơi"! Vàng cũng chẳng quý bằng nó đâu ông à! Con voi đẹp quá cháu chẳng biết nên đặt tên gì cho nó nữa.

Hai ông cháu lại im lặng. Ông già Rem cố nghĩ một cái tên khác thật hay cho con voi. Đik nhìn ông chăm chăm. Bỗng nó hờ hỏ nhồm dậ:

- Ông à! Hay ta đặt tên nó là Bao. Nó đã lạc đến nhà ta vào một đêm bão lớn như đêm qua.

Ông già sừng sốt nhìn cháu. lát sau ông chậm rãi lắc đầu:

- Chẳng nên đâu! Cái tên ấy không may mắn!

Ông già Rem chỉ muốn thằng Đik của ông và con voi được sống bình yên. Vậy thì tại sao lại đặt tên con voi là Bao. Ai mạng cái tên thế nào sẽ sống cuộc đời thế ấy, ông già tin như vậy. Ông chậm rãi nhắc lại:

- Cái tên ấy không may mắn!

- Sao mà không may mắn? Cháu sẽ đưa nó đi phá rẫy, làm nương. Nó sẽ nhổ cây mạnh như cơn bão đêm qua ấy, rồi ông xem.

Đik nói và tưởng như mình đang ngồi trên lưng con voi lạc đã dạy thuần, đi phá rẫy. Con voi quơ vòi rút từng bụi rậm, tì trán, đẩy đổ những cây lớn. Nó đập bằng mọi vật trở ngại trên đường. Đik sẽ đi săn với con voi. Ngồi trên cổ nó, Đik chẳng còn sợ gì thú dữ, rắn rết... Càng nghĩ Đik càng thấy thích cái tên mà nó nói ra. Nó một mực đòi ông:

- Ông thấy không, con voi này khỏe lắm! Nó về nhà ta giữa đêm bão, ông cứ đặt tên cho nó là Bao, cháu ưng thế!

Ông già Rem không ưng cái tên ấy. Nhưng chiều cháu, ông khe khẽ nói:

- Tùy cháu! Nếu cháu đã muốn vậy thì ông đặt tên cho nó là Lôm-luông. Cháu bằng lòng chưa?

Đik nhoẻn miệng cười. Nó gật đầu rồi ôm lấy chân ông già. Đó là dấu hiệu tỏ lòng biết ơn.